

tươi cũng chạy qua hàng thịt. Nghĩa là khẩu phần lèo tèo mấy miếng thịt kho thái mỏng.

Tòa soạn "*Xung phong*" ngoài ông Lịch chủ nhiệm báo, ông Tấn Phong chạy đủ thứ: thu tiền, mua giấy đưa bài in, chữa bản thảo, lấy báo về, và gửi bưu điện cho cơ sở. Bí nhất là thiếu người chủ bút. Đạo đó cha tôi đang ở Hà Nội, họa hoàn Người mới về quê. Một hôm biết cha tôi về làng, ông Lịch viết thư mời cha tôi lên Phủ Lý. Cha tôi diện bộ "Tây" cà tàng lên. Ông Lịch mở đầu:

- Được biết anh viết văn, làm báo, mà tỉnh nhà có báo của Thanh niên Cứu quốc. Tôi không biết gì về nghề làm báo... Nói đến đây ông Lịch ngừng lời và nhìn cha tôi. Cha tôi đáp:

- Anh định nhờ tôi việc gì?

- Không phải nhờ, mà mời anh cộng tác với Thanh niên Cứu quốc, anh phụ trách chủ bút tờ "*Xung phong*" của Đoàn - ông Lịch nói.

Cha tôi lặng lẽ. Ông Lịch tiếp:

- Báo Đoàn cần ta, cơ sở gửi bài, anh tập hợp và sửa đủ bài để đăng, hoặc nếu thiếu anh viết cho đủ trang in. Báo chỉ có bốn trang bằng khổ báo to gấp tư. Tuần ra một số.

Cha tôi vẫn ngồi nghe, thỉnh thoảng về thuốc lào, rút điếu cây, nhả khói, từng cuộn vòng tròn, ông Lịch nói tiếp:

- Báo chỉ có ba người, tôi lo việc đoàn thể là chính, kiêm chủ nhiệm cho danh chính ngôn thuận. Anh Tấn Phong lo việc quản lý, trị sự, in ấn, phát hành. Anh lo bài vở, xong bài từng số, anh giao cho anh Tấn Phong...

Cha tôi thủng thảng:

- Việc đoàn thể của tỉnh, tôi nhận.

Ông Lịch mừng rỡ bảo:

- Chúng tôi mượn được gian nhà bỏ không ở phố chính, tờ báo “*Xung phong*” đặt ở đấy. Sẽ kẻ bảng cho người ta biết để giao dịch. Anh ngủ tạm chiếc phản và ở đấy có cái bàn để anh làm việc, tiếp khách. Đến bữa, có bếp ăn tập thể, anh báo cho cấp dưỡng nấu.

Ông Thoại kể tiếp: khi ấy giao việc ở đâu cũng đơn giản, cấp trên tin anh em và ngược lại. Không ai hỏi trợ cấp hoặc lương, làm việc hết mình khi đã nhận, làm việc là niềm vui và sự thúc đẩy từ lương tâm phụng sự Tổ quốc... Tuy ông Lịch làm chủ nhiệm nhưng ông bận bù đầu vì công việc khác. Ông chỉ biết trong thời gian cha tôi làm chủ bút: hàng tuần đều đủ bài đưa nhà in và báo mới luôn đến với cơ sở đều đặn. Ông bảo ông không biết cha tôi ăn ở ra sao, thỉnh thoảng có lần ông hỏi cha tôi thì cha tôi nói thủng thảng:

- Việc Đoàn là việc nước. Hoàn cảnh đất nước ở đâu cũng nước sôi lửa bỏng, ai còn đòi hỏi điều gì cho riêng mình?

Cùng thời gian cha tôi làm phóng viên báo “Giữ nước” và “Cờ chiến thắng”. Và một dạo cha tôi vào mặt trận Nam Trung Bộ với tư cách là đặc phái viên “Văn hóa cứu quốc”. Những ngày hùng hực khí thế cách mạng ấy, như bao người yêu nước khác, cha tôi không nghĩ đến nghỉ ngơi, và cũng không còn sức lực và thời gian dành cho gia đình. Do vậy, tháng hai năm 1946 mẹ tôi sinh con thứ tư là trai, cha tôi không có nhà. Ông nội đặt tên cho em là Trần Hữu Thành. Thành ra đời được mấy hôm, đang còn đỏ hồng thì giặc rấp ranh tràn vào làng. Mẹ con tôi bỗng bế nhau đi tản cư. Chúng tôi tản cư ở thôn Đồng Nhuận phía bắc huyện Lý Nhân. Tại đây, hai ba gia đình vào ở nhờ nhà một người dân địa phương. Ban ngày thì tìm những bóng mát ở bờ tre, rặng nhãn để ngồi - Ban đêm, trải chiếu nằm la liệt xuống bếp nhà người ta. Đôi lần cha tôi ghé thăm mẹ con. Gia chủ thấy cha tôi có vẻ thư sinh lại là cán bộ kháng chiến, có ý vị nể nên bảo: “Mời ông giáo lên nhà trên nghỉ ạ” Nhưng cha tôi thường từ chối để nằm cạnh các con. Có hôm chủ nhà nhắc nhiều, thấy chối không tiện nên phải lên

nhà trên ngủ, thì Người cũng nán lại rõ lâu để ngồi cạnh các con, nô đùa với chúng tôi. Vuốt ve tóc con gái, cầm tay, cầm chân con trai. Rồi ôm các con trong lòng, hôn lên má, lên đầu các con... Khi nào chúng tôi ngủ say hết, cha tôi mới đứng dậy đi ngủ. Năm chừng mười họa được ở nhà vào ban ngày thì cả nhà tìm một bóng mát ngoài vườn. Mẹ ngồi gõ sọt hoặc may vá, các con kiếm lá để đun hoặc chơi đùa, cha rì rầm chuyện trò với mẹ hoặc chơi đùa với các con. Đó là những giờ phút hạnh phúc và thanh bình nhất của chúng tôi.

Như tôi đã nói ở trên, những năm đầu của cách mạng tháng Tám, khoảng cuối năm 1945 cha tôi có chuyến đi vào Nam. Lần này cha tôi vào mặt trận với tư cách là đặc phái viên “Văn hóa cứu quốc”. Đó là chuyến đi lần thứ hai của cha tôi. Lần thứ nhất Người đi vào năm vừa học xong bậc Thành chung và mới cưới vợ được một tháng. Chuyến đi đó vừa là kiếm kế mưu sinh vừa là để thực hiện hoài bão đổi đời của tuổi trẻ. Nhưng sau đó bị vỡ mộng vì chưa đủ sức và cũng vì thể trạng quá ốm yếu. Chuyến đi thứ hai lại khác hẳn, lần này cha tôi mang theo sự náo nức của người lính ra trận, như cha tôi từng nói: “...Cả dân tộc đã dồn cả vào một con đường ấy là con đường ra mặt trận, con đường

cứu nước...”, và cha tôi kể lại: lúc khởi hành, ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ thấy mọi người hớn hở vì được ra đi - ông đã bảo: “Con đường vào Nam là con đường vui phải không?” và sự náo nức đó còn được nhà thơ Xuân Diệu mô tả trong bài thơ: “Ngọn Quốc kỳ” “Gió reo, gió reo, gió Việt Nam reo” Cảnh nhộn nhịp của ngày ra đi đó còn được cha tôi kể thế này... “Con đường vô Nam phơi phới bóng Quốc kỳ và cuốn theo nhạc Quốc ca, từng đoàn thanh niên hùng dũng và vui vẻ tiến vào Nam, nơi đang bị xâm lăng...” và Người còn bảo: Nỗi vui, hăng đó không giống nhau đâu. Người thì do bị ức hiếp lâu ngày, vừa thoát ra khỏi ngục tù, vội xông vào đâm chết những kẻ ức hiếp mình và đập tan bức tường dày đã giam hãm mình bấy lâu nay. Người thì nghĩ đến Tổ quốc non sông. Người thì nghĩ đến bốn phận làm dân. Người thì đơn giản chỉ thích làm người lính thôi... Nhưng tất cả lại giống nhau ở chỗ là họ đều đi vào chỗ nguy hiểm, nếu không vui vẻ thì ít nhất cũng bình tĩnh, vững dạ... và tin chắc rằng mình sẽ trở về hoặc nghĩ bụng “mình chẳng trở về nữa, cũng có sao đâu!”... Ra đi lòng nhẹ nhõm, không bịn rịn, không lo lắng. Ai cũng bằng lòng vì được đi, đó chính là tâm trạng của cha tôi trong chuyến đi Nam lần thứ hai này.

Sau chuyến đi Nam ra, trở lại miền Bắc công tác cha tôi đến vùng đồng chiêm trũng dưới chân núi Đọi Diệp là nơi gia đình nhà văn Vũ Bằng tản cư để thăm ông. Nhà văn Vũ Bằng tả lại chuyến viếng thăm đó như sau: "...Tôi làm báo kháng chiến, lê chân đi trên nhiều ngả đường đất nước và gặp hầu hết anh em cũ, nhưng không có lần nào gặp Nam Cao. Thì một ngày mưa phùn, giá rét căm căm, tôi thấy Nam Cao tóc phủ mang tai, đội nón lá, đi dép Bình Trị Thiên lác lư cái đầu bước vào nhà tôi tạm trú, như thể đã ra vào quen thuộc lắm rồi. Lúc đó tôi đang thien một con mèo. Anh đặt nón lá xuống đất chạy đi tìm dầu và dây cột cho tôi. Hai anh em làm công việc như người nhà, không ai có thể ngờ rằng đó là đôi bạn hàng bốn, năm năm không được gặp nhau..." Ông kể tiếp: Sau đó hai người ngồi uống nước cũng chẳng hỏi thăm nhau ra sao và ông bảo: Cha tôi y như ngày trước, chỉ có nước da sạm màu hơn. Đến lúc ngồi ăn cơm hai ông cũng toàn nói chuyện lảng nhãng y như không hề xa cách bao giờ... và đến tối đi ngủ sớm. Sau khi vào màn, thấp ngọn đèn hoa kỳ lên, hai người nói đủ thứ chuyện về Tây, về ta. Quá giấc ngủ hai ông ra uống nước. Tình cờ cha tôi trông thấy bộ Tam Quốc của ông Phan Kế Bính dịch, ông Bằng đặt trên bàn. Hai ông đưa vào

trong màn thay nhau đọc... Ông bảo đợt ấy, cha tôi ở chơi với ông được hai ngày và một đêm mà tuyệt nhiên cha tôi không hề nói tại sao Người lại lặn ngòi, ngòi nước về thăm ông. Ngay lúc đó ông bảo cha tôi: “Chưa biết bao giờ chúng mình mới lại gặp nhau, vì tôi định dinh tê chuyến này”. Cha tôi vẫn không tỏ ra ngạc nhiên và cũng không một lời khuyên nhủ như những bạn bè khác thường khuyên ông... Nhà văn Vũ Bằng kể tiếp: “...Sau đó ít lâu về đến thành phố, tôi nghĩ cuộc gặp gỡ Nam Cao ở Đầm, thì thấy quả là “nhiều” thật vì đó là lần chót tôi thấy anh, cùng ăn uống, trò chuyện với anh - Tin tức do anh em ở các vùng xôi đậu gửi về cho biết Nam Cao đã mất - Ngày chia tay ở cái làng đồng chiêm dưới chân núi Đọi Điệp lại không ngờ là ngày vĩnh quyết - Đêm nằm nghe súng nổ vang ở bốn mặt quanh thành, tôi cố nhớ lại cử chỉ cuối cùng của anh lúc tôi đưa anh ra bến sông, nhưng không thể nào nhớ nổi.

Tất cả đều mờ đi như chìm trong đám sương mù, chỉ còn lưu lại được một kỷ niệm anh đội nón lá, lưng khoác ba lô, đi thui thui qua hết ruộng lúa này đến ruộng lúa khác rồi mờ dần, mờ dần trên một con đê vắng - Anh đi về đâu? Tôi cũng chẳng hỏi... đã là kháng chiến thì làm gì chẳng là làm, đi đâu chẳng là đi... chỉ đau một điều là những nhà

văn cõ Nam Cao chết đi giữa lúc chiến tranh sôi động thật là một thiệt thòi rất lớn cho riêng phe văn nghệ...” Đó là những điều đau xót của nhà văn Vũ Bằng khi ông biết tin cha tôi hy sinh và đây là những lời đùa cợt của nhà văn để quên đi những mất mát hy sinh... “Hình như anh theo Công giáo, mà theo Công giáo thì khi chết sẽ lên Thiên đường - Mà tôi thì theo Phật giáo. Khi chết sẽ lên Niết bàn... chẳng trước thì sau chúng ta sẽ gặp nhau.

Lúc đó, tôi cũng làm như anh là phớt tỉnh đi như thể chúng ta không bao giờ xa cách và tôi sẽ hỏi:

- Này cậu, ở trên này người ta có viết văn, làm báo không? Tôi sẽ hỏi Nam Cao một việc nữa: là anh ở trên trời có tìm ra được bí quyết gì của trời không? Tại sao có người sướng lắm, có người khổ quá? Hơn thế sao có người làm cái mặt nghề là nghề văn bút, lúc sống đã khổ cả một kiếp người, đến lúc chết lại cũng khổ luôn... Còn một điều nữa lúc anh chết, anh “lịm” đi như khi sống, phớt tỉnh đời, hay anh phần uất căm thù đến ứa nước mắt? Hay anh vừa chết vừa cười sằng sặc như cái anh văn sĩ nghèo rớt mồng tơi bị vợ nhiếc, nằm ngửa mặt lên trời “cười với trăng”. Đọc những dòng hóm hỉnh mà đầy tình cảm trên đây của nhà văn Vũ Bằng, tôi lại nhớ đến một hôm tôi đọc được bài báo

của con trai nhà văn mô tả về đám tang của nhà văn rất xúc động. Hôm nay tôi viết lại mấy dòng này, tôi xin thấp nén nhang gửi vào gió để mong sao hai nhà văn gặp lại nhau ở cõi vĩnh hằng. Để hai người có thể dãi bày hết mọi chuyện về nhau. Dãi bày cả những vinh quang và cay đắng. Cả những việc mà trước đây để giữ bí mật vì sự nghiệp lớn lao của Tổ quốc, không thể bộc bạch ra cùng nhau được. Trải qua những cuộc chiến tranh biết bao sự hy sinh thâm lặng như thế! Thưa nhà văn Vũ Bằng, chắc lúc này thì bác và cha cháu có thể dãi bày tất cả! Cháu xin cầu mong hai người có cuộc gặp gỡ này.

Mùa thu năm 1947, cha tôi lên Việt Bắc theo lời mời của chủ nhiệm báo *Cứu quốc* Xuân Thủy - ở đó Người làm phóng viên báo *Cứu quốc* cùng phụ trách tạp chí *Cứu quốc* - rồi làm thư ký tòa soạn báo *Cứu quốc*. Trước lúc đi xa, cha tôi dành vài ngày để đưa mẹ con tôi từ nơi tản cư cũ đến một nơi xa hơn là huyện Thanh Liêm, Hà Nam với mong muốn vợ con được an toàn hơn. Buổi tối hôm đó, cả nhà ngồi lên con đò dọc chờ múa để đi. Nửa đêm trời nổi dông, một trận mưa lớn ập tới: mưa xối xả, mưa như trút nước xuống đầu xuống mặt không sao ngồi lại thuyền được. Cha cũng Mai Thiên, tay dắt tôi, dáng cha gầy gò run rẩy... Mẹ bế

em Thành và vai đeo bị quần áo - Cả nhà đội mưa lên bờ. Chuyện này tôi đã nói ở phần trước.

Chuyến đi Việt Bắc của cha tôi, được nhà báo Mai Thanh Hải kể lại như sau: Dù lần đầu anh gặp cha tôi, Người mặc bộ quần áo nâu, tuy lớn hơn anh đến mười lăm tuổi, cha tôi vẫn nắm lấy cánh tay anh mà nói: “Cho mình đi theo ông, mình còn lạ nước lạ cái lắm!”. Anh Hải giải thích: đi theo đây là đi theo đường dây bí mật của ZT (bí danh cơ quan giao thông) lách qua các vùng địch đang chiếm đóng để lên chiến khu Việt Bắc. Anh bảo: cảm tưởng đầu tiên của anh là cha tôi chẳng có vẻ gì là nhà văn cả. Không râu hói, không kính trắng, không ngậm píp ở miệng, thậm chí không có được một cái bút máy hiệu Kaolô vận cổ đồ mực như anh đã thấy ở nhà văn Nguyễn Tuân. Hành lý của cha tôi trong chuyến đi ấy, có một cái chăn dạ Nam Định cuộn tròn đeo chéo quanh vai và một cái bị cói trong đựng mấy bộ quần áo, mấy tập giấy ố vàng, một cái bút bằng que tre, đầu cắm ngòi bút sắt và một lọ mực nhãn hiệu Wateman.

Trên đường đi anh hỏi cha tôi về đạo mới cầm bút. Cha tôi cười bảo: “Mình túng bán quá, cầm bút ghi lại những chuyện xóm giềng, bạn bè và nhất là chuyện của chính mình, của vợ con. Lúc đầu viết tam toạng, bài được đăng, bài mất tăm, ấy

thế mà cô thêm vài đồng bạc, cũng đỡ dần được cho bà vợ tý chút. Hồi đó mình ký tên là Thúy Rự, Xuân Du, thậm chí có lúc quấy quá ký là Nhiều Khê!” Và khi anh hỏi sao cha tôi không ký tên thật thì Người bảo: “Ký tên thật cho mà bị đuổi ra khỏi làng à?...” Từ năm 1947 đến năm 1948, cha tôi chủ yếu ở Bắc Cạn. Người viết báo và sáng tác phục vụ kháng chiến: viết tin, truyện ngắn, ca dao. Có lúc do nhu cầu phục vụ còn viết kịch, viết sách địa dư. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng nói về sự việc này như sau “...ở Nam Cao, trong ít lâu nay, nhất là từ sau chiến dịch Cao Lạng, không có những bản khoản đau khổ, xâu xé tâm hồn, anh biết đi đâu, anh biết làm gì, không có sự chia lìa giữa người công tác và người sáng tác. Thu đông 1950, trong chiến dịch Biên giới, anh góp phần nhiều vào việc tuyên truyền cổ động cho chiến dịch, cho đơn vị anh phục vụ hơn vào việc tìm tài liệu cho cá nhân mình; Sắc lệnh Thuế nông nghiệp ban hành, anh hăng hái viết kịch “*Đóng góp*”. Đây là một công tác hơn là tác phẩm. Nhưng anh nghĩ công tác nào, chẳng phải là một sáng tác khi nó phục vụ nhân dân, thúc đẩy kháng chiến và cách mạng... Anh không lo cho tên tuổi, cho sự nghiệp cá nhân, không ham cầu địa vị. Anh nhận mọi phần việc

của anh, vô luận to hay nhỏ: Soạn một bản tin, phụ trách một lớp huấn luyện cho các chú giao liên, viết một truyện ngắn. Đối với anh trách nhiệm nào cũng như nhau... Anh để vào đấy hết sức của mình. Cái tính giản dị, nhũn nhặn, xuề xòa hay tự xóa mình đi của anh thường khiến anh nhận những công tác mới xem thật là tầm thường, ít ai để ý. Ít khi anh phàn nàn về công việc... Anh ít đòi hỏi cho riêng mình... Anh gánh vác phần nặng nhọc và chia sẻ ngọt bùi với người xung quanh...”

Những năm đó, tuy sống ở rừng núi, nhưng địch cũng thường xuyên tràn lên đánh chiếm. Cơ quan phải sơ tán vào rừng sâu, lên núi cao. Những người trí thức khi đó mới thực sự được nếm trải gian lao, cực nhọc, mới biết đến lao động chân tay. Riêng cha tôi vì sức khỏe rất yếu nên đây là một thử thách không nhỏ. Tuy nhà nghèo, nhưng từ bé đến lớn Người cũng chưa hề biết đến lao động khuôn vác là gì. Song đến lúc ấy thì những việc đó là thường xuyên. Cha tôi ghi: “Công việc cất giấu của chúng tôi đã tạm xong, luôn ba ngày khuôn vác mỗi như người. Đêm qua ngủ rừng, sáng dậy mặt, cổ và tay chân bê bết máu vì vắt cắn”... Nhưng, dù gian khổ cha tôi vẫn vui bởi như nhà văn Nguyễn Đình Thi đã nói: “Nam Cao cũng như

mọi anh, chị em viết văn. Sống những ngày ào ạt, sôi nổi... người ta say sưa làm việc tui bụi". Cha tôi tự thấy mình đã thay đổi qua cuộc kháng chiến vĩ đại của Tổ quốc: "Càng thấy phải khuôn vác, phải vất vả càng vui. Cách mạng đã đổi hẳn óc mình. Kháng chiến chẳng những làm già dặn thêm khối óc đã đổi mới kia, còn thay đổi ngay chính thân thể mình". Cha tôi bảo thế. Và người được kết nạp vào Đảng năm 1947.

Buổi lễ kết nạp Đảng của cha tôi, được bác Tô Hoài ghi lại như sau: "...Quân địch lùng vào làng, gần đến cơ quan, chúng tôi rút lui suốt đêm leo núi. Núi Pia-bi-óc cao quá, đến sáng mà vẫn chưa tìm được một mô đất phẳng. Mãi sau mới gặp một cái lán bỏ hoang. Anh em lạc mỗi người một nơi, còn lại có mấy người, quần áo ướt sũng sương. Cũng không ai để ý đến tiếng súng moóc-chê của địch đã lại bắn phát một vào núi từ phía làng Phiêng Phường tới. Lúc ấy Nam Cao đã ngồi quay lại, trả lời đồng chí bí thư một câu mà Nam Cao đã cân nhắc lưỡng lự suốt đêm:

- Tôi nghĩ kỹ rồi anh ạ!

Đồng chí bí thư đặt tay lên vai Nam Cao, nói thông thả:

- Chóc nữa thì đại bộ phận cơ quan ta rút lui. Ba đồng chí ở lại đây, Đảng sẽ kết nạp đồng chí ở

đây, ngay bây giờ. Khi đó, trong cái lán bỏ hoang ở sườn núi, chỉ có đồng chí bí thư và hai đồng chí giới thiệu. Đồng chí bí thư nói đến những chiến đấu vinh quang và gian khổ của cách mạng, những gương hy sinh của đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong các đồng chí tiền bối của Đảng. Đồng chí bí thư nói đến lòng trung thực với Đảng. Nam Cao ngồi. Một đầu gối dè lên ba lô, cổ vẫn khoác nguyên cái màn mà đêm qua leo núi, rét quá anh đã quấn vào. Trên khuôn mặt hốc hác, đôi mắt không chớp nhìn xuống thung lũng. Đồng chí bí thư vừa dứt tiếng, đôi mắt ấy nhìn lên đồng chí:

- Tôi mong ngày hôm nay từ mười năm rồi, tôi xin thề trung thành với Đảng...

Nói đến đây, Nam Cao nghẹn lời. Nước mắt cứ tràn xuống hai gò má nhô cao đang đỏ bừng lên.

Hồi cuối năm 1948, nhân chuyến đi thực tế vùng đồng bằng. Cha tôi đã về thăm quê. Lúc này trên đất làng tôi, không có đồn giặc đóng, mà chúng đóng cách làng tôi hai làng. Nhưng ngày nào bọn giặc cũng nống ra đi ăn cướp vào ban ngày, đến tối chúng rút về đồn để cố thủ. Hôm đó về làng, cha tôi đợi tối hẳn mới sang dò. Về đến đầu làng mới vừa chập tối mà cảnh tượng tưởng như đã khuya lắm: làng xóm im lìm, không có tiếng chó cắn, không có ánh lửa. Không một tiếng

người họ, người canh gác cũng không. Khi đến gần nhà mình; vẫn thấy hoang vắng, cha tôi cảm thấy xót xa. Cha tôi bảo... *“Về nhà mình mà lại không được nằm một đêm ấm cúng bên vợ con, ở trong căn nhà gỗ năm gian xinh xắn mà bản thân mình đã phải chật vật lắm mới làm nên được? Tôi thấy rằng đêm nay nằm co quắp ở đây, tôi sẽ thao thức suốt đêm, lòng tê tái chết lịm đi trong cảnh cô quạnh, mệnh mông của căn nhà rộng quá! Không có cái đèn ấm áp hắt lên tường, không có tiếng nói cười riu rít của thằng Thiên, con Hồng xúm xít quanh mẹ, đùa với thằng em nhỏ đang vừa cười với chúng vừa áp má vào ngực mẹ. Không có nụ cười dịu dàng của vợ tôi cúi xuống các con, căn nhà của tôi chỉ là căn nhà chết.”* (vì lúc này mẹ con chúng tôi đang ở nơi tản cư, cha tôi về làng một mình).

Nghĩ như vậy cho nên cha tôi không về nhà mình mà Người đi tìm một ai đó để được nói chuyện, để được nghe tiếng người. Khi ra đến đường cái, cha tôi rẽ vào một nhà ở ven đường; cổng đóng, cửa chẵn liếp, im lìm. Người tìm đến một cái nhà khác, cũng thấy cổng đóng, cửa chẵn liếp... Cha tôi thất vọng định quay trở lại nhà mình thì bỗng nghe thấy tiếng cười đột ngột. Tiếng cười thật to, thật mạnh bạo rung lên giữa im lìm nghe thấy lạ lắm và thật mừng! Cha tôi càng mừng rõ

hơn khi nhận ra tiếng cười kia là của chú Hiến. Và khi nhìn kỹ cha tôi thấy chú Hiến còn khoác tay một người nữa là chú Khôi - người bạn cùng làng của cha tôi và chú Hiến. Hai người vừa kể chuyện cho nhau nghe, vừa bắt chước giọng một người ở làng gheo gái...

Chú Hiến cười khanh khách, cười ngặt nghẽo... chú Khôi hòa tiếng cười hừ hừ của mình. Hai người nghiêng ngả vừa cười đùa vừa đi về phía cha tôi - Cha tôi bảo: “Đột nhiên lòng tôi sáng rực. Không! Làng tôi không chết, làng tôi vẫn sống, một dòng nhựa thanh xuân vẫn ứ đầy trong nó”...

Cha tôi reo lên:

- Khôi, Hiến đây phải không?

Chú Hiến hỏi lại:

- Ai đấy?

Khi đôi bên nhận ra nhau thì chú Khôi nắm chặt lấy hai vai cha tôi, còn chú Hiến mừng quỳnh lên mà rằng:

- Úi giờ ơi, sao mãi anh không về thế? Chúng tôi tưởng anh đi xa mất rồi.

Cha tôi cảm động lắm. Đó cũng là những người bạn chí cốt của cha tôi, họ cùng hoạt động với Người ở làng từ ngày còn bí mật. Tên của cha tôi vẫn trong danh sách đoàn viên thanh niên cứu

quốc ở làng. Dù đi xa cha tôi coi mình còn ở quê nên vẫn đều đặn gửi tiền để chú Hiến đóng nguyệt phí dân cho Người. Trước đây còn hoạt động trong tỉnh, mỗi lần về quê cha tôi đều đến họp hành với họ - Đoàn gây quỹ để chăn nuôi, mở hợp tác xã... cha tôi đều đóng góp với anh em - cha tôi tự hào khoe: đoàn thanh niên vững mạnh lắm! Khi thấy những cán bộ trụ cột vẫn ở lại làng và giữ vững được tinh thần trung kiên như vậy cha tôi hồ hởi hỏi hai người:

- Các cậu vẫn ở nhà à?

Chú Hiến trả lời ngay:

- Thanh niên mà cũng chạy thì hỏng bét! Chúng tôi đã quyết định tất cả thanh niên sẽ ở lại làng.

Cha tôi lại hỏi:

- Thế còn gia đình?

Chú Khôi bảo:

- Gia đình thì phải chạy, chú ở nhà “nó” đến thì làm sao được. Và cha tôi bảo, cha tôi muốn ngủ cùng các chú đêm ấy thì hai chú dẫn cha tôi đến nhà chú Ngũ (chú Ngũ cũng là bạn cùng hoạt động với ba người). Khi các ông vào đến nơi, thấy ông Ngũ đang vừa đun bếp vừa bắt rận cho vào nướng. Rồi ông vừa cười vừa nói một mình: “Phải tiêu trừ

hết cái giống thực dân hút máu này đi mới được, mình tóm đến một đại đội rồi mà vẫn chưa ra sự hết”. Cha tôi bịt mũi bắt chước giọng Tây, hỏi bằng một câu tiếng Pháp:

- E, tu ve, làm gì đấy?

Chú Ngũ liền quay ra, chấp hai tay vừa vái vừa bảo:

- Lạy quan lớn ạ! Mời quan lớn vào đây mà xơi tổng.

Đấy là chú tướng chỉ có chú Hiến và chú Khôi. Khi nhận ra còn có cả cha tôi, chú vút ngay áo xuống đất, để chạy ra. Miệng chú riu rít:

- Ủi giờ ơi! Mà thì chết với ông! Mà bỏ chúng ông đi đâu mãi không thấy ló mặt về? Ngộ nhờ Tây nó xơi hết chúng ông rồi thì mà sống mà ở với ai? Lần này thì mà có chạy đằng giờ. Đội du kích của chúng ông đang thiếu chính trị viên cừ đây. Chúng ông cứ tiếc mãi không có mà ở nhà.

Các ông thúc gằn hết đêm hôm đó để chuyện trò. Các ông kể cho cha tôi: nào là Đoàn đứng ra tổ chức cuộc sống và đánh giặc như: Đoàn thanh niên bỏ ra một ít tiền, dân làng góp thêm rồi đi mua sọt, đem đến chỗ tản cư để trẻ em và cụ già gõ, các bà dệt vải bán lấy tiền ăn. Những người khỏe mạnh thì đem về làng thu hoạch hoa màu góp vào ăn

ống sinh hoạt. Lực lượng nòng cốt thì ở hẳn tại làng vừa đánh giặc vừa tăng gia sản xuất... Chuyện du kích đánh Tây dũng cảm ra sao? Tây chết bao nhiêu thằng và mình hy sinh những ai. Chuyện thanh niên tham gia Vệ quốc đoàn bao nhiêu người, v.v...

Tờ mờ sáng hôm sau, cơm nước xong, cha tôi mải miết ra đi thế mà mới đi được một đoạn đường, đã nghe tiếng súng nổ dữ dội - Các anh du kích bảo bọn Tây đi càn. Cha tôi rẽ xuống bờ sông, lái đò đã dìm thuyền. Người chèo quần áo cho vào cái bị đội lên đầu rồi bơi qua sông. Cha tôi bảo: Sang đến bờ bên kia cha tôi tím hết người, run cầm cập. Nhưng cái ấy có nghĩa lý gì lúc bấy giờ, vì qua một đêm gần gũi với những người bạn trên quê hương đã làm cho Người lây được cái tính vui, hăng, bất chấp tất cả của họ. Cha tôi vừa đi vừa cười, rất khinh nhờn những tràng liên thanh rền rẹt ở cách mình có hai cây số và mỗi lúc một gần thêm.

Lúc từ làng đi Việt Bắc, cha tôi ghé thăm mẹ con tôi ở nơi tản cư. Đó cũng là lần cuối cùng Người gặp lại vợ con.

Hôm ấy là một buổi tối mùa đông, bên ngoài trời lất phất mưa, trong nhà bốn mẹ con vừa cơm nước xong, đã lên giường cho ấm. Cha tôi đột ngột bước vào nhà, chúng tôi nhìn thấy cha, thì riu rít

mừng vui. Còn cha chỉ đứng nhìn vợ con tùm tùm cười. Một lát sau cha ngồi vào giường, tôi và Mai Thiên sà ngay vào lòng, còn Thành bò nhanh sang với mẹ. Vừa nép vào lòng mẹ vừa nhìn trộm cha (em lạ mà). Được một đêm nằm cạnh vợ con. Sáng hôm sau địch càn vào nơi chúng tôi ở. Cả nhà chui xuống hầm bí mật. Hai đứa em tôi luôn mồm đòi ăn, đòi uống. Chí cha chí chóc, làm cả nhà được một mẻ thót tim. May mà giặc không tới tận nơi ẩn nấp của chúng tôi; nếu nó đến, chắc là không thể thoát khỏi tay chúng. Mãi đến chiều tối hôm ấy địch mới rút, chúng tôi ra khỏi hầm trong trạng thái căng thẳng, mỗi một. Cha tôi ở nhà được một ngày nữa rồi phải ra đi. Lần ấy lúc lên đường cha tôi thật buồn. Đứng bên chúng tôi, một tay cha mân mê đôi chân nhỏ bé của Thành, một tay cha vuốt tóc tôi. Rồi đột nhiên Người buông chị em tôi ra, dùng cả hai tay ôm lấy đôi vai gầy của Mai Thiên mà lắc lắc. Sau đó, cha tôi nhìn sang mẹ tôi, rồi bảo: “Mình đi với tôi một đoạn”. Hai người đi một lúc lâu, lại quay về. Cha tôi đứng lặng nhìn tôi trân trân, giọt nước mắt của Người lăn dài trên gò má hốc hác. Cha tôi đứng lặng lẽ như vậy một lúc, rồi quả quyết quay ra và đi như chạy. Sau lần cha tôi về, mẹ tôi lại có mang và sang tháng 8 năm 1950 thì sinh con trai. Ông nội tôi đặt tên em là

Trần Hữu Thực. Thực là đứa con cuối cùng của cha mẹ tôi. Đứa con không bao giờ cha con được thấy mặt nhau. Sau khi sinh em Thực xong, mẹ tôi yếu đau luôn. Nơi đất khách quê người với một nách bốn đứa con thơ. Mẹ tôi làm không đủ ăn, đành dặt dứu nhau về quê. Lúc đó quê tôi đang là vùng địch chiếm đóng nên từ sau đấy, chúng tôi không liên lạc được với cha tôi nữa.

Cùng trong chuyến đi ấy, cha tôi ghé thăm cơ quan văn nghệ Liên khu III ở Độc Tru, huyện Lạc Thủy. Nhà văn Chu Văn gặp cha tôi ở đó, và ông kể: "... Một chuyến đi dài ngày vất vả và nguy hiểm mà trang bị của cha tôi thật sơ sài: một cái mũ lá tàng tàng, cái áo bông xanh, quần nâu, đôi dép cao su, một tay đũa đựng chặn màn và tài liệu, một cây gậy tre khá chắc..." Ông Chu Văn còn bảo: khi ông đọc tác phẩm của cha tôi, ông hình dung cha tôi ắt phải là một khách lọc lõi thập thành nói năng sắc sảo, ráo riết. Nghĩa là một mẫu có gang có thép "đáo để lắm chứ không vừa". Ông nói: "Chúng tôi - Những người thích văn chương, mong được nhìn thấy: "Ông bố đẻ của thằng Chí Phèo". Mà phần nào cũng gồm gồm, ngại ngại... Ông ta..." Nhưng đến khi gặp cha tôi, ông thấy khác hẳn hình ảnh các ông đã mừng tượng. Ông tả cha tôi: Có chiều cao mà thiếu bề ngang, mặt dài, lưỡng quyền dô,

đôi mắt mệt mỏi và nụ cười hiền lành. Rồi ông lại bảo: Cha tôi ít nói, rất khiêm tốn, cử chỉ chậm chạp... Ông thắc mắc: Sao khi mô tả cái anh “Hoàng” và thằng “Chí” thì cha tôi hóm làm vậy?...

Ông Chu Văn kể tiếp: Khi ăn cơm có rau muống chấm muối trắng chưng cà chua và tép rang mặn. Vậy mà cha tôi khen nức nở rằng ngon và Người bảo: “Khu III gạo trắng, nước trong có khác” - Ông Chu Văn nhận xét: Cha tôi ăn đã dễ dãi mà ngủ cũng sơ sài: Người chọn một góc sàn liếp, mắc màn. Cái tay đẩy đặt làm gối. Mảnh chăn đơn đắp ngoài, phụ vào cái áo bông cũ. Gậy dựa ngay cạnh đôi dép lố, lúc nào cũng sẵn sàng... Rồi ông lại bảo “Nam Cao chân thành khiêm tốn”, không ồn ào, pha trò rất chín. Người khác nghe cười phá lên thì anh chỉ tủm tỉm. Nhưng khi đã mặn chuyện, anh nói rất nhiều về quê hương anh...”. Ông nói, cha tôi bảo: quê Người có bề dày văn hóa, Người kể từ chuyện trận càn Am-phi-bi đến chuyện thôn Đức Bản với ba mươi hai cụ già liệt sĩ... Cha bảo, Người tiếc rằng trong những trận đụng độ ác liệt đó, Người không có mặt. Cha tôi còn khoe: quê Người có nhiều nghề giỏi, thợ mộc Cao Đà giỏi nhất nước, nghề dệt vải, nghề làm vườn... chuối ngự Đại Hoàng không phải đâu cũng trồng

được. Nó cho trái chỉ bằng ngón tay, mà mọng. mà xinh, thành tú, bốc hương đến mát cả buồng phổi. Rồi hồng Nhân Hậu, quả lớn, sai trĩu mà không có hạt. So với hồng Lạng Sơn nó còn hơn một bậc.

Nghe nhà văn Chu Văn bảo: Cha tôi khi mận chuyện nói nhiều mà hóm. Tôi chợt nhớ: ngày xưa cứ mỗi lần cha tôi về quê thường đến thăm bác ruột tôi - là anh cả mẹ tôi. Hôm nào cha tôi có mặt là y như hôm đó chị Toan con gái bác bị mắng, là bởi chị rất thích nghe chuyện cha tôi. Cứ cha tôi ngồi kể chuyện là chị bỏ hết công việc, đến ngồi châu rìa, nghển cổ lên nghe, nhiều hôm đến bữa cũng không chịu đi thổi cơm. Còn anh Hoàng Cao là con trai bác tôi thì lại còn hơn cả chị Toan. Anh có thể ngồi với cha tôi từ sáng đến chiều, chuyện trò đông, tây, kim cổ không ăn cơm trưa cũng được. Một lần bác gái, vốn tham việc, tức lên bảo cha tôi: “Cái chú này, cứ thấy chú đến chơi là y như rằng chẳng đứa nào chịu làm ăn gì, mất hết cả việc”. Cha tôi tùm tùm đứng lên: “Thế à! Vậy thôi em về nhé!” Chị Toan phụng phịu với mẹ: “Mẹ rõ thật là, lâu lắm chú mới lại chơi. Chúng con mong chú mãi thế là chú về mất rồi! Tiếc quá!”.

Sau chuyến đi thực tế ở đồng bằng, trở lên Việt Bắc cha tôi phụ trách phần văn nghệ trong tạp chí và báo *Cứu quốc*.

Mùa hè năm 1949, cha tôi là một trong số ba mươi giảng viên đến giảng bài ở lớp viết báo “Huỳnh Thúc Kháng” do Tổng bộ Việt Minh chủ trương và điều hành. Đến lớp học này, cha tôi gặp lại nhà báo Mai Thanh Hải - là người vào năm 1947 trên đường lên Việt Bắc, gặp anh lần đầu, cha tôi đã đề nghị: “Cho mình đi theo ông...” Anh Hải bảo: Hai người vừa gặp nhau, cha tôi đã ôm lấy vai anh mà rằng: “Bạn cố tri” với một tình cảm rất chân tình - rồi anh kể: anh nhớ mãi ý kiến của cha tôi ghi trong quyển sổ vàng của trường: “Giá hồi mới bước vào nghề, tôi đã được như các bạn ngày nay. Được một lớp như lớp Huỳnh Thúc Kháng này hướng dẫn, thì tôi đã tránh khỏi mất bao nhiêu thời giờ mò mẫm”. Rồi có lần cha tôi rủ rỉ với các anh ở lớp học về bối cảnh sáng tác truyện ngắn “Đôi mắt”. Cha tôi bảo: đây là những ngày tháng gay go nhất: lúc bắt đầu cuộc kháng chiến, mặt trận quân sự di dộng khắp nơi, các làng xóm phải chuyển động sang một nếp sống mới. Vậy mà vẫn có dăm ba người bo bo giữ lối sống trưởng giả. Đôi mắt khinh bạc, giọng nói lạc lõng. Lại cứ cho mình là cao quý. Người lại nói: một truyện ngắn thôi, nhưng nó là sự chọn lựa dứt khoát của lớp trí thức chân thành từ bỏ con người cũ của mình để đi theo cuộc sống mới, đầy sóng gió.

Điều này cũng được nhà thơ Tô Hoài kể lại: “... Sau chiến thắng Sông Lô, một số anh em: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Kim Lân và tôi, về một làng ở Phú Thọ, chuẩn bị ra tờ báo *Văn nghệ* thì nhận được truyện ngắn “*Đôi mắt*” của Nam Cao gửi đến. Đang buổi đầu kháng chiến, bao người còn ngỡ ngàng về hướng nghĩ cách nhìn, mà Nam Cao có ngay một tác phẩm rất sắc sảo, phê phán thái độ hoài nghi đối với nhân dân và Đảng lãnh đạo. Bằng một giọng văn nhẹ nhàng và nghiêm trang có chất châm biếm “*Đôi mắt*” thực sự có ảnh hưởng lớn trong giới trí thức, văn nghệ làm Người “sáng mắt sáng lòng”.

Cuộc sống đầy sóng gió mà cha tôi chọn và tâm sự với nhà báo Mai Thanh Hải được nhà thơ Hoàng Trung Thông mô tả, khi ông kể về một lần gặp cha tôi ở Việt Bắc như sau: “... Những ngày đó tôi được gặp anh cùng với Tô Hoài ra viết ở ngoài lán trong rừng. Bây giờ cơ quan Hội Văn nghệ ở cây số 7 đường Tuyên Quang - Hà Giang. Quyển nhật ký của Nam Cao với những mảnh dạn xuyên thủng ở Bắc Sơn hôm anh bị trận máy bay bắn phá ở Vũ Lăng...” và trận máy bay bắn ở Vũ Lăng đó được cha tôi ghi lại trong trang nhật ký ngày 7 - 9 - 1950 như sau: “... *Nghỉ ăn cơm tối ở một nhà thiếu số (Thổ hay Nùng) ... Quá trưa, bắn và ném bom KT-*

8 King Cobra và 6 Đa-cô-ta - đã tưởng dù, hoảng
hôn: Đất rung lên - Đạn nổ chỗ trên bãi bộn mình
nằm. Thị xã khói um. Tĩnh, Vũ và mình vào phố.
Nhà tan nát - Nhà rục cháy - nhà ngùn ngụt khói.
Rạ, lá cây đầy phố. Cây đổ. Những cái hố bom
đường kính và bề sâu đến hơn hai thước. Bên một
cái, hai chú, một người nằm giữa, nhợt nhạt máu
đen hần ở ngực. Người ta đã ném một nắm rạ lên
mặt cho chú. Dưới một cái cây bị phạt đứt hẳn làm
đôi, một người áo xanh vá, quần đùi nằm sấp, một
bên mông đã bị mất... Vòng qua phố một lần, chân
bước trên than và xung quanh toàn lửa... Về đến
trạm trú, thì nghe tiếng gào khóc thảm thiết... Nghĩ
đến nay mai có thể gấp mười, gấp hai mươi, lần
thé!..." Và chính trong thời gian đó cơ quan cha tôi
phải di chuyển liên tục. Trèo đèo lội suối, ngủ
rừng, ngủ đường - Đi dưới trời mưa bị ướt... ốm đau
liên miên, thiếu thốn thường xuyên... Những lo
lắng về vợ con trong vùng địch, sự đấu tranh bản
thân để chiến thắng kẻ thù xâm lược và tư tưởng
bên trong con người mình, được cha tôi diễn tả như
sau: "... Nằm ngủ vệ đường GNC. Đúng hai giờ
khuya xe mới đến, dỡ hàng xuống. Rồi cả bọn lên
xe đi Quảng Yên, vào khoảng bốn giờ sáng thì tới
địa điểm tập kết... Sốt hai đêm nay rồi. Hôm ấy:
hắt hơi, rất cuống phổi từ chiều, tối viết bài, đêm

lịm người, nôn nao suốt đêm. Sáng hôm sau đi rửa. Suốt ngày lao lư số mũi. Đêm sốt liên miên, ngày hôm qua cũng khó chịu đêm qua vẫn sốt... Được biết đêm 28 thì bộ phận B đi nốt, chỉ còn lại những người ốm. Ở lại nữa không đành lòng: Vì vậy đêm 27 vẫn sốt và không ngủ được, sáng 28 cũng nhất định ra đi... Nhưng, quả nhiên mình quá sức rồi. Chỉ mấy cây số đã thấy cần nghỉ lại... trải vải sơn ra nằm thở”. Cuốn nhật ký vào năm 1950 đến đầu năm 1951 đã chứng tỏ, cùng với đồng đội, cha tôi di chuyển từ Bắc Cạn lên biên giới, sang Trung Quốc rồi lộn về và tiếp đó là tới đồng bằng liên khu III.

Năm 1950 khi còn ở Việt Bắc, cha tôi tham dự lớp học Nguyễn Ái Quốc trung ương cùng một số văn nghệ sĩ trong đó có nhạc sĩ Phong Nhã. Nhạc sĩ Phong Nhã kể: “Nam Cao được thầy phó hiệu trưởng nhà trường phân công làm chủ bút tờ báo liếp của trường. Anh tìm đến tôi, đặt tôi viết bài”. Ông Phong Nhã bảo: Ông rất mừng được gặp cha tôi, là nhà văn ông đã từng hâm mộ, khi còn ở tuổi học trò. Ông tả cha tôi người gầy gầy, xương xương, cao cao, nét mặt hiền lành khô ngô tuấn tú, nói năng nhỏ nhẹ. Ông nói thêm: trước đây ông cứ nghĩ cha tôi phải lạnh lẹn hơn, hoạt bát hơn vì các nhân vật do cha tôi tạo ra rất phong phú. Có

những ý nghĩ táo bạo, nhiều suy tư cay đắng, hận đời. Nhiều hành động đột ngột, dữ dội... Ông bảo, ông cứ tưởng cha tôi phải là người thao thao bất tuyệt, nói năng khoa trương, đằng này cha tôi thật hiền lành, trầm tư nhiều, hay hút thuốc lào vặt, diễn đạt thủ thi không muốn mình nổi trội - Khi ông khen nức nở tác phẩm của cha tôi thì Người còn đỏ tai và không nhắc lại. Nói xong nhạc sĩ Phong Nhã kết luận: “Nam Cao có đời sống nội tâm mạnh mẽ, nhưng không bộc lộ ra bên ngoài”.

Cha tôi ở Việt Bắc đến sáng ngày 15-9-1951 và bắt đầu chuyến đi về đồng bằng từ chiều ngày 15-8-1951.

Chuyến đi cuối cùng và hoàn cảnh hy sinh

Theo cuốn nhật ký của cha tôi để lại, Người xuất phát lúc 5 giờ chiều ngày 15-8-1951 tại Việt Bắc. Ngày 16-8-1951 Người đi từ Tuyên Quang sang Đoan Hùng, Phú Thọ.

- Ngày 17-8-1951 cha tôi đến Gia Dụ gặp mưa bão.

- Ngày 18-8-1951 trên đường từ Gia Dụ đến Đào Xá, tối ngủ ở Đào Xá.

- Ngày 19-8-1951 rời Đào Xá, cha tôi gặp lại thầy Phấn là nhân vật San trong tiểu thuyết

“Sóng mòn” ở La Phù và tiếp đó vẫn là những ngày đi đường. Đến ngày 9-9-1951 cha tôi đã về đến vùng Hang Ám. Người ghi: “... Đám đàn bà xé nhau, tiếng quát tháo, chốc chốc lại máy bay. Tiếng liên thanh nghe không lấy gì làm xa lắm... Minh lại lên cơn sốt nằm nghe hai đứa con gái vừa ăn cơm vừa cãi nhau, nhớ Hồng quá, luẩn quẩn mấy hôm nay, rất thèm ôm mấy đứa con... Khổ nhất là nằm, hay ngồi nghe trẻ con khóc, đợi tôi để xuống đò xung quanh là nước. Tôi vẫn hơi sốt, nhịn cơm đi”.

- Ngày 18-9-1951 tại địa điểm hội nghị văn nghệ Liên khu III, cha tôi còn đọc truyện ngắn “Giữ làng” của nhà văn Phạm Lê Văn và bảy truyện ngắn nữa. Truyện nào, Người cũng ghi nhận xét tỉ mỉ.

Cũng trong chuyến đi cuối cùng này của cha tôi, tôi còn được các nhà văn, nhà thơ và đồng đội của cha tôi kể lại, tôi xin trích kể một số điều trong các chuyện đó:

- Nhà thơ Tố Hữu kể: “Đầu năm 1951 chiến dịch Biên giới thắng lợi lớn, nhưng anh Trần Đăng một cây bút trẻ xông xáo đã hy sinh, thật đau lòng, nhưng anh em không hề nao núng. Cuối năm 1951 có đoàn cán bộ vào vùng địch hậu khu III, anh Nam Cao đi cùng. “Không vào đây thì biết gì

mà viết”. - Anh bảo thế. Đành phải để anh đi vậy, tuy có nhiều nguy hiểm. Mấy tuần sau, được tin anh và cả đoàn bị địch bắn chết ở một xã của huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Chúng tôi đều bàng hoàng trước tổn thất lớn này. Thế là văn học Việt Nam mất thêm một tài năng lớn...”

- Còn nhà văn Nguyễn Huy Tưởng thì lại nói: “... Khi nhận công tác thuế nông nghiệp khu III, anh xóc lại ba lô quá nặng trên lưng gầy guộc, bắt tay các bạn: “Tôi đi nhé” và giản dị lên đường. Anh không phải không biết những nguy hiểm của công tác. Ở khu III, giặc đang thiết lập vành đai trắng, nhưng anh tự hào nhận nhiệm vụ, cũng như mọi công tác anh vẫn nhận lấy cái phần khó khăn”. Và bác Tưởng nói rằng khi ở khu III cha tôi gửi báo cáo về đều đặn. Người còn nói “Sau thời hạn làm việc, nếu giới còn cho sống và chưa bị bắt, tôi sẽ dự hội nghị tổng kết...” Rồi bác Tưởng bảo: “Những lời lạc quan, tin tưởng, vừa lo ngại mà cũng vừa đùa cợt ấy, là những lời cuối cùng của Nam Cao. Cái ý niệm rõ rệt về những khó khăn của công tác càng bật rõ sự dũng cảm của anh, một thứ dũng cảm kín đáo, hoàn toàn bên trong, nó tưởng như khó mà hòa nhập với thể xác gầy yếu, co ro, với một bề ngoài lạnh lùng, ảnh hưởng của thái độ không thích những biểu lộ huênh hoang, anh hùng chủ

nghĩa - vốn là một người yêu cuộc sống, sợ những cảnh chém giết bạo tàn, anh đi vào nơi cuộc sống, treo trên đầu sợi tóc và giặc đang ra sức giết chóc... Bóng dáng của anh rơi vào đầy ánh sáng của một tinh thần kháng chiến vững chắc và xây dựng..."

Chuyến đi cuối cùng của cha tôi, được nhà báo Mai Thanh Hải tả lại như sau: Vào thời gian đó trời đã trở lạnh, mới bốn giờ chiều mà đã xâm xẩm mấy đôi sim xung quanh nơi tòa soạn báo *Cửu quốc*, dáng cha tôi gầy gò, mặc bộ quần áo nâu kiêu cũ của dân quê, bên ngoài khoác chiếc áo vét tông bạc phếch, ba chiếc cúc cài nghiêm chỉnh, xuất hiện. Anh Hải nói: cha tôi vốn gầy, hôm nay lệch đi vì chiếc ba lô khá to đeo bên tay phải. Cha tôi tươi cười, gặp lại anh em quen biết cũ - Người bảo: "Mình được phân công vào đoàn đi Lý Nhân. Đường dây đang nối trạm liên lạc cho về tòa soạn với với anh em mấy ngày, mừng quá!"

Anh Hải kể tiếp: tối đó trong Hang Đuông các anh thấp hẩn một ngọn đèn "tọa đặng" mới mua được dưới chợ vùng tề để vây quanh cha tôi, xin "bóc lột chuyện chiến khu Việt Bắc". Cha tôi kể cho các anh nghe: ở Việt Bắc, lúc này đời sống rất thiếu thốn, nhưng khổ mấy thì khổ, mọi người bảo: kháng chiến thành công, nước nhà độc lập, thế là vui sướng. Vì thế ai cũng dốc lòng đánh Tây, ai

cũng nức lòng thực hiện “tất cả cho tiền tuyến”, “tất cả để kháng chiến thành công”. Rồi cha tôi còn bảo:

- Mình đang rảnh rỗi, tòa soạn các ông có việc gì phân công cho mình làm với. Ông Thọ, thư ký tòa soạn bảo:

- Bài vở, tin tức số báo này đã đầy đủ cả, anh em đang biên tập lại cho gọn. Nhưng đang thiếu bài ca dao động viên thuế nông nghiệp, nếu anh làm cho thì hay quá!

Ngay chiều hôm đó, cha tôi nộp bài đúng giờ, đúng số dòng và Người ngưng nghỉ nói:

- Mình không quen làm văn vần, nhưng bài này cũng đủ ý và cũng đúng vần, các ông sửa chữa thêm.

Anh Hải bảo: theo anh nhớ thì bài ca dao đó được đăng ở đầu trang 2, số báo ra ngày thứ sáu 30-11-1951 và chắc chắn là văn phẩm cuối cùng của cha tôi.

Anh Hải kể tiếp: Chiều ngày thứ ba, giao thông viên ngoài trạm vào tòa soạn đón, các anh ở tòa báo tiễn cha tôi đi. Trước khi rời tòa soạn, cha tôi gửi lại ba lô, thêm cái áo vét tông, đôi dép cao su và cái đồng hồ. Cha tôi nói:

- Nhờ các ông giữ tất cả, nhất là tập bản thảo đang viết dở dang. Nếu có chuyện gì thì các ông

chuyển cho em mình là Trần Hữu Đạt để mang về cho gia đình - cũng... chẳng đáng gì, nhưng dù sao cũng ấm lòng người ở lại...

Về chi tiết cuối cùng này, vào năm 1952, mẹ tôi đã ra cơ quan Hội Văn hóa Cứu quốc khu III, vừa là đưa em Mai Thiên ra để theo đường dây đi học Trung Quốc, vừa là nhận những kỷ vật cuối cùng của cha tôi. Chuyến đó mẹ tôi được gặp ông Nguyễn Thọ. Và thời gian tìm mộ cha tôi, để xác minh những thông tin liên quan đến Người, chúng tôi đã đặt câu hỏi ở cuộc giao lưu giữa các nhà ngoại cảm với cha tôi - Gia đình được sự “trả lời” của cha tôi qua Bích Hằng rằng: cha tôi để lại hai áo sơ mi, áo vét tông, đồng hồ, v.v... Chúng tôi hỏi lại chú tôi, chú tôi cho biết có nhận được đồng hồ, áo vét tông, hai áo sơ mi...

Nhà báo Mai Thanh Hải còn cho biết:

Chiều hôm sau 29-11-1951 cả đoàn đi trên ba chiếc thuyền nan, định vượt cảnh đồng chiêm đầy nước cuối, huyện Gia Viên để ra đê vượt sông Đáy vào huyện Ý Yên, rồi ngược lên Thanh Liêm, Bình Lục vào huyện Lý Nhân. Hôm ấy là ngày mồng một tháng một ta trời không trăng, không sao, lại thêm sương mù khá dày. Một toán lính địch từ chốt Hoàng Đan bên kia sông, lên sang phục kích ở rìa làng đạo Mưỡu Giáp. Chiếc dò đầu vẫn đi thoát

mũi vây. Chiếc dờ cuối, kịp quay chạy lui. Chiếc dờ thứ hai chõ cha tôi và bốn cán bộ bị sa vào ổ phục kích, cộng thêm anh giao thông tên Khoán, cả sáu người bị trói nghiêng lại bị đánh đập nằm ngất lịm tại bụi tre nhà Nghị Vận, ngay cuối nhà thờ Miếu Giáp (thuộc giáo phận Phát Diệm).

Đêm đó, anh Khoán tháo được dây trói mình và sau đó, lần lượt tháo dây cho cả năm người khác. Theo lệnh của ông Thao trưởng đoàn, tất cả mọi người bất ngờ cùng bật dậy và chạy theo các ngã khác nhau, trước mũi súng canh gác của địch. Địch nổ súng và đuổi bắt. Ông Thao bị bắn chết tại chỗ. Bốn người bị bắt lại, chỉ mình anh Khoán nhảy ùm xuống cánh đồng sâu và lặn trốn thoát. Sáng hôm sau giặc lại lôi bốn người ra đánh đập, dân làng đi lữ sớm, kéo nhau ra phản đối: “Sao các ông đánh người ta tàn bạo như vậy?” Tên Suối, thiếu úy đại đội trưởng đại đội Com-măng-đô Hồ Xám, vội rút súng ngắn ra, dí vào mang tai nổ súng giết cả bốn người, trong đó có cha tôi. Bắn xong chúng bỏ xác các ông xuống thùng vôi nhà ông Thảo quản giáo rồi chúng rút chạy về bên kia sông.

Đại diện Chi ủy và Chính quyền xã Gia Xuân, các ông Lĩa, Duy, Bía, Thảo vào nhà xứ, xin phép cha cho chôn cất các đồng chí ở nghĩa trang giáo

xú. Linh mục Phê rô Trần Văn Luật nghĩ ngợi mấy phút rồi nói: “Đem chôn, nhưng chớ chôn ở đây, hãy mang qua đường cái...”. Mấy ông ra chặt cây chuối, bện lại thành bè, đặt xác các cán bộ của ta hy sinh lên, chèo thuyền nan kéo bè vượt cánh đồng nước làng Mưỡu Giáp, vượt đường số Một sang cánh đồng làng Vũ Đại, một thôn lương cũng thuộc xã Gia Xuân. Chẳng lấy đâu ra gỗ ván, chỉ có lá chiếu rách tạm lót, gói cả năm người thành ngôi mộ chung.

Cùng liên quan đến chuyến đi cuối cùng và hoàn cảnh hy sinh của cha tôi, nhà báo Đỗ Đình Thọ kể:

Sau khi tham gia chiến dịch Biên giới năm 1950 với tư cách là cán bộ của cơ quan văn nghệ, báo chí trung ương, cha tôi lại xung phong về khu III. Đi cùng chuyến này còn có nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Về tới Ban Tuyên huấn khu III, lúc đó ở Đầm Đa, Xích Thổ. Cha tôi nhấn chú tôi là Trần Hữu Đạt biết rồi cùng bác Tưởng vào Thanh Hóa. Khi cha tôi trở lại cũng không gặp được chú tôi, mà Người nhận nhiệm vụ trong đoàn cán bộ đi sâu vào đồng bằng để vận động thuế nông nghiệp - Cha tôi từ Đầm Đa - Xích Thổ qua Đế Viễn, Gia Tường đến Gia Ninh. Lúc đó Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Nam Định vào nhờ đất Ninh Bình nên đóng ở

hang Chinh Đón. Cha tôi cùng đoàn cán bộ ở lại hang Chinh Đón ba ngày để chờ đường dây vào vùng địch hậu Nam Định. Do cảnh sống của cha tôi giản dị, trầm lặng và luôn quý mến, tôn trọng mọi người nên được hầu hết anh chị em, nhất là những người phục vụ rất quý mến. Cha tôi ngồi say sưa kể chuyện chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, rồi chiến dịch Biên giới cho mọi người nghe. Và theo yêu cầu của anh em trong cơ quan văn phòng, Người còn mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho anh em cách viết báo, đặc biệt là viết về những gương anh hùng, chiến sĩ, những người tiên tiến trong chiến đấu cũng như làm công tác ở hậu phương. Nhiều người được dự lớp này, rất có tình cảm với cha tôi như: nhà báo Trần Văn Xưởng, nhà báo Đinh Văn Nam v.v... Đoàn cán bộ hồi ấy, trong đó có cha tôi đi theo đường dây từ hang Chinh Đón (xã Gia Minh) qua Me, qua Gia Lập, Gia Tân (Cầu Đài) Gia Xuân để sang dò Cung Quế hoặc Cung Sỏi vào Ý Yên... Hai chiếc đò chở sáu cán bộ. Đò cha tôi cùng hai cán bộ khác hăng hái đi trước. Đò nhà báo Đinh Văn Nam và hai cán bộ nữa đi sau... Tới Cầu Đài (xã Gia Tân) các ông bị địch phát hiện: Bọn địch đóng ở bốt Hoàng Đan là đồn tiền tiêu của cứ điểm Non Nước - Ninh Bình. Mọi ngày chúng nống sang Gia Viễn càn quét rồi rút về, nhưng không

ngờ hôm đó có một trung đội Com-măng-đô gồm lính Âu Phi và lính đồng dã ở lại Muõu Giáp vì ở đây có nhà thờ, có cha xứ, có đội bảo an. Khoảng cuối chiều, trời còn nắng ấm, bà con nông dân đi làm về, xuống cầu bến rửa chân, thấy dò của cán bộ theo đường dây lao qua Muõu Giáp. Họ đã vẫy nón báo hiệu để dò quay lại nhưng người cán bộ đường dây chủ quan, tưởng bà con vẫy chào mình nên cứ cho dò tiến vào. Bọn lính Âu Phi và nguy quân báo động. Chúng lợi xuống đồng lấy dò, bí mật lao ra để bắt gọn. Đến khi phát hiện ra địch, ta vội quay dò chạy. Giặc bắn theo và cán bộ ta nhảy xuống đồng để chạy trốn. Nhưng bọn địch đến đông và bắt gọn được dò của cha tôi đem về chỉ huy sở tại nhà nghị Vạn (làng Muõu Giáp). Chúng tra tấn các ông suốt đêm đó. Khi nhảy xuống đồng, cha tôi và hai cán bộ đi cùng đã kịp dúi tài liệu xuống bùn. Cha tôi người gầy yếu, ngoài bộ quần áo lụa màu gụ còn mặc áo trấn thủ và một vỏ áo bông mới phát. Trong túi áo bông vẫn còn chiếc bút máy Wearever và cuốn sổ tay nhỏ. Chúng tra tấn các ông rất dã man. Các ông chủ bói và không khai, làm cho bọn địch hoảng sợ. Vì trước đó ít lâu cả tiểu đoàn Lê dương được huấn luyện từ trường sĩ quan “Xanh Xya” (Pháp) bị tiêu diệt gần hết ở Ninh Bình trong đó có tên trung úy Bécna Đờlát

con trai của tướng Đờlát Đờátxinhi... Tôi gần sáng, trước khi rút lui khỏi Hoàng Đan, chúng đã bắn chết các ông ở dưới gốc bàng trước cửa nhà thờ Mưỡu Giáp rồi ném xác các ông xuống ao cạnh đó.

Đồng chí Lê Văn Khả - Bí thư chi bộ Mưỡu Giáp cùng đồng chí Vũ Văn Cải (đảng viên năm 1931) chỉ đạo giáo dân chôn cất các ông. Ông Lia là một giáo dân yêu nước, đã vớt các ông lên đặt ngay ngắn ở bờ ao. Một số trùm trưởng do cán bộ ta chỉ đạo đến xin cha xứ Phê rô Trần Văn Luật được chôn cất những người đã khuất. Ông Luật nói đại ý: Cho phép con chiên chôn các ông, nhưng phải đưa đi ra gần đường quốc lộ.

Các ông Phạm Ngọc Đán, Vũ Văn Cư, Bùi Văn Duy là người được chính quyền cách mạng lúc đó phân công, cùng một số đồng bào địa phương chôn cất các chiến sĩ cách mạng. Đồng bào đưa các ông ra chôn ở gần đường quốc lộ Một, cách nhà thờ Mưỡu Giáp về phía Đông Nam chừng 300m, không ngờ đó lại chính là đất của làng Vũ Đại. Anh Thọ bình luận thêm:

- Ở đây có một điều lý thú là, cha tôi quê ở Đại Hoàng, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, chưa hề đặt chân tới và cũng có thể chưa biết rằng có một làng Vũ Đại thật trên bản đồ. Nhưng cha tôi chết, lại được chôn cất trên mảnh đất mang tên làng Vũ

Đại, trùng với cái tên làng do cha tôi đã đặt cho nó trong truyện “*Chí Phèo*”.

Cùng liên quan đến hoàn cảnh hy sinh của cha tôi, vào năm 1955 mẹ tôi đi thăm mộ cha tôi ở xã Gia Thanh lúc về mẹ bảo: Nhân dân địa phương nói: ngày đó đoàn cán bộ của ta đi bằng thuyền nan trên cánh đồng nước để tới địa điểm công tác. Gần đến nơi thì gặp địch đi càn, bọn lính Com-măng-đô đứng lối nhỏ ở trên bờ. Dưới mép nước đồng bào đi làm đồng về đang rửa chân tay - Thấy thuyền từ từ tiến vào, đồng bào đoán đây là thuyền của cán bộ ta liền dùng nón giả vờ quạt hất miệng nón về phía thuyền, cốt làm ám hiệu báo là có địch. Nhưng mọi người trên thuyền lại không hiểu ý bà con nên vẫn cho thuyền từ từ tiến vào. Địch nhìn thấy, chúng hô hoán kêu gọi đầu hàng và đuổi bắt. Cán bộ ta dúi tài liệu xuống bùn rồi chạy theo các ngã. Giặc bắt được người mặc chiếc áo bông đen đầu tiên. Chúng đánh ông bằng báng súng vào chân để ông đau không chạy được, rồi quẳng ông lên một mô đất nổi. Sau đó chúng tiếp tục đuổi bắt những đồng đội của ông - Chúng bắt được tất cả ba người, trói các ông lại, giam trong nhà thờ Miếu Giáp - Đêm đến các ông cởi trói cho nhau định chạy trốn, nhưng bị lộ - Giặc bắt lại được các ông, đánh đập dã man rồi bắn tất cả ngay ở gốc cây bàng

trước cửa nhà thờ. Xong chúng còn ra lệnh không ai được chôn xác. Nhưng đến đêm, đồng bào ta gặp người quản giáo nhà thờ xin được chôn xác. Ông này đồng ý, nhưng bảo phải mang đi nơi khác, chứ không được chôn ở đây. (Chuyện này tôi đã nói kỹ ở phần tìm mộ).

NHỮNG NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM CỦA NHÀ VĂN NAM CAO Ở NGOÀI ĐỜI

Trong một cuộc hội thảo về văn chương Nam Cao, một số người thắc mắc, cha tôi thường xuyên vắng nhà. Người sống ở quê rất ít, mà sao lại biết nhiều chuyện về xóm, làng đến vậy. Liệu những điều cha tôi viết ra là thực hay bịa. Nếu là thật thì ông thu thập bằng cách nào? Tôi xin thưa, những chuyện cha tôi viết về quê hương đều rất thật, tất nhiên là có hư cấu. Còn các nhân vật mà Người xây dựng đều dựa trên nguyên mẫu của những người thân thương, gần gũi hoặc ngay bản thân mình, như cha tôi từng thổ lộ với nhà báo Mai Thanh Hải: “... *Mình túng bán quá, cầm bút ghi lại những chuyện xóm giềng, bạn bè và nhất là chuyện của chính mình, của vợ con... ấy thế mà cũng có thêm vài ba đồng bạc để đỡ dần cho bà vợ tý chút đấy*”. Còn cha tôi thu thập bằng cách nào ư? Tôi xin tiết lộ, ngoài sự quan sát của nhà văn ra, thì có một trợ thủ đắc lực đó là mẹ tôi. Mẹ tôi sống ngay ở làng,

hàng ngày bà đi chợ, đi làm vườn, đi dệt vải, chơi bồi sinh hoạt cùng với chị em, bạn bè, hàng xóm, người làng. Bà chứng kiến biết bao nhiêu là chuyện. Mỗi lần cha tôi về quê, trong những câu chuyện của hai vợ chồng, mẹ tôi thủ thỉ kể lại với chồng tất cả và đó chính là những đề tài trong văn chương của cha tôi.

Sau này khi cha tôi mất sớm, những lúc cô đơn, thương nhớ chồng, mẹ tôi lại đem những chuyện đó nói với chị em chúng tôi. Vì vậy tôi cũng biết được ít nhiều. Tôi xin kể lại vài nguyên mẫu nhân vật của cha tôi trong đời thường để bạn đọc tham khảo.

Trước tiên, tôi thấy cha tôi dùng ngay cuộc đời của bản thân Người để xây dựng lên khá nhiều nhân vật như: Thử trong “*Sống mòn*”, Cao trong “*Những chuyện không muốn viết*”; Điền trong “*Giăng sáng*”; “*Tôi*” trong “*Mua nhà*”. Có lúc cha tôi còn dùng ngay tên thật của mình để viết như truyện “*Cái mặt không chơi được*”.

Tự biết nhược điểm của bản thân là có bề ngoài lạnh lùng, khó gần cha tôi viết: “... *Sáng nay đang ngồi viết với nhau, ... Sen đột ngột bảo tôi:*

- *Này, Tri ạ! Cái mặt anh trông thế nào ấy! Quả thực không chơi được*”. Ở đây, “*Sen*” chính là tên thật của bác Tô Hoài. Còn “*Tri*” là tên thật của

cha tôi. Và để nhấn mạnh thêm nhược điểm của mình, cha tôi viết tiếp: "... Cái mặt tôi nó lạnh như nước đá và gương ngịu mà vô duyên...". Rồi Người đùa cợt nói rằng: "... Hỡi thương đẽ mà người ta đồn là rất công bình và chỉ làm toàn điều nhân, sao người lại cho tôi một cái mặt tai hại đến thế. Một cái mặt nó thế nào mà ai chỉ gặp tôi một lần cũng có cảm tưởng khó chịu về tôi...".

Trong tiểu thuyết "Sống mòn" tất cả cốt truyện, hầu như cha tôi nói về bản thân và những người thân yêu nhất như: bà ngoại, cha mẹ, vợ, các em và bạn bè, đồng nghiệp. Nhân vật chính: Thứ là cha tôi, Liên là mẹ tôi. Dích là ông Bao - người họ hàng thân thích. Oanh là bà Phượng người họ hàng của bác Tô Hoài đồng thời là người yêu, sau này thành vợ ông Bao. San là thầy Phấn bạn học thân thiết của cha tôi. Cũng là thầy dạy của tôi. Mô là anh Đa, một người hàng xóm của ông bà tôi.

Ông Bao con cụ chánh Bào có họ gần với bà ngoại cha tôi, ông cũng là bạn học của cha tôi... Khi thôi học, ông Bao cùng bà Oanh, chung nhau vốn mở một trường tư là trường Công Thanh ở Thụy Khuê, Hà Nội. Sau đó ông đi thi công chức và đỗ vào ngành Bưu điện. Ông thuê cha tôi vừa làm hiệu trưởng vừa dạy hai lớp nhất nhì. Ông với bà

Phượng có hai con, một trai, một gái. Ông Bao bị bệnh lao và chết khi còn trẻ.

Bà Phượng lấy ông Bao được ít lâu, thì Nhật chiếm trường Công Thanh, bà chở về quê chồng dạy học. Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, bà đưa con cái tản cư lên tỉnh Tuyên Quang. Bà tiếp tục dạy học ở đó. Hòa bình lập lại, bà trở về Hà Nội sinh sống cùng các con.

Thầy Phấn sinh ra trong một gia đình trung lưu, có ba anh em trai. Người anh cả là Uẩn. Ông làm nghề thuốc. Người anh thứ hai tên là Trần Đức Tuy làm nghề dạy học. Tôi từng là học trò của thầy Tuy. Thầy Phấn là út: Thầy là bạn học cùng trường với cha tôi, nhưng thầy học sau cha tôi một lớp. Sau này thầy lại dạy trường Công Thanh cùng cha tôi, cho mãi đến ngày bọn Nhật chiếm trường thầy mới về hẳn quê và tiếp tục dạy học. Khi tôi được năm tuổi, cha tôi cho đến trường học thầy. Thầy cưng tôi lắm, gặp ngày trời mưa, thầy dắt tôi xuống cầu ao rửa chân. Trời nắng, đến giờ ra chơi, thầy hái lá bàng cho tôi chơi bán hàng với các bạn. Tôi học thầy ngót một năm, đến kỳ cha tôi về nghỉ. Người kiểm tra bài vở thầy tôi ú ớ quá! Khi thầy đến chơi nhà, cha tôi trách: “Anh dạy con tôi hàng năm trời, mà nó chẳng được chữ quái nào, vác đầu cả”. Thầy vừa cười vừa bảo: “Tôi làm thằng giữ trẻ,

trông hộ, con cho anh, chú học hành quái gì tuổi nó!”. Thầy dạy ở quê cho đến ngày tổng khởi nghĩa, thì đi bộ đội, rồi vào Nam chiến đấu. Thầy Phấn từng kể lại rằng: ngày 22- 9 - 1945 thầy tập trung ở trường Đỗ Hữu Vị (nay là trường Phan Đình Phùng - Hà Nội), để chuẩn bị vào chiến trường miền Nam chiến đấu. Lúc đó cha tôi làm ở báo *Tiền Phong* Hà Nội. Người đến thăm thầy và là người nhà duy nhất tiễn thầy hôm đoàn quân ra đi. Thầy vào Nam chiến đấu, mãi đến năm 1951 mới ra Bắc để chỉnh huấn nhân đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai. Thầy gặp lại cha tôi, trong chuyến công tác của Người về đồng bằng và đó là lần gặp cuối cùng của hai người bạn thân.

Cũng nói đến lần gặp đó, cha tôi ghi trong nhật ký ngày 19-8-1951 như sau: “*Rời Đào Xá, gặp Phấn ở quê La Phù: đen, khỏe nhưng răng hồng lung tung. Vừa phải thay vừa bịt vàng tới bốn cái...*” Như vậy, chỉ hơn ba tháng kể từ khi hai người gặp nhau là cha tôi hy sinh. Rồi quân ngũ thầy Phấn về hưu với quân hàm đại tá, sống cùng vợ con ở Hà Nội. Vợ thầy là con bà Trần Thị Yêm, người vợ thứ ba của ông chánh Bính nguyên mẫu nhân vật “Bá Kiến” trong truyện “*Chí Phèo*” của cha tôi. Thầy có ba con: hai gái một trai: Trần Thị Kim, Trần Thị Tiến, Trần Đức Rộng. Tiến bị ốm

mất sớm. Tôi và Kim cùng tuổi, là bạn học của nhau trong mấy năm học ở trường cấp một Nhân Hậu.

Truyện ngắn “*Những truyện không muốn viết*” cha tôi xây dựng nhân vật Cao, từ ngay chính hai câu chuyện xảy ra với bản thân Người trong thời gian đó:

- Một là: những năm ấy làng tôi đang có nghề dệt vải. Nhà ai làm thường xuyên sẽ được mua sợi theo vé. Mua được sợi theo vé, sẽ có lãi nhiều. Song muốn có vé mua sợi phải có hai điều kiện:

+ Nhà phải có khung cửi.

+ Người đàn ông trong nhà được coi là chủ, phải đứng tên trong cái vé. Vào ngày phát vé phải có mặt để nhận.

Lần đó cha tôi từ Hà Nội về đến nhà thì vé vừa phát xong. Một người trùng tên với cha tôi, đã nhận mất cái vé của Người rồi. Mẹ tôi tiếc của nên bực bõ và làm âm ỉ lên.

- Hai là: khi truyện “*Đôi lúa xứng đôi*” của cha tôi in ra, ở làng người ta bàn tán dữ lắm, đã làm cho một số cường hào trong làng tức tối. Nhất là ông chánh Bính (nhân vật Bá Kiến). Ông Bính gặp ông nội tôi mắng nhiếc thậm tệ và dọa ngay ở giữa đình làng rằng, sẽ quăng đi vài mẫu ruộng để làm cho cha tôi rũ tù. Cha tôi viết: “... *Tôi lẳng lặng về*

nhà lấy giấy bút ra viết truyện một thằng say rượu. Thằng này say lắm! Nó uống rượu vào rồi nó chửi. Chửi lung tung cả... Ấy thế mà có một bọn người rất tỉnh kê bù lu, bù loa lên rằng: Tôi mượn rượu để chửi cả làng họ và họ dọa tôi đủ thứ. Trời đất ơi! Thế thì tôi viết chuyện tôi vậy”.

Riêng chi tiết: Khi nghe mẹ tôi làm âm ĩ lên, cha tôi tưởng mẹ biết cha đi phố Khâm Thiên hát cô đầu nên tức giận. Cha tôi hư cấu từ chuyện: Có một lần, do cần đề tài viết truyện. Cha tôi và bác Tô Hoài rủ nhau đáp tàu hỏa về Nam Định định thu thập tài liệu để viết. Khi về tới Nam Định, đêm đã khuya. Hai người đi tìm nhà trọ. Nhưng nhà nào cũng chật ních nên đành tìm đến nhà “xăm” (những nhà trọ có gái làm tiền). Nhà trọ này cũng hết phòng. Hai người đang định đi ra, thì có tiếng một cô gái gọi giật lại bảo: “Hai anh vào phòng em mà ngủ, em sang phòng bên cạnh ngủ nhờ bạn em”. Khi hai ông vào thì cô gái chẳng đi đâu mà cùng nằm ngay trong phòng đó để ngủ.

Gần sáng bác Tô Hoài thức giấc, thấy cô gái vừa nói chuyện với cha tôi, vừa thút thít khóc và sau đó cha tôi kể lại: Cô gái đó chính là em một người bạn của cha tôi ở Sài Gòn, do bị chồng phụ bạc, nên cô chán đời bỏ đi làm ăn linh tinh nhiều nơi. Cuối cùng trôi dạt vào chỗ đó.

Sau này dựa vào câu chuyện của cô gái, cha tôi viết truyện “*Một đời người*” và bán cho nhà xuất bản được tám mươi đồng. Cha tôi gói riêng ra năm mươi đồng, đi tìm cô gái để cho cô và Người còn nói: “Nếu hoàn cảnh gia đình không quá khó khăn, thì tôi sẽ đưa cả số tiền tám mươi đồng cho cô ấy”.

Nhân vật Điền trong truyện “*Giăng sáng*” cha tôi cũng lấy nguyên hình ảnh của bản thân để xây dựng nên. Đặc biệt người vợ ông Điền chính là hình ảnh mẹ tôi. Người phụ nữ ít được học hành, một đời lam lũ, nhất mực yêu thương chồng con, nhưng tính tình nóng nảy, không mấy khi kìm nén được tức giận nên hay bẳn gắt. Hoàn cảnh gia đình chúng tôi, khi truyện “*Giăng sáng*” ra đời năm 1942, cha mẹ tôi có hai con nhỏ (tôi và Mai Thiên). Lúc ấy mới mua nhà ở riêng, còn công nợ. Cha tôi mất việc làm, về quê. Một mình mẹ tôi phải lo toan mọi thứ, con cái lại nay ốm, mai đau nên cảnh nhà thường xuyên túng thiếu cùng quẫn. Tính cách nóng nảy của mẹ tôi được cha tôi miêu tả thật tuyệt đúng.

“... Những tiếng gắt gỏng ở trong nhà đưa ra:

- Làm sao thế?

Đứa con gái mếu máo đáp lại:

- Con đau bụng.

- Giời ơi là giời!

Áy thế là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con:

- Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?"

Đó là trận đau bụng của tôi xảy ra vào một buổi tối đầy ánh trăng. Sau đó, mẹ đặt cho em Thiên ngủ, ra vườn lấy một củ gừng về đã nhỏ vắt chanh vào làm thuốc chữa bệnh cho tôi. (Bà thuốc mẹ học được từ ông nội tôi, ông nội tôi là thầy lang).

Đây là đoạn cha tôi tả mẹ cho tôi uống thuốc (không sai sự thật một chút nào) "*... thị gạn lấy nước, đem lại cho con. Con bé mới ngửi thấy mùi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dĩ thế nào nó cũng không chịu uống... Bực mình thị quát:*

- Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là ca nước gừng đã dóc tuột vào mồm nó. Nó giãy lên như đĩa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát vào lưng con bé ồm đen đét và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo.

- Kệ cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

- Con lạy bu! Cay con lắm! Con lạy bu! Cay mồm....

- *Mày, cầm ngay không tao tát cho vỡ mắt.*

Nó vẫn không chịu lạng. Thị sừng sộ. Chực vồ lấy nó.

- *Mày có cầm không nào?...”.*

Sau này trong truyện “*Bài học quét nhà*” cha tôi cũng mô tả lại tính nóng nảy của mẹ tôi trong một lần dạy tôi quét nhà, thật đúng với tính cách của bà: “... *Hồng quét. Nhưng nó ấn cái chổi xuống cái nhà. Cái chổi không đi được... Người mẹ nghiêng chặt hai hàm răng lại, rít lên:*

- *Giời ơi là trời! Con với cái! Chơi quen rồi!*

Lúc đó tôi mới chưa được năm tuổi. Nhưng mọi nỗi khổ đổ lên đầu mẹ tôi, bà không còn bình tĩnh được nữa, cho nên những việc như thế vẫn xảy ra. Cha tôi viết tiếp thế này: “...*Hồng quét. Nhưng nó vẫn lơ rờ lúng túng... Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy... Thị tức tối đập tay vào đùi mình đánh đét. Hồng giật mình, đánh rơi cái chổi. Ấy thế là đét! ... thêm cái nữa. Lần này thì cái bàn tay dấn vào một bên má búp bê của con bé...”.*

Nhưng chỉ tối hôm đó thấy con gái ăn xong bát cơm nguội rắc vừng, uống nước rồi lẳng lẳng lên giường ngủ, mẹ tôi nói với cha tôi: “Hôm nay tôi tức quá, tát cái Hồng một cái rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy...”. Và rất nhiều nhân vật khác

được cha tôi xây dựng từ hình mẫu của mẹ tôi và những người thân khác trong gia đình. Chẳng hạn chuyện “*Ma đũa*” tất cả các nhân vật trong đó đều không đổi tên thật như các cô: Trinh, Trạch, Khiết là ba cô ruột của tôi. Chú Đạt là chú ruột tôi. Bà Lý là bà ngoại của cha tôi. Được gọi theo cách gọi tắt của dân làng. Ông Luân là người em con chú con bác của mẹ tôi, nhà ở cạnh bà nội tôi. Bà phó Sâm hàng xóm của cụ tôi và là chị bà ngoại tôi... Tất cả mọi người, cha tôi đều dùng tên thật ở ngoài đời. Các địa danh trong truyện ở vị trí so với nhà cụ tôi đều có thật, không hề hư cấu: bờ tre, đền Nhà quan, cái ao của bà phó Sâm, của ông chánh Hội...

Tiếp theo vợ, con, anh em ruột cha tôi xây dựng nhân vật từ họ hàng thân thích và xóm giềng, bạn bè, người thân. Ví như truyện “*Di Hảo*” nhân vật chính là bà Hảo, ở ngoài đời tên bà là Trần Thị Thảo. Bà là con nuôi của cụ tôi, cha tôi rất yêu quý bà vì bà hiền lành, chịu khó và khéo tay. Từ cảnh đời của gia đình bà, cha tôi viết ba truyện ngắn là truyện “*Di Hảo*”, truyện “*Một đám cưới*” và truyện “*Trẻ con không được ăn thịt chó*”. Bà Thảo là con gái cụ xã Vĩnh, một người bán bánh đúc ngon nổi tiếng ở chợ Bến, Đại Hoàng. Nhà cụ Vĩnh rất nghèo, khi chồng chết cụ phải vay tiền

của cụ tội để làm ma cho cụ ông. Sau thấy cụ tôi nhân đức, cụ gán luôn bà Thảo vào làm con nuôi cụ tôi. Bà Thảo sống trong nhà cụ như con ruột, làm vườn, dệt vải, nuôi tằm, nuôi tơ. Bà thương mến và chăm chút cha tôi như cháu ruột của bà. Khi bà lớn, cụ tôi gả chồng cho bà. Chồng bà là ông quản Phụng. (Phụng là tên ông còn quản là một chức sắc của nhà thờ). Ông Phụng vốn là con nhà khá giả, nhưng ham cờ bạc, rượu chè nên sa sút. Bà Thảo làm vợ ông vô cùng khổ sở, vừa bị ông đánh đập, vừa phải làm nuôi ông. Nhưng bà là người nhún nhường và cam chịu. Bà sinh với ông được một người con gái, đặt tên là Trần Thị Kính.

Năm 1942, bà Thảo bị bệnh tả qua đời. Trước lúc mất, bà còn bảo mẹ tôi: “Chị cho dì xin miếng trầu”. Mẹ tôi đưa trầu cho bà, bà bỏ vào miệng, vừa cười, vừa nhai. Môi bà đỏ tươi, mặt bà hồng lên vì say trầu. Rồi từ từ khép mắt lại như người nằm ngủ. Ai nhìn bà cũng chép miệng bảo: “Cả một đời lận đận như thế mà lúc ra đi, thật là thanh thản.

Đời cô Kính cũng chẳng hơn gì đời mẹ. Cô về nhà chồng, khi còn là một đứa trẻ con. Cha tôi đã lấy hình ảnh ngày cô đi lấy chồng để viết truyện “*Một đám cưới*”. Nhưng chuyện này được hư cấu chút ít. Trên thực tế khi bà Thảo còn sống, ông Phụng đã gian díu với một người đàn bà và có con với người

ta. Do vậy, những đứa em đưa chị về nhà chồng là con bà hai và lúc cô Kính đi lấy chồng ông Phụng không định đi làm ăn ở đâu cả, mà vẫn sống cùng người vợ hai ở quê. Còn truyện “*Trẻ con không được ăn thịt chó*”, cha tôi cũng xây dựng từ truyện của gia đình ông Phụng, nhưng là chuyện xảy ra với người vợ hai của ông và các con bà.

Dựa vào gia cảnh của ông Tín, một người cùng làng, cha tôi viết hai truyện “*Từ ngày mẹ chết*” và “*Mua nhà*”.

Vào năm 1943 mãi đến tháng chín âm lịch chưa thấy gió bão, ai cũng phấn khởi, mừng rỡ cho là thoát bão rồi. Bất ngờ một ngày nọ trời mưa, rồi cứ lúc mưa, lúc tạnh. Rồi gió, cứ mưa nhỏ, gió nhỏ. Mưa to, gió cũng to lên. Mọi người ngỡ ngàng bảo nhau: Chẳng lẽ tháng chín rồi mà còn bão hay sao? Rồi bão thật, mà bão lại to nữa. Cha mẹ tôi: người công tôi, người bé Mai Thiên chạy đến nhà ông bà ngoại tôi tá túc.

Sau trận bão ngôi nhà vừa mua năm trước chưa trả hết nợ đã đổ rồi. Cha mẹ tôi đang chưa biết xoay sở ra sao thì ông Tín đến gạ bán nhà cho cha tôi. Ngôi nhà của ông khá khang trang: năm gian, cột gỗ, lợp lá mía. Ông chỉ đòi có ba trăm. Với số tiền đó, vào lúc ấy làm nhà tre chưa chắc đã đủ. Nhưng, khi cha tôi hỏi chuyện và biết ông bị thua

bạc, nên bán nhà đi để tiếp tục đánh bạc, với hy vọng gỡ lại được số tiền đã mất. Cha tôi đã can ngăn ông đừng làm như vậy vì rất mạo hiểm. Ông không nghe, còn bảo nếu cha tôi không mua sẽ bán cho người khác. Thế là cha tôi vay nợ mua cái nhà đó về dựng trên đất nhà mình. Nhưng khi đến nhà ông Tín để dỡ nhà, nhìn hai đứa con thơ dại của ông khổ cực và mồ côi mẹ cha tôi đã đau buồn và ân hận, xót thương cho cảnh đời của người bán nhà và những đứa con. Vì thế cha tôi viết hai truyện ngắn trên, để diễn tả cảnh ngộ của mình và những cuộc đời cũng như mình.

Truyện “*Lão Hạc*” và “*Nghèo*” là hai chuyện của hai anh em ruột là cụ trùm San và cụ trùm Luông.

Cụ trùm San tên là San, còn chức trùm là một chức trong họ đạo Thiên chúa. Thời hạn làm trùm trong ba năm. Những người đàn ông lớn tuổi trong họ đạo thay nhau để làm. Nhà cụ San ở gần nhà tôi. Cụ có ba người con: hai gái, một trai. Người con gái cả tên là Duyên cho nên mọi người gọi cụ theo tên con lớn là trùm Duyên. Hai con gái lấy chồng rồi ra ở riêng. Người con trai tên Thụ. Ông Thụ vào thời gian đó vợ bị điên bỏ đi mất. Song luật lệ của người Công giáo là đã có vợ, chồng rồi không được bỏ vì bất cứ lý do nào. Ông Thụ muốn lấy vợ khác, không lấy được buồn phiền, chán nản bỏ đi làm

đồn điền cao su. Cụ Duyên sống một mình ở làng, cụ tin cậy cha tôi nên có điều gì đều giải bày với Người. Nhân vật ông giáo chính là cha tôi. Cụ Duyên rất tốt bụng, khéo tay. Cụ đánh gianh lá mía giỏi nhất làng. Cụ hay sang làm giúp cha mẹ tôi: lợp nhà, dựng trầu, chăm vườn. Cha mẹ tôi đều yêu quý, kính trọng cụ. Phần đầu của câu chuyện cha tôi viết khá đúng với ngoài đời. Riêng chi tiết ăn bả chó để chết có hư cấu. Người ăn bả chó tự tử là cụ trùm Luông, anh trai cụ trùm Duyên. Cụ Luông do ốm lâu ngày, thương vợ con khổ cực nên cụ đã tự tử bằng cách ăn bả chó. Cụ trùm Duyên sống mãi hơn trăm tuổi mới qua đời. Ông Thụ nay cũng đã chết. Hồi năm kia, người con trai ông Thụ từ miền Nam về xây mộ cho cụ ở làng Đại Hoàng.

Nhân vật trong truyện “*Nghèo*” chính là cụ trùm Luông, chi tiết tự tử bằng thất cổ là cha tôi hư cấu. Thực ra cụ ăn bả chó mà chết (như tôi nói ở trên) người đến bắt mẻ gạo của cụ bà là vợ ông Cửu Hòe, nhà ở gần cầu xây (nơi trạm xá của xã hiện nay). Ông Cửu Hòe là nguyên mẫu nhân vật lý Cường, con bá Kiến trong truyện “*Chí Phèo*” của cha tôi.

Nhân vật chính của truyện “*Nửa đêm*” cha tôi dựa vào một người đàn ông tên là Đước nhưng dân làng gọi là hương Nhuận. Nhuận là tên người con



Ngôi nhà bá Kiến

cả của ông còn “hương” là một chức sắc ở làng. Ông có hai bà vợ, bà cả bị ông đánh xảy thai, sau vài ngày từ trận đòn đó thì bà chết. Tôi không biết mặt bà, nhưng theo mọi người kể thì bà rất đẹp. Truyện này được hư cấu ở chỗ thực tế bà đã có bốn người con rồi mới xảy thai, chứ không phải chưa có con như cha tôi viết. Người con thứ nhất của bà tên là Nhuận, chết lúc còn trẻ. Người thứ hai tên là Ốc, anh này ngộ ngược như người cha của mình. Người thứ ba tên là Đức, rất hiền lành nhưng có vợ khá đẹp và nhiều con, tính tình ù lì, chậm chạp và siêng năng. Người thứ tư là con gái, tên Hạnh.

Bà vợ hai của ông Đước có hai con: một gái, một trai. Chị là Trần Thị Nhi sau này lấy chú tôi là chú Đạt. Người con trai là Trần Đức Mai lấy cô ruột tôi tên là Trần Thị Trinh. Bà vợ hai ông Đước cũng khá đẹp. Người trắng trẻo và đặc biệt rất hiền.

Trong chuyện “*Chí Phèo*” thì nhân vật “Chí Phèo” cha tôi dựa vào hình mẫu của ba người trong làng:

- *Người thứ nhất tên là Chí*, ông này có cha mẹ, không vợ con, nhà cửa. Hàng ngày ông lang thang ở chợ, ông đi mổ lợn cho những nhà chuyên giết lợn để bán. Làm xong, ông không đòi tiền, chỉ xin một đoạn phèo của con lợn và rượu. Có hai thứ đó, là xong bữa của ông. Mọi buổi tối, ông uống rượu xong khật khưỡng đi đến lều chợ để ngủ, có ai gặp ông liền hỏi “anh Chí đi đâu đấy?” ông trả lời “Đi phèo đây”. Ý ông là ông đi ngủ. Vì hai lý do trên nên dân làng đặt tên ông là Chí Phèo, chứ ông không ăn vạ, rạch mặt.

- *Người thứ hai là ông Trinh*, ông này không biết quê quán ở đâu. Ông chính là “đứa trẻ” người ta nhặt được ở ngoài lò gạch. Ông uống rượu nhiều như người ta uống nước, mỗi khi say ông thường chửi trời, chửi mọi người và ăn vạ... Ông Trinh có vợ và một đàn con đông đúc.

- *Người thứ ba tên Đào*, chính là anh lục điền đi ở cho nhà ông chánh Bính (nhân vật bá Kiến). Thời trẻ ông hiền lành khỏe mạnh, nhưng có một dạo ông bị đi tù. Đến khi ra tù, ông về làng trở nên uống rượu nhiều và tính tình rất ngỗ ngược.

Cũng theo chú tôi, ông tên Chí sau này bỏ làng đi biệt xứ. Không có cuộc đâm chém như cha tôi tả. Song đến những năm gần đây, người ta mới phát hiện ra ông Chí thật ra không có vợ nhưng có con. Con của ông tên là Rụ, ông có với một bà buôn trứng ở làng. Anh Rụ cũng trạc tuổi tôi. Anh mất năm sáu lăm tuổi, cách đây hai năm. Anh Rụ có hai cô con gái. Đời sống của anh khấm khá hơn cha mẹ. Tôi biết anh đã lâu (từ khi còn là cô gái đang sống ở làng). Nhưng gần đây nghe chú tôi bảo đó là con “Chí Phèo” và hình như anh cũng công nhận chuyện này. Một người nữa là anh Hoàng Cao, con bác ruột về bên mẹ tôi (tức cha tôi là chú rể của anh). Anh kể rất “hóm” về chuyện bà vợ ba của ông Chánh Bính và anh canh điền tên Đào mà cha tôi gọi “Chí Phèo” thế này:

“... Một trưa hè chồng đi vắng, sai con ở gái đi hái nhãn, chỉ còn một mình ở nhà, vợ ba nghị Bính (bá Kiến) đã gọi “Chí Phèo” lên, đưa cho Chí một cái quạt lông rất to, cán dài... Bà sai “Chí Phèo”

quạt chọ bà nhưng phải quạt thật mạnh. “Chí Phèo” quạt, bà Ba mặc yếm lụa vàng không thắt dải ngang, váy lụa đen nằm trên phản, chân quay về phía “Chí Phèo”.

“Chí Phèo” quạt cái thứ nhất, bà Ba giục: Quạt mạnh vào. “Chí Phèo” quạt cái thứ hai mạnh hơn, thì yếm bà Ba hở ra và quần lụa tóe lên. Ông Chí đỏ mặt, chuyển đứng về phía đầu bà. Bà xoay người cho chân về phía “Chí Phèo” đứng và lại giục:

- Quạt nữa đi!

“Chí Phèo” quạt cái thứ ba, gió cũng phối hợp với các giầy dựa khéo léo của người nằm, toàn bộ những cái cần che đậy trên người bà ba đã hở hang phô bày ra hết. Bà bảo:

- Thằng khỉ!

Lúng túng “Chí Phèo” run run đáp:

- Lạy bà! Con không dám.

- Bà cho dám! - Tiếng bà ba cất lên...

Tưởng rằng chỉ trời, bà ba và “Chí Phèo” biết việc đó. Nào ngờ còn có một người nữa biết việc này. Đó là ông Loan, ông Loan là người hầu tráp của chánh Bính. Hôm đó, ông chánh đi hát cô đầu. Ngồi tiếp, chánh Bính là một cô đào rượu khoảng mười chín đôi mươi béo mũm mĩm. Mỗi lần chuốc

rượu cho khách, bộ ngực đồ sộ nóng hổi của cô áp sát vào cụ chánh. Còn lúc bình thường thì tay trái cụ chánh luôn đặt trên đùi non cô và đưa lên vuốt phía trên... Mê mẩn cụ chánh lục túi lấy tiền để thưởng cho đào, mới nhớ ra cái ví để ở đầu giường bà ba từ tối hôm qua, liền sai ông Loan về lấy. Ông Loan về và đã mục kích toàn bộ hành động của bà ba và “Chí Phèo”...

Sau này ông Loan rời làng ra ở với con cả ngoài thành phố Nam Định. Một lần ông về làng chơi với người con út là anh Nho. Hôm đó anh Hoàng Cao đến chơi, anh và anh Nho tán chuyện trên trời, dưới biển chần thì lời chuyện của cha tôi ra nói, ông Loan mới tùm tùm cười mà bảo:

- Tổ biết một chuyện còn hay gấp mấy lần truyện giáo Tri viết, chúng mày biếu lão chai rượu, lão kể cho mà nghe. Sau đó ông kể cho các anh nghe câu chuyện ở trên. Ông còn chỉ bộ trường kỷ trong nhà anh Nho mà nói:

- Tổ có bộ trường kỷ này là từ vụ đó, ông bảo: Khi thấy đã “xong mọi chuyện”, mình đánh động gọi cửa: “Thưa bà, ông sai con về lấy cái ví”. Và ông vỗ tay bồm bộp, miệng thì la úi, úi, úi, rồi chạy ra sân sau vờ đuổi gà. Khi quay lại đã thấy “Chí Phèo” từ trong nhà bước ra. Ông bước vào nhà, té tát:



Một số diễn viên trong phim “Làng Vũ Đại ngày ấy” cùng nhà thơ Tố Hữu trên mảnh vườn xưa của nhà văn Nam Cao

- Thưa bà! Con Nụ đi đâu mà không coi nhà, bốn năm chục con gà ăn có dễ mất hàng thúng thóc rồi! (Nụ là tên người ở gái bà sai đi hái nhãn, tôi đã nói ở trên).

Rồi ông bảo: bà ba là một người đàn bà tinh khôn, bà thừa biết ông đã “chùi mép” cho bà nên bà nhũn nhận thổ lộ:

- Tôi biết, tôi quý cái bụng anh ăn ở, giữ gìn, thu vén cho nhà này từng ly, từng tí. Tôi biết lắm anh ạ! “Gái có công thì chồng chẳng phụ”. Rồi bà

vội lặt đậu giương lấy ví của chồng đưa cho ông Loan mang đi.

Ông Loan nói tiếp: Từ đây bà ba cho ông nhiều thứ, và khi nhà nhiều Tâm thiếu hai suất sưu là hai đồng tư, phải gán bộ tràng kỷ, bà ba nói: “Mấy năm nay anh ăn ở với nhà này tận tâm tận lực, tôi thưởng cho anh bộ tràng kỷ, vợ chồng con cái ngồi cho nó sướng đi”...

Trong ba người, cha tôi chọn để xây dựng nhân vật “Chí Phèo” thì hai ông vẫn sống ở làng cho tới lúc già mới mất. Một ông đi biệt tích chứ không có cuộc đâm chém với “bá Kiến” như cha tôi viết.

Nhân vật Thị Nở cha tôi xây dựng trên hình ảnh của hai người phụ nữ ở làng.

- *Người thứ nhất* là bà Trần Thị Nở, con một ông chuyên đóng cối xay thóc. Bà Nở bề ngoài xấu xí, tính dở hơi, vô tâm và dễ ngủ. Nhưng, bà có chồng, chồng bà là ông trùm Đào. Lấy ông Đào xong bà trở thành mợ của cha tôi.

- *Người thứ hai* là cô Trần Thị Thìn, con cụ phó Thảo. Cô Thìn cũng xấu: mặt ngắn, mũi to, da sần sùi và cũng dở người. Cô là em ruột bác Trần Duy Năm, anh rể của mẹ tôi. Nhà cụ Thảo tương đối khá giả. Bác Năm làm lý trưởng, nhưng cô Thìn vừa xấu, vừa dở tính nên không lấy được chồng. Cô Thìn mất vào năm sáu mươi (1960) do bị bệnh.

Nhân vật bá Kiến tên thật là Bính. Vì làm chánh tổng nên mọi người gọi là ông chánh Bính. Ông Bính lấy những năm bà vợ và có một đàn con: năm trai, chín gái.

+ Bà cả chỉ có một con trai tên là Trần Duy Tảo. Ông từng đi lính thời Pháp nên gọi đội Tảo.

+ Bà hai có bốn người con, gồm ba gái, một trai. Người con trai là ông cử Hòe. Trong số những tác phẩm của cha tôi có hai nhân vật được xây dựng từ ông này: lý Cường trong truyện “*Chí Phèo*” và cử Hòe (để nguyên tên thật) trong truyện “*Nửa đêm*”. Còn vợ ông cử Hòe được cha tôi lấy để xây dựng nhân vật bà Huyền trong truyện “*Ngấn*”.

+ Bà ba có bốn người con cũng một trai, ba gái. Người con trai tên là Kế. Cô con gái út là Trần Thị Xuyên là vợ thầy Phấn, nhân vật San trong tiểu thuyết “*Sống mòn*”. Bà ba thất cổ tự tử hồi cải cách ruộng đất.

+ Bà tư có một con trai tên là Trần Duy Tùng và ba cô con gái.

+ Bà thứ năm không phải người làng tôi. Bà quê Thái Bình, sau khi lấy ông xong, bà vẫn ở lại quê buôn bán. Mãi khi con lớn bà mới về nhà chồng, lúc đó dân làng mới biết mặt bà.

Ngôi nhà ông chánh Bính hiện nay vẫn còn.

Ông Hậu là người làng tôi, đi làm ăn ở Tân Thế Giới, sau khi hồi hương về làng mua nhưng không ở, mà cho người cháu tên là Hòa đến ở để trông coi. Hiện ông Hòa đã mất, chị Châm là con gái ông Hòa đang ở. Đó là ngôi nhà bằng gỗ lim, tương đối lâu đời, hãy còn nguyên dạng, có đại che nắng bằng gỗ lim, hiếm thấy ở đồng bằng sông Hồng này. Đồng chí Hiến - Bí thư Đảng ủy xã Hòa Hậu cho biết hiện có rất nhiều người ở nơi khác (kể cả ở miền Nam) đến hỏi mua. Nhưng lãnh đạo xã muốn giữ lại không bán, vì đó là một nhân chứng lịch sử của địa phương.

Các nhân vật trong truyện cũng được cha tôi xây dựng từ những người ở làng, chẳng hạn:

+ Nhân vật đội Tảo là ông Tụ, đi lính cho Pháp lên đến chức đội nên gọi "đội Tụ". Ông Tụ có hai cô con gái, nay đã chết cả.

+ Binh Chúc là tên thật của ông Chúc, ông đi lính về bị cụt một chân, tháng 3 - 1945 cả nhà bị chết đói hết.

+ Tụ Lãng, ông thầy cúng nửa mùa cũng là tên thật của ông Lãng. Còn thêm "tự" ở trước là do ông làm thầy cúng nên người ta đệm vào.

Trên thực tế, ông chánh Bính sống mãi đến sau cách mạng tháng Tám 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, mấy người con rể của ông, tham

gia cách mạng rất tích cực, như ông ký Ban từng làm Bí thư chi bộ xã, ngay từ đầu kháng chiến. Thầy Phấn bộ đội chiến đấu dũng cảm lên đến cấp đại tá. Bác Tặng cán bộ cách mạng tiền khởi nghĩa... Các cháu của ông cũng nhiều người đi theo cách mạng và thành đạt.

Dựa vào gia đình người hàng xóm tên là Ngân, cha tôi viết hai truyện ngắn “*Con mèo*” và “*Đòn chông*”. Đó là một gia đình nông dân nghèo. Hai vợ chồng đều chăm chỉ làm ăn. Bà vợ chủ yếu dệt vải, còn ông chồng lúc làm vườn, làm ruộng, khi nhàn rỗi ra sông chao cua, bắt ốc, dạy trai. Vườn nhà ông cách vườn nhà tôi một cái rãnh trồng khoai nước. Mọi việc làm ăn, sinh hoạt của nhà ông đều bình thường. Duy có một điều khác thường là ông chồng đánh vợ như cơm bữa, chửi vợ như hát hay. Nhưng lại làm lành cũng rất mau chóng. Vừa thấy hai người tươi cười chuyện trò cùng nhau, bà vợ nói câu gì đó không lọt tai, thế là ông chồng kéo ngay tóc vợ quấn vào cây cau, rồi tay đấm, chân đá. Tưởng họ ít nhất cũng mấy ngày chả thèm nhìn mặt nhau. Nhưng không, chỉ đến tối đã lại thấy hai người cùng nằm trên cái phản kê ngay giữa nhà cười cười, cợt cợt với nhau rồi... Và chỉ mấy ngày bà vợ thoát được đòn của chồng. Những khi cha tôi ở nhà nhìn cảnh nhà ông Ngân như vậy. Người ngao ngán lắc

đâu, thờ dài. Nhưng hàng xóm chẳng ai dám can, vì càng can, ông càng đánh bà dữ hơn...

Những nhân vật trong tác phẩm của cha tôi đều là những nguyên mẫu ở ngay trong gia đình, trong xóm ngoài làng, gần gũi, thân thương với cha tôi. Chỉ tiếc khi cha tôi còn sống, tôi còn ít tuổi không biết hết.

BA CÁI TẾT ĐÁNG NHỚ CỦA GIA ĐÌNH NHÀ VĂN NAM CAO

Cái tết của những nỗi đau

Sau năm năm đi tản cư, đầu năm 1951 mẹ con tôi trở về làng. Ông bà đôi bên nội ngoại và cả họ hàng đều rất vui. Người vui nhất là ông nội tôi. Mới đầu tháng năm ta, ông đã nhắc bà: “Bà nuôi thêm lấy đàn gà để dành đến tết mà ăn. Năm nay mẹ con “nhà cả” mới về, cũng phải cho tươm tất một chút”. Bà nội tôi im lặng, không đáp lại lời ông. Nhưng thật ra bà đã tính toán cả rồi. Ngoài việc nuôi đàn gà như ông tôi bảo, bà con bỏ thêm con lợn trong chuồng. Bà định đến tết nhờ người làm thịt để lại dăm cân nhà ăn, còn lại bán cho xung quanh hàng xóm lấy tiền may cho mỗi cháu bộ quần áo mới. Bà lẩm bẩm một mình: “Chúng nó rách quá! Tội nghiệp”. Xong bà lại nghĩ: Tết này cả dưới ao cũng nhiều con to, chỉ cần kéo vài mẻ lưới

là tha hồ có cá kho. Hoa quả lại càng sẵn, năm nay cam quýt lúc lỉu những quả là quả, bưởi cũng sai. Đến tết chuối cũng vài buồng được chặt... Nghĩ đến đây tự nhiên bà tủm tủm cười một mình.

Song tháng mười ta, còn hai tháng nữa mới đến tết. Nhưng chúng tôi đã bắt đầu náo nức. Mong từng ngày được may áo mới. Rồi hết chạy ra chuồng xem lợn, lại chạy vào buồng của bà, bóc trộm ngô đem quăng cho gà ăn để nó chóng lớn mà làm thịt. Và luôn mong cho tết đến nhanh lên!

Thế rồi niềm vui chưa tới, tin dữ bay về. Đúng vào ngày giáp tết thì nhận tin cha tôi bị địch bắt và chúng sát hại rồi. Cả nhà bàng hoàng, buồn đau tột độ. Bà tôi vừa mếu máo vừa lầm rầm cầu nguyện. Cầu đức chúa trời che chở cho linh hồn cha tôi. Ông tôi thần thờ cả ngày, chốc chốc lại thở dài thành những tiếng rên. Mẹ tôi vật vã, khóc lóc luôn mấy ngày rồi lăn ra ốm. Hai đứa em tôi ngơ ngơ, ngác ngác nhìn những người lớn trong nhà. Chúng chưa đủ khôn để hiểu điều gì đang xảy ra trong gia đình. Còn tôi, cả ngày vừa cấp đứa em mới tròn một tuổi bên sườn, vừa nhặt nhòa nước mắt.

Vậy là thay vì được đón một cái tết xum vầy, vui vẻ, no đủ. Cả nhà tôi lại chìm ngập trong nỗi đau mất mát. Ban ngày tôi cấp em ra vườn, nhìn sang nhà hàng xóm. Thấy cảnh nhà người ta tấp

nạp mà thêm: những tiếng lợn kêu eng éc, hòa cùng tiếng gà quác quác. Làng xóm, kẻ đi, người lại trên tay nào là lá rong, nào là gạo nếp, đỗ xanh... Tiếng chày giã bột để gói bánh gai, bánh mật nện thình thịch. Còn trẻ con thì lăng xăng chạy nhảy, cười nói líu lô. Chúng mặc quần mới áo đẹp. Nhìn về nhà mình, thấy bà ngồi khóc, thấy ông thở dài, thấy mẹ nằm ốm liệt giường. Ở một góc sân, hai đứa em lớn đang ngồi ủ rũ, ỉu xiu. Chúng khoác mỗi đứa một bộ quần áo vừa rách rưới, vừa bẩn thỉu. Tôi nhìn vào bếp thấy bếp lạnh tanh. Tôi òa khóc nức nở. Thằng em nhỏ tôi cắp bên sườn thấy chị khóc, nó cũng khóc theo, hai chị em cứ thế ôm nhau mà khóc. Đến đêm trong những giấc ngủ chập chờn, tôi chợt nghe thấy tiếng khóc nghẹn ngào, âm thầm của mẹ, cố nén lại mà lòng tôi thật quặn đau. Đó là cái Tết không bao giờ tôi quên được trong cuộc đời mình.

Cái Tết chứa niềm an ủi.

Kể từ khi cha tôi ra đi năm đó, mẹ tôi luôn tự hỏi: làm sao đưa được cha tôi về quê yên nghỉ. Chính điều đó đã giục giã mẹ tôi vào xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình là nơi cha tôi bị địch bắn chết, ngay sau khi hòa bình lập lại. Nhưng cũng từ chuyến đi đó, mẹ tôi được biết: cha

tôi hy sinh cùng với đồng đội và Người được an táng chung cùng ba người trong một nấm mộ thì mẹ tôi hiểu rằng ở hoàn cảnh lúc này chưa thể xác định nổi đâu là cha tôi để đưa về được. Mấy chục năm sau đó, mẹ vẫn ngậm ngùi, áy náy không yên. Đến khi chúng tôi khôn lớn thì nỗi day dứt âm thầm của mẹ được truyền sang các con. Chúng tôi nung nấu trong lòng, phải cùng nhau làm tiếp cái việc mà mẹ tôi chưa làm được. Nhưng, mọi cố gắng của chúng tôi chưa đem lại kết quả thì nhờ sự giúp đỡ của Hiệp hội câu lạc bộ UNESCO, Hội Nhà văn Việt Nam... Chương trình "Tìm lại Nam Cao" ra đời và hoạt động có kết quả. Hải cốt cha tôi được tìm thấy, đưa về quê hương đúng vào ngày 18 - 1 - 1998 (20 tháng Chạp âm lịch). Cha tôi an nghỉ ngay trên mảnh đất có ngôi nhà xưa Người từng sinh sống. Thế là thỏa nỗi ước vọng của mẹ chúng tôi suốt mấy chục năm ròng. Những ngày gần tết năm đó, mẹ tôi đang ốm khá nặng. Hôm đưa hải cốt cha tôi từ nghĩa trang Gia Viễn về Viện Khoa học hình sự để thẩm định, mẹ tôi vẫn không sao dậy nổi để an ủi. Thế mà khi biết tin tìm thấy cha tôi, chỉ mười ngày sau đưa hải cốt cha tôi từ Viện Khoa học hình sự về quê, mẹ tôi khỏe hẳn ra. Mẹ xăng xái chuẩn bị, rồi giục già con cháu thu xếp thật nhanh để đi đón cha tôi. Lúc đoàn xe chở cha



Mộ nhà văn Nam Cao

tôi vừa về đến quê, mẹ tôi lập cập chạy ra, hai hàng nước mắt nhạt nhòa trên gương mặt già nua.

Những ngày sau đó, gia đình tôi hối hả với việc xây mộ cha tôi, cốt sao hoàn thành đúng vào dịp tết. Tối hai mươi tám tết, ngôi mộ được xây xong. Khi chồng tôi báo tin đó, mẹ tôi bảo: “Năm nay nhất định phải gói bánh chưng và sắm thật đầy đủ mọi thứ để còn đón cha con về nhà ăn tết. Được ở gần thế này, thế nào ông ấy cũng về với mẹ con mình. “Tôi nghe mẹ nói mà lòng trào dâng đầy xúc động”. Nghĩ rằng: chẳng biết cha tôi có về được không? Nhưng ít ra, đó cũng là niềm an ủi lớn lao đối với mẹ tôi.

Cái Tết niềm vui trọn vẹn

Để ghi nhận công lao của cha tôi đối với Tổ quốc, nhân dân và những đóng góp của Người vào nền văn học nước nhà. Nhà nước đã đầu tư kinh phí để tỉnh Hà Nam xây “Nhà tưởng niệm Nam Cao” ngay trên mảnh đất có ngôi mộ của Người. Công trình được xây dựng từ năm 2001 và hoàn thành vào năm 2002. Khi mẹ tôi ra đi vào ngày 30 - 7 - 2002, nhà tưởng niệm cha tôi chưa được mở cửa. Trước lúc mẹ chúng tôi lâm chung, Người gọi các con lại và nói rằng, mẹ có hai điều nguyện ước:

+ *Điều thứ nhất*: Khi gặp nhau lần cuối cùng, cha các con dặn mẹ: “Dù có phải ăn đói, mặc rách - Dù phải khổ sở thế nào đi nữa, cũng phải nuôi các con ăn học nên người”. Điều này mẹ đã làm được. Các con đều khôn lớn học hành đỗ đạt và giành được học vị tiến sĩ, cử nhân cả.

+ *Điều thứ hai*: Hài cốt cha các con đã tìm thấy, đưa về quê hương. Duy có một điều mẹ còn băn khoăn là, chưa được dự lễ mở cửa nhà tưởng niệm cha các con.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Hòa Hậu. Các cơ quan chức năng như: Sở Văn hóa



Nhân dân đến dự lễ khánh thành nhà tưởng niệm Nam Cao
Thông tin, Bảo tàng tỉnh Hà Nam, Phòng Thông tin Văn hóa huyện Lý Nhân. Các cá nhân như: Giáo sư Phong Lê, đồng chí Nguyễn Hồng Quang - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Hà Nam. Đồng chí Trần Quốc Hùng - Giám đốc Sở Thông tin Văn hóa Hà Nam, đồng chí Hiến - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân, đ/c Hùng - Trưởng phòng Thông tin Văn hóa huyện Lý Nhân. Và được sự giúp đỡ về hiện vật, tư liệu của các nhà xuất bản: Hội Nhà văn, Công an nhân dân, Văn học, Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Nhà sách số 5 - Đinh Lễ - Hà Nội... Các giáo sư Phong Lê, Hà Minh Đức. Các nhà nghiên cứu, Tiến sĩ Hà

Bình Trị, Bích Thu... Cùng sự cố gắng của gia đình chúng tôi. Nhà “Tưởng niệm Nam Cao” được mở ngày 30-11-2004, đồng thời là ngày giỗ của Người, cũng là giáp tết Kỷ Dậu. Giờ đây, mẹ chúng tôi đã đi xa. Nhưng tôi nghĩ chắc rằng ở nơi chín suối, mẹ sẽ mỉm cười vì tết này niềm vui đã trọn vẹn.

Thay mặt gia đình tôi xin được tỏ lòng cảm ơn đối với mọi sự giúp đỡ, và để cho mọi vật trong nhà tưởng niệm cha tôi mỗi ngày thêm đầy đủ, thêm phong phú, xin bạn bè của cha, những người mến mộ nhà văn, hiện đang ở trong nước hay nước ngoài, còn lưu giữ được kỷ vật của cha tôi, hãy cho gia đình xin, để trưng bày tiếp trong “Nhà tưởng niệm Nam Cao”.

Nam Định, ngày 12 - 12 - 2004

ĐỒNG NGHIỆP CỦA CHA TÔI

Theo suy nghĩ của riêng tôi thì không có bất cứ nghề nào mà tình đồng nghiệp lại sâu sắc, chân tình được như nghề viết văn của cha tôi. Sở dĩ tôi nói thế vì trong suốt mấy chục năm qua, tôi là người vừa được chứng kiến, vừa được hưởng thụ chính những tình cảm đó từ các nhà văn, nhà thơ, nhà báo là đồng nghiệp của cha tôi ở nhiều thế hệ đã giành cho cha tôi và vợ con Người.

Xưa kia cha tôi vốn nhà nghèo, lại được sinh ra và lớn lên ở một vùng quê lam lũ, nên Người thường mặc cảm và rụt rè từ nhỏ. Khi lớn lên vẫn bị ám ảnh với thân phận nghèo hèn, nên rất ngại giao tiếp, nhất là với những người không cùng tầng lớp với mình. Các bạn xưa của cha tôi, rất nhiều người thuộc tầng lớp trên. Nhưng, tất cả đều thông cảm với Người. Vì thế, tuy nhà chúng tôi xa xôi đi lại khó khăn vẫn thường xuyên có nhiều bạn bè văn chương của cha tôi tới nhà để chia sẻ, thăm viếng. Rồi khi cha tôi gặp khó khăn trong cuộc

sống, lại được đồng nghiệp cứu mang hết lòng. Chẳng hạn, vào đầu những năm bốn mươi của thế kỷ trước. Cha tôi đang làm hiệu trưởng trường Công Thanh, một trường tư thục ở Hà Nội. Khi Nhật xâm chiếm nước ta, chúng cướp mất trường để làm chuồng ngựa. Từ đó cha tôi thất nghiệp, có lúc Người ở Hà Nội hàng mấy tháng: không việc làm, không tiền của. Song vẫn được bạn bè giúp đỡ để có cơm ăn, nhà ở và động viên về tinh thần để vượt qua cơn khốn đốn của giai đoạn đó. Nhưng chỉ sau ngày cha tôi mất, tôi cảm nhận thấy sâu sắc hơn về sự cao quý trong tình đồng nghiệp của các nhà văn, nhà thơ, nhà báo qua cử chỉ và việc làm dành cho vợ con của người đồng nghiệp quá cố.

Lúc cha tôi mất được bốn tháng, chúng tôi đang ở trong vùng chiếm đóng rất khó tiếp cận. Song, các bác ở Hội Văn nghệ vẫn lặn lội từ Việt Bắc về tìm cách đưa chị em tôi ra vùng tự do để đi học Trung Quốc. Lúc đó vì điều kiện gia đình, chỉ có một em tôi đi được thôi. Còn tôi phải ở lại trông hai em để mẹ chạy chợ kiếm cơm nuôi chị em chúng tôi. Thế là, kể từ đấy, các bác thường xuyên theo dõi chăm sóc đến sự học hành của mấy chị em. Khi hòa bình vừa lập lại, các bác lại cử người về quê tôi, đón mẹ tôi vào nghĩa trang, nơi cha tôi hy sinh để thăm nom phần mộ cha, và tìm hiểu về sự hy sinh của cha tôi.

Cũng bắt đầu từ thời gian này, các bạn văn của cha tôi, nhất là nhà văn Tô Hoài đặc biệt lưu tâm sưu tầm lại các tác phẩm của cha tôi, với ý định để bảo tồn và từng bước đưa xuất bản. Nhờ vậy, một số tác phẩm tưởng bị thất lạc đã tìm thấy để lưu giữ đến tận bây giờ. Đồng thời sách được in, mẹ con tôi có chút tiền nhuận bút thêm vào lo cho cuộc sống.

Đầu năm 1962 tôi học xong đi làm ở Nam Định và xây dựng gia đình riêng với một giáo viên, dạy cùng thành phố Nam Định. Cuối năm 1963 chúng tôi có con đầu lòng. Khi đó Mai Thiên vẫn còn học tại Liên Xô. Mẹ và em Thành, Thực sống ở quê. Vợ chồng tôi muốn đón mẹ và hai em đến ở cùng chúng tôi tại Nam Định để mẹ con, bà cháu nương tựa vào nhau. Nhưng đang thời kỳ bao cấp, nếu mẹ và hai em tôi ra thành phố mà không được mua lương thực, thực phẩm theo giá cung cấp thì chẳng thể nào đủ sống. Đang loay hoay không biết làm cách nào để xin tiêu chuẩn đó và cũng chưa dám thổ lộ cùng ai thì chợt, một hôm, chồng tôi đang dạy học trên lớp, tự nhiên thấy đồng chí hiệu trưởng đi cùng một người lạ tới cửa lớp học. Đồng chí hiệu trưởng vẫy chồng tôi ra ngoài và chỉ vào người đi cùng rồi nói: “Anh để lớp đấy tôi bố trí người dạy thay cho. Anh đi cùng đồng chí đây tới

Ủy ban tỉnh có việc gấp?” Chồng tôi thoáng bối rối, vừa dắt xe đạp ra vừa nghĩ thầm: “Quái lạ không biết làm sao mà mình lại bị triệu đến “cửa quan” đột ngột thế này?”. Tuy vậy anh vẫn lặng lẽ bước theo người khách lạ ra đến Ủy ban tỉnh Nam Định. Anh thấy có mấy người đang đợi sẵn, trong đó có cả một cán bộ công an. Anh hơi chột dạ. Song, ngay sau đấy, anh được biết: nhà thơ Tố Hữu đang ở đấy, muốn gặp con rể nhà văn Nam Cao. Lúc đó, anh mới thở phào nhẹ nhõm và cảm thấy quá bất ngờ, quá sung sướng. Nhưng anh vẫn băn khoăn thắc mắc về chuyến gặp gỡ đột xuất bất ngờ này. Đây là lần đầu tiên anh được gặp nhà thơ Tố Hữu. Song, nhà thơ tỏ ra rất thân tình. Ông nói: “Bác về làm việc với lãnh đạo tỉnh. Nhưng thời gian gấp quá, bác không đến thăm mẹ cháu được. Bác nhờ các anh ở tỉnh gọi cháu đến để hỏi thăm sức khỏe mẹ cháu. Bác muốn biết đời sống của mẹ và các cháu hiện ra sao?” Tiếp theo bác bảo: “Bác nghe nói, các cháu có ý muốn đưa mẹ và hai em đến sống cùng vợ chồng cháu phải không?” Chồng tôi bảo: “Thưa vâng ạ”. Nhà thơ đắm chiêu suy nghĩ và băn khoăn nói: “Liệu với đồng lương eo hẹp như bây giờ của hai cháu, làm sao nuôi sống cả nhà sáu miệng ăn?” Rồi ông ân cần nói tiếp: “Thôi được, nếu các cháu đã tính toán kỹ và quyết tâm rồi, thì bác sẽ

bàn với lãnh đạo Ủy ban tỉnh, để các đồng chí tạo điều kiện giúp đỡ. Mẹ cháu đã vất vả quá nhiều rồi. Bây giờ cũng phải cố gắng sao cho bà được thành thoi đôi chút”. Sau cuộc gặp gỡ giữa chồng tôi và nhà thơ Tố Hữu hôm ấy, việc nhập khẩu về thành phố và cấp sổ mua lương thực cùng tem phiếu của mẹ tôi và hai em diễn ra thật suôn sẻ trong vòng có chưa đầy tuần lễ.

Cho đến tận bây giờ, hễ có dịp nhắc lại chuyện này chồng tôi vẫn bảo: “Ngày ấy, không biết ai nói mà nhà thơ Tố Hữu lại biết chuyện để giúp gia đình mình nhỉ! Lạ thật?” Rồi anh cứ xuýt xoa: “Hai người lần đầu gặp nhau mà bác Tố Hữu ân cần đúng như cha và con gặp nhau vậy, khiến mình cảm động quá!”.

Đến năm 1972, mẹ tôi ốm nặng phải lên Hà Nội chữa bệnh. Các bác ở Hội Nhà văn cũng hết lòng giúp đỡ. Lúc đầu được nhà văn Nguyễn Đình Thi nhờ bác sĩ Trường (phu nhân nhà văn Nguyễn Đình Thi) khi ấy là Phó Giám đốc bệnh viện Việt - Xô xin cho vào khám tại đó. Sau thấy cần nằm bệnh viện để điều trị mẹ tôi chuyển sang bệnh viện Bạch Mai. Ở đây, các bác đã liên hệ với bệnh viện để bà được chăm sóc chu đáo về thuốc men và ăn, nghỉ. Khi giặc Mỹ chuẩn bị đánh phá Hà Nội, sợ mẹ tôi gặp nguy hiểm, các bác ở Hội Nhà văn lấy

xe ô tô của Hội và cử người đưa mẹ tôi về tận quê, nơi gia đình đang sơ tán. Chắc do tình hình khẩn cấp nên các bác chưa kịp giải thích kỹ cho mẹ tôi. Do vậy, ngày đầu tiên vừa về tới nhà, mẹ tôi tỏ ra rất bức bối, nằm liệt bệt suốt ngày, không chịu ăn uống, luôn mồm ca cẩm: “Bệnh tình của mình đã đỡ đâu, họ chữa mãi mới bắt đầu thấy đỡ. Thế mà, tự nhiên các ông ấy ùng ùng đến bệnh viện lôi về bằng được. Mà lại giục già đúng như là đi chạy loạn ấy! Chẳng còn hiểu ra làm sao cả”. Hai hôm sau, Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin giặc Mỹ ném bom Hà Nội, bom rơi trúng bệnh viện Bạch Mai! Tất cả chỉ còn là đồng đổ nát. Lúc ấy, mẹ tôi mới giật mình và hiểu ra. Bà bật dậy, chạy ngay sang hàng xóm, giọng đầy phẫn khích nói với mọi người: “Thế có chết không chú! Mỹ nó ném bom trúng ngay vào bệnh viện, tôi vừa nằm hôm nọ. May các anh bạn của nhà tôi kịp đưa về nhà, không thì hôm nay tôi không còn sống mà trông thấy các bác nữa - Bà hạ giọng - Thì ra các anh ấy biết trước, nên cứ giục tôi thu xếp thật nhanh để về ngay. Thật là hú vía!”.

Tôi nhận thấy, vào bất cứ lúc nào, hễ cuộc sống của gia đình tôi gặp trở ngại, khó khăn, cần sự giúp đỡ thì đồng nghiệp của cha tôi đều có mặt. Trong đó, có người không cùng lứa tuổi với ông,

cũng chưa từng cùng nhau làm việc, như nhà văn Chu Văn. Hai người chỉ gặp nhau đúng có một lần. Vậy mà bằng con mắt tinh tường và tấm lòng cảm mến, nhà văn Chu Văn đã sắc sảo vẽ lên chân dung của cha tôi qua bài viết “*Chỉ một lần gặp Nam Cao*” thế này: “*Bậc đàn anh trong văn học, mẫu mực về trách nhiệm và sáng tạo tài hoa. Anh Nam Cao cho tôi gặp quá muộn và quá ngắn... Cứ hình dung ra người viết văn, cụ thể là Nam Cao, ắt phải là khách lọc lõi, thập thành, nói năng sắc sảo, ráo riết. Nghĩa là một mẫu “có gang, có thép” dẻo để lắm, chứ không vừa. Chúng tôi - những người thích văn chương, mong được nhìn thấy “Ông bố đẻ của thằng Chí Phèo” mà có phần nào cũng gồm gồm, ngại ngại... ông ta.*

Nam Cao, xuất hiện thật bất ngờ.

... Một chuyến đi dài, vất vả và nguy hiểm. Mà trang bị thật sơ sài: một mũ lá tàng tàng, cái áo bông xanh, quần nâu, đôi dép cao su, một tay đũa dựng chặn màn và tài liệu. Và một cây gậy tre khá chắc... thế thôi!

Nhưng con người thật khác hẳn hình ảnh chúng tôi đã tưởng tượng. Nam Cao có chiều cao mà thiếu bề ngang, mặt dài, lông quặm dô cao, đôi mắt mệt mỏi và nụ cười hiền lành. Anh ít nói, rất khiêm tốn, cứ chỉ chậm chạp. Thế mà sao miêu

tả cái anh “Hoàng” và thằng “Chi” thì anh hóm đến vậy. Rõ thật anh hoa phát tiết vào trong...

... Anh ăn cơm với chúng tôi, đứng cạnh bàn ghép phen tre. Rau muống chấm muối trắng chưng cà chua và tép rang rất mặn. Vậy mà Nam Cao còn khen là khu III gạo trắng nước trong. Sinh hoạt đã kham khổ hơn Việt Bắc, ăn uống giản dị, ngủ cũng sơ sài: anh chọn một góc sạp liếp mắc màn. Cái đây đặt làm gối, mảnh chăn đơn đắp ngoài, phụ vào cái áo bông cũ. Gậy dựa ngay cạnh đôi dép lóp, lúc nào cũng sẵn sàng...

Nam Cao chân thành, khiêm tốn không ồn ào, pha trò rất chín. Người khác cười phá lên thì anh chỉ tủm tỉm. Nhưng rồi anh cũng nói rất nhiều điều. Anh cho biết quê anh ở Đại Hoàng... Nam Cao khoe quê anh có nhiều nghề giỏi... Chuối ngự Đại Hoàng, có phải đâu cũng trồng nổi các loại cây khó tính không sao chịu được phân chuồng. Nó cho những trái chỉ bằng ngón tay mà mọng, mà xinh, thanh tú, bốc hương đến mát cả buồng phổi. Rồi hồng Nhân Hậu"... Những điều nhà văn Chu Văn mô tả, thật đúng với diện mạo và tính cách của cha tôi. Chẳng vậy mà một lần tôi đem bài viết này đọc cho mẹ tôi nghe xong, nước mắt bà ầng ậc, nghẹn ngào nói: “Ông ấy làm cho mẹ nhớ đến bố con quá chừng”.

Khi nhà văn Chu Văn làm Trưởng ty Văn hóa Nam Định, gia đình tôi cũng sinh sống ở cùng thành phố. Đôi bên có dịp quen biết nhau. Ông Chu Văn rất quan tâm đến mẹ tôi. Cứ mỗi lần gặp chị em chúng tôi ông đều căn dặn: “Mẹ ở với các cháu, hãy cố gắng chăm sóc mẹ thật tốt, để bù đắp những mất mát, thiệt thòi cho mẹ các cháu nhé!”. Đồng thời ông luôn khuyên nhủ chúng tôi làm điều hay, lẽ phải như con cháu trong nhà vậy. Nhà văn còn quan tâm đến cả những sở thích nho nhỏ của chúng tôi và sẵn sàng đáp ứng nếu có dịp. Tôi còn nhớ mãi vào cuối năm 1979. Lúc ấy phương tiện nghe nhìn còn hiếm nên quý lắm mà lại khó mua. Vì là trưởng ty nên ông được tiêu chuẩn mua một cái vô tuyến đen trắng “Nép-tuyn” của Ba Lan với giá một ngàn không trăm năm mươi đồng (theo thời giá bấy giờ là sáu chỉ vàng). Bằng cách nào mà ông biết gia đình chúng tôi thích xem vô tuyến. Ông nhắn chồng tôi đến nhà và cho anh phiếu mua cái vô tuyến đó. Sau này, cô Thục con gái ông cứ tị với chồng tôi mãi. Cô bảo: “Em rất thích nhưng bố em cho anh, chứ có cho em đâu?”.

Đây là những người dù sao cũng còn biết cha tôi. Nhưng có nhiều người còn trẻ tuổi thuộc thế hệ con cháu, do cùng nghề nghiệp với cha tôi nên khi biết chúng tôi là con, cháu của Người nên tự nhiên



Ngôi nhà số 16 Nguyễn Du, Thành phố Nam Định

cảm thấy thân thiện. Còn nhớ năm 1959 tôi là giáo viên phổ thông, dự một lớp chỉnh huấn ở Phủ Lý. Tình cờ tôi gặp nhà văn Vũ Bao. Khi biết tôi là con gái nhà văn Nam Cao, anh Vũ Bao đối với tôi thật gần gũi. Anh kể cho tôi đủ chuyện, tôi nhớ nhất một lần tôi hỏi anh về những trục trặc khi xuất bản truyện “Sắp cưới” của anh. Anh nói đùa: “Lúc anh viết truyện này, anh không có giấy để viết nên hàng ngày đến trụ sở hội để ăn trộm giấy, xong rồi ngồi đấy viết luôn, hết giờ mới ra về. Tại vì anh “ăn trộm” giấy để viết nên trời phạt anh đấy!”. Anh nói chuyện rất hóm, mà coi tôi đúng như em gái vậy. Và ngay gần đây, tôi mới một, hai lần được tiếp xúc với những đồng nghiệp thế hệ trẻ sau này của cha tôi như các nhà văn, nhà thơ: Thanh Nga, Nguyễn Hoàng Sơn, Hữu Thịnh... Các anh, các chị cư xử với tôi cũng thật thân tình, luôn động viên tôi cố gắng viết bài kể về cha tôi và những người thân trong gia đình. Nhờ sự động viên khích lệ đó, tôi mạnh dạn viết bài gửi đăng các báo *Tiền phong*, *Văn nghệ*...

Nhân nói về đồng nghiệp thế hệ sau của cha tôi, tôi lại nhớ câu chuyện cách đây mười lăm năm. Hồi ấy, sau gần hai mươi năm kể từ khi bị bom Mỹ ném trúng nhà. Ngót hai mươi năm ăn ở tạm bợ, từ lúc ở nơi sơ tán quay về thành phố, năm 1990,

chúng tôi biết xí nghiệp dệt Dân Sinh đang chuyển sang địa điểm mới. Khu đất cũ trên đường Nguyễn Du sẽ chuyển mục đích sử dụng. Gia đình tôi định xin mua một gian nhà cấp bốn, diện tích gần 50m² là cái bếp của họ để ở. Nhưng khi đặt vấn đề với xí nghiệp, thì được biết phải thông qua lãnh đạo tỉnh. Lúc chúng tôi đến gặp Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam Ninh lại được giải thích: Đây là tài sản quốc gia, không được bán cho tư nhân. Thực ra, chỉ hơn một năm sau đó, toàn bộ khu đất rộng hàng ngàn mét vuông, được phân lô, xây dựng nhà bán cho tư nhân cả. Nhưng lúc gia đình tôi muốn mua thì lại cực khó. Một lần tôi đánh bạo đến Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh, với ý định xem các anh ở đây có giúp đỡ được không. Tôi gặp anh Lê Hoài Nam - Phó chủ tịch Hội. Hai chúng tôi chưa biết nhau bao giờ. Tôi nhờ anh Nam chỉ giúp lãnh đạo là ai? Anh Nam hỏi tôi có việc gì. Tôi trình bày lý do tôi muốn gặp lãnh đạo. Nghe xong, anh Nam rất ân cần hỏi han, sau đó anh góp ý cách thức vận động để mua bằng được căn nhà ấy. Rồi đích thân anh lên Hà Nội gặp nhà văn Vũ Tú Nam - lúc đó là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam để nhờ giúp đỡ cho gia đình tôi. Sau đó nhà văn Vũ Tú Nam cùng nhà văn Hữu Mai về làm việc với Tỉnh ủy Hà Nam Ninh, đã can thiệp giúp tôi mua được gian nhà đó. Kể từ đây, gia đình tôi mới ổn định nơi ăn ở cho

đến ngày hôm nay. Nhiều lúc tôi tự hỏi: Tôi chưa hề quen biết bao giờ mà sao anh Lê Hoài Nam tận tình đến vậy. Rồi tôi lại tự trả lời: Vì anh là đồng nghiệp của cha tôi.

Và sau bao năm lận đận, khi con cái trưởng thành là lúc mẹ tôi già yếu. Bà lại day dứt không yên về phần mộ của cha tôi lẫn trong tám trăm năm mồ vô danh ở nghĩa trang liệt sĩ huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Đồng nghiệp của cha tôi biết được, như nghe thấy tiếng thở dài hàng đêm của mẹ tôi nên lại vào cuộc. Cả một thời gian dài, trong những năm chín mươi của thế kỷ trước. Hàng loạt tờ báo với những bài: *“Nam Cao bức chân dung để lại”*, *“Nam Cao qua những người thân”*, *“Thêm những hồi ức về Nam Cao”* nhất là bài *“Đôi điều day dứt với Nam Cao”* đã truyền tới độc giả, và những người yêu mến nhà văn về nguyện vọng thiết tha tìm thấy người thân của gia đình chúng tôi. Từ đó được nhiều tổ chức xã hội và cá nhân quan tâm đặc biệt. Trong đó có họa sĩ Trịnh Yên đang công tác ở Hiệp hội UNESCO. Chương trình *“Tìm lại Nam Cao”* ra đời và cuối cùng tìm thấy hài cốt cha tôi đem về quê hương yên nghỉ. Và ngày 30-11-2004 nhà tưởng niệm Nam Cao được khai trương cũng là do rất nhiều tâm huyết của đồng nghiệp với cha tôi.

Những chuyện tôi vừa kể cũng chỉ là một phần nhỏ trong rất nhiều việc mà đồng nghiệp của cha tôi, đã làm cho Người và gia đình chúng tôi. Tôi vẫn đinh ninh rằng tình đồng nghiệp trong nghề vẫn là đậm đà sâu sắc hơn cả mọi nghề.

Nam Định, ngày 28 tháng 8 năm 2005

NỖI BUI NGƯỜI CỦA GIÁO SƯ PHONG LÊ ĐÃ ĐƯỢC GIẢI TỎA

Giáo sư Phong Lê là một người yêu mến văn chương của cha tôi - nhà văn Nam Cao. Trong những bài viết về Người, giáo sư từng dùng từ “mê” để chỉ sự mến mộ đó. Cũng vì mến mộ văn chương cha tôi nên giáo sư Phong Lê có khá nhiều quyển sách, bài báo viết về Người như:

- *Cách mạng tháng 8 và Nam Cao.*
- *Nam Cao “Văn và đời”*
- *Nam Cao số phận và nghịch lý.*
- *Sự sống và sức sống Nam Cao.*
- *Nam Cao: phác thảo sự nghiệp và chân dung.*
- *Nam Cao người kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực...*

Trong lần về quê tôi ở xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 12-5-2004 để thăm nơi cha tôi đang yên nghỉ, Giáo sư chứng kiến nhà tưởng niệm của Người xây xong đã hai năm, nhưng

bên trong hãy còn trống trơn và cửa vẫn khóa. Ông đã bức xúc viết bài: “Về Hòa Hậu thăm Nam Cao” đăng trên báo Văn nghệ số 22 ra ngày 29-5-2004 trong đó có đoạn: “... Khu mộ đặt song song với nhà lưu niệm... Nếu ngôi mộ cho ta niềm vui sướng là Nam Cao đã thật được về với gia đình và quê hương, về với tất cả chúng ta là những bạn đọc yêu mến và ngưỡng mộ Nam Cao thì nhà lưu niệm lại gọi chút bùi ngùi. Nó đã được xây xong hai năm, nhưng bên trong còn trống không và cửa vẫn khóa. Tôi biết là gia đình vẫn còn giữ được chiếc bàn và giường ở căn nhà cũ, một số sách của Nam Cao và sách viết về Nam Cao, cùng với một số ảnh và thư từ... Riêng số sách tôi thấy còn thiếu rất nhiều. Nếu có một thông báo cho tất cả những nơi đã đăng, đã in tác phẩm Nam Cao, kể cả trước và sau 1945, những ai viết về Nam Cao, những ai đã làm luận văn, luận án về Nam Cao và những nơi nào trên thế giới đã dịch Nam Cao... thì tôi tin sẽ có một số lượng lớn gấp nhiều lần...”.

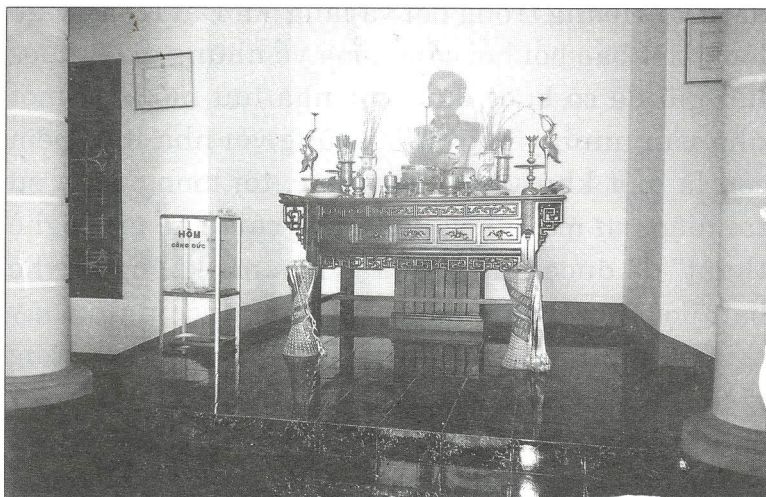
“Rồi khu vườn hiện thực Nam Cao theo sáng kiến của chương trình “Tìm lại Nam Cao”... tôi nghĩ giới kiến trúc mỹ thuật và điêu khắc có thể dễ dàng tái hiện được một thế giới nhân vật Nam Cao gồm từ Chí Phèo, Thị Nở, Lý Cường... lão Hạc... và trong khu vườn rộng có mộ chí Nam Cao, có nhà

lưu niệm Nam Cao, sao lại không thể xây lên một cái lò gạch cũ cùng một con đường nhỏ trở ra bờ sông, và góc kia đặt ngôi nhà Bá Kiến... Bởi cho đến nay, ngôi nhà Bá Kiến vẫn còn nguyên với những gian chính và gian phụ, những cột gỗ to, những kèo, rui, mè dọc ngang, những cánh cửa... và cả cái mái rêu phong. Từ ngoài ngõ nhìn vào đường như vẫn còn nguyên như cũ... Có cách nào để mua lại và đưa được những hiện vật quý giá như thế vào vườn hiện thực Nam Cao”.

Cũng trong chuyến viếng thăm đó, giáo sư Phong Lê cùng với Ủy ban nhân dân xã Hòa Hậu và gia đình tôi, bàn bạc về những công việc cần làm, để góp phần với các cơ quan chức năng, thúc đẩy cho niềm mơ ước, khai trương nhà tưởng niệm Nam Cao, sớm được thực hiện. Rồi chính bản thân giáo sư tự chuẩn bị nhiều tài liệu quý như sách viết về cha tôi, các đề thi tốt nghiệp phổ thông, vào đại học, các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ có sử dụng tác phẩm của cha tôi, để chuyển đến gia đình, giao cho Ban tổ chức, góp phần vào nội dung và hiện vật trong nhà tưởng niệm thêm phong phú. Đúng ngày giỗ cha tôi 30 - 11 - 2004 nhà tưởng niệm Nam Cao được khai trương, đáp ứng lòng mong đợi của giáo sư Phong Lê, của gia đình nhà văn và của tất cả những người yêu quý văn chương Nam Cao. Còn

những mong muốn tiếp theo như vườn hiện thực Nam Cao, với sự tái hiện nhân vật và lưu giữ những hiện vật có giá trị khác: ngôi nhà Bá Kiến, lão Hạc... hy vọng rằng thời gian, sẽ dần dần trở thành hiện thực.

Đối với giáo sư Phong Lê, việc khai trương nhà tưởng niệm Nam Cao là sự giải tỏa nỗi bùi ngùi. Còn đối với gia đình chúng tôi, những người ruột thịt của nhà văn Nam Cao thì đó là niềm vui quá lớn. Tôi cũng được biết, để họ tộc nhà văn được hưởng niềm vui này là do có sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức xã hội và các cá nhân như: trong chuyến về thăm mộ cha tôi, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã gợi ý xây nhà tưởng niệm và cấp kinh phí. Các đồng chí lãnh đạo Bộ Văn hóa Thông tin, lãnh đạo tỉnh Hà Nam trực tiếp chỉ đạo. Cơ quan Bảo tàng tỉnh, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Hà Nam, Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân, Phòng Văn hóa Thông tin huyện Lý Nhân, Ủy ban nhân dân xã Hòa Hậu đã nỗ lực tiến hành và làm mọi việc để nhanh chóng nhà tưởng niệm được mở cửa. Các nhà xuất bản và nhiều giáo sư tiến sĩ tặng gia đình sách, tài liệu để trưng bày. Đặc biệt, Nhà xuất bản Công an nhân dân, đã tặng nhà tưởng niệm tượng đồng để thờ và tái bản *Tuyển tập Nam Cao*, cùng *Nam Cao về tác gia và*



Bàn thờ nhà văn trong nhà tưởng niệm

tác phẩm. Sách in đẹp, trình bày trang trọng và hoàn thành rất khẩn trương để kịp ra mắt bạn đọc đúng ngày khai trương nhà tưởng niệm Nam Cao.

Dù chưa nói lên được tấm lòng của mọi người, gia đình chúng tôi vẫn luôn luôn ghi nhớ và biết ơn sâu sắc về những gì xã hội đã dành cho mình. Xin cảm ơn giáo sư Phong Lê đã có sự bù trừ rất đúng lúc.

Gia đình hi vọng những ước muốn tiếp theo của Giáo sư thổ lộ trong ngày về dự lễ khai trương nhà tưởng niệm Nam Cao sau đây sẽ lại được thực hiện: "... Sau mười ba năm trở lại đây, trên chính

đất Đại Hoàng trong đời và làng Vũ Đại trong văn, lòng xiết bao bồi hồi cảm động về những gì đã được lưu giữ để có bước đầu một nhà lưu niệm về một nhà văn mình yêu quý. Và cùng với nhà lưu niệm còn là một khu vườn hiện thực, tôi mong sẽ là sự tái hiện, sự minh họa phần nào cái “Thế giới nghệ thuật” đã được Nam Cao tạo nên mà không thể hệ bạn đọc nào không mong một lần được nhìn thấy...” Gia đình nhà văn Nam Cao xin gửi gắm cùng giáo sư Phong Lê sự mong đợi đó. Trước mắt, chúng tôi rất muốn số tài liệu, sách báo, đồ án tốt nghiệp hiện còn nhiều nhưng chưa được trưng bày, sẽ sớm có mặt trong nhà tưởng niệm để đáp ứng sự mong đợi của mọi người là được thấy nhà tưởng niệm ngày càng phong phú.

Nam Định, ngày 2 tháng 9 năm 2005

BẢN THÊM VỀ NGÀY SINH, NGÀY MẤT CỦA NHÀ VĂN NAM CAO

Trong bản tiểu sử viết ngày 10-4-1950 để gửi Ban tổ chức kiểm tra Hội Văn nghệ Việt Nam, đoạn nói về tên, tuổi, ngày tháng năm sinh cha tôi ghi:

Tên thật: Trần Hữu Tri. Bút danh: Nam Cao

Sinh ngày: 29 - 10 - 1917 tại làng Đại Hoàng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Không biết vì sao cha tôi ghi như vậy, bởi trong bài điều trần đọc tại lễ truy điệu cha tôi ở hội nghị tranh luận hội họa ngày 21-12-1951 do nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đọc, có đoạn như sau: "... Nam Cao năm nay mới ba mươi sáu tuổi. Anh xuất thân trong một gia đình Công giáo nghèo ở huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam...". Và cậu em ruột tôi là Trần Mai Thiên, từng du học ở Liên Xô một thời gian khá dài cũng bảo, trong *Bách khoa toàn thư* của Liên Xô, phần nói về cha tôi, họ ghi: "Nam Cao năm mất ba mươi sáu tuổi".

Còn trong gia đình tôi thì ông nội và mẹ tôi đều khẳng định: cha tôi sinh năm 1915 và mất ở tuổi ba mươi sáu.

Với ông nội tôi thì điều này được ông nhắc đi, nhắc lại nhiều lần với các con, các cháu. Còn với người ngoài thì rõ nhất là vào một lần vào năm 1960 có một nghiên cứu sinh của Liên Xô tên là Ina sang nước ra làm nghiên cứu sinh. Ina được cán bộ của Viện Văn học Việt Nam dẫn đến gia đình tôi, để tìm hiểu thân thế, sự nghiệp của cha tôi. Năm ấy tôi đi học xa nhà, không có mặt trong buổi gặp mặt đó. Nhưng có chồng tôi bây giờ, lúc đó còn đang là người yêu của tôi, anh đến ở trọ trong nhà chúng tôi để dạy học - Ina đến nhà tôi buổi sáng, thì buổi chiều nghe dân làng đồn đại về cuộc viếng thăm đó, nên ông nội tôi cho em Kim là con trai chú tôi đến trường tìm chồng tôi vào nhà ông. Khi chồng tôi vừa tới, ông tôi hỏi ngay: “Có bà đầm nào đến nhà ta làm gì vậy?” Chồng tôi nói: “Đó là một cô gái người Nga, muốn hỏi về tên, tuổi và sự nghiệp của bố cháu để làm luận án đấy ạ”. Rồi anh hỏi ông: “Thế ông có nhớ bố cháu sinh năm nào không ạ?”. Ông tôi bảo cha tôi sinh năm 1915. Khi đó trên tay chồng tôi đang có bức ảnh Ina, định mang vào khoe ông, anh liền lấy bút ghi ngày

sinh của cha tôi vào đây. Đến nay dòng chữ đó vẫn còn.

Với mẹ tôi thì khi nào có dịp thành thoi một chút, mẹ lại kể với tôi:

- Ngày xưa ở quê mình buồn cười lắm! Các bà mẹ là bạn bè với nhau thì từ khi đang chữa đã hẹn nhau: Nếu đẻ ra mà một đứa là gái, một đứa là trai thì cho chúng lấy nhau nhé! Còn phần nhiều thì lấy vợ, lấy chồng cho con từ lúc còn thò lò mũi. Vợ chồng trẻ con sống trong một nhà, rủ nhau chơi ô ăn quan, đánh khăng, đánh đáo... Rồi trêu đùa nhau, đánh nhau khóc mếu cả ngày ấy chứ! Thế mà mẹ thì mãi năm mười bảy tuổi mới lấy chồng. Chẳng là, ông bà ngoại rất dễ tính nên lại gả cho cha con là người theo đạo. Mà riêng họ đạo thì không được lấy vợ, lấy chồng sớm. Con trai phải đủ mười tám tuổi, con gái phải đủ mười sáu tuổi. Khi mẹ mười sáu thì cha mới mười bảy nên cũng chưa cưới được. Phải chờ năm ông ấy đủ mười tám mới cưới được. Rồi vừa cưới nhau được một tháng thì chồng lại bỏ đi Sài Gòn gần ba năm. Lúc trở về ốm đau lẫn lóc. Mẹ phải bán đôi khuyên vàng là của hồi môn lúc về nhà chồng để chữa chạy hàng năm trời mới khỏi bệnh. Sau đấy mẹ mới có chữa, nên mãi năm mẹ hai mươi hai tuổi, cha hai mươi ba

tuổi, mới được mụn con gái đấy. Mẹ đẻ con vào tháng chín năm Dần.

- Cũng trùng hợp với câu chuyện này của mẹ tôi. Vào năm 1943 cha tôi viết chuyện "*Bài học quét nhà*" chủ yếu kể về những khó khăn của gia đình tôi trong thời gian đó. Nhân vật bé Hồng chính là tôi, ở một đoạn đối thoại giữa cha và mẹ, cha tôi viết: "*... Mà mình bắt nó làm vừa vừa chứ! Nó hãy còn non tuổi lắm. Đến tháng chín này nó mới đầy năm tuổi, đã làm làm sao được...*" Điều này cũng chứng tỏ tôi được sinh ra vào năm 1938, mà khi đó cha tôi hai mươi ba tuổi, nghĩa là Người sinh vào năm 1915. Rồi đến năm 1951 nghe tin cha tôi hy sinh, mẹ tôi vừa vật vã khóc lóc vừa nói: "Mới ba mươi sáu tuổi đầu mà sao anh đã vội vàng ra đi, để lại cho em một đàn con thơ dại, anh ơi!".

Đến năm 1996, để xác định phân mộ của cha tôi bằng phương pháp "ngoại cảm", chương trình "Tìm lại Nam Cao" đã yêu cầu gia đình cung cấp cho họ bảy tấm ảnh chân dung của cha tôi. Phía sau ảnh ghi ngày tháng năm sinh, ngày tháng năm mất, thật chính xác, nhất là với ngày tháng năm sinh. Lúc đó, chúng tôi căn cứ vào lời ông nội và mẹ tôi nên ghi sinh ngày 29 - 10 - 1915. Và căn cứ vào giấy báo tử của Hội Văn nghệ Việt Nam nên ghi mất ngày 30-11-1951.

Trước khi vào nghĩa trang Gia Viễn - Ninh Bình để khảo sát, ngày 23-11-1996 chị Bích Hằng là một trong số bảy nhà ngoại cảm, đã viết ra giấy một số điều như sau: "... Nơi ông nằm là một cánh đồng ven đường trục lên huyện... Số mộ của ông trùng lặp với số tuổi đời khi ông hy sinh. Chỉ khác là số mộ có thêm số không ở giữa...". Như vậy số mộ được xác định là 306. Và trong số bảy nhà ngoại cảm cũng có ba người khác chỉ trùng với Bích Hằng. Sau này khi khai quật ngôi mộ 306, đem hài cốt về Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Nội vụ (Bộ Công an) để thẩm định lại bằng phương pháp khoa học hình sự thì đúng đó là hài cốt của cha tôi.

Tôi xin kể lại những mẩu chuyện trên, với mong muốn cung cấp thêm thông tin để các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm đến nhà văn tham khảo. Riêng với gia đình chúng tôi thì mọi người vẫn đinh ninh rằng cha tôi sinh năm 1915 như ông nội và mẹ chúng tôi bảo. Còn không rõ lý do gì mà cha tôi ghi Người sinh năm 1917.

Về ngày mất của cha tôi cũng có một số ý kiến khác nhau. Tôi xin kể ra đây bốn ý kiến trong số đó và nói lên suy nghĩ của riêng bản thân để bạn đọc tham khảo:

- Trong bài diếu văn của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đọc trong lễ truy điệu cha tôi, có đoạn như

sau: "... Chúng tôi nhận được điện báo tin, nhà văn Nam Cao đã bị giặc giết hại trong khi đi công tác thuế nông nghiệp ở liên khu III... Ngày 30-11-1951 giặc đã sát hại Nam Cao của chúng ta...".

Trong bài viết nhân kỷ niệm 70 năm ngày báo chí Việt Nam 21-6-1995 đăng ở báo *Lao động xã hội* của nhà báo Nguyễn Uyển với nhan đề: "*Đồn về nỗi nhớ*" có đoạn "... Đây là lá thư của nhà văn lão thành Tô Hoài, Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội.

- Tôi xin gửi tới Hội Nhà báo Việt Nam, sơ yếu lý lịch làm báo của nhà văn, nhà báo Nam Cao mà tôi biết được vì có những thời kỳ tôi cùng anh ấy làm, Nam Cao (1917 - 1951) tên thật là: Trần Hữu Tri... Cuối năm 1950 vào hậu địch khu III công tác thuế nông nghiệp, bị địch bắt, đã hy sinh 30 tháng 2 năm 1951 tại xã Hoàng Đan, Ninh Bình".

Và với bài báo "*Nam Cao bức chân dung để lại*" nhà báo Mai Thanh Hải viết: "... Chiều hôm sau 29-11-1951 cả đoàn xuống ba chiếc đò nan... Một toán lính địch từ bốt Hoàng Đan bên kia sông lên sang phục kích ở rìa làng đạo Muõu Giáp. Chiếc đò đầu vút đi thoát mũi vây, chiếc cuối kịp quay chạy lui. Chiếc thứ hai chở nhà văn Nam Cao và bốn cán bộ bị sa vào ổ phục kích... Đêm đó anh Khoán tháo được dây trói mình và sau đó lần lượt tháo dây cho cả năm người khác. Theo lệnh của

anh Thao (tốp trưởng) cả sáu người chạy theo sáu ngã khác nhau... Địch nổ súng và đuổi bắt. Anh Thao bị bắn chết tại chỗ. Bốn người bị bắt lại, sáng hôm sau địch lôi bốn người ra đánh đập. Dân làng đi lễ sớm, kéo nhau ra phản đối: “Sao các ông đánh người ta tàn bạo vậy?” Tên Suối thiếu úy đại đội trưởng đại đội Conmãngđô Hồ Xám, vội rút súng ngắn ra, dí vào mang tai nổ súng giết chết cả bốn cán bộ, trong đó có nhà văn Nam Cao...”.

Tới năm 1996 trong buổi giao lưu tại nghĩa trang Gia Viễn sáng ngày 24-11-1996 chị Bích Hằng là một trong bảy nhà ngoại cảm nói: “... Ngày hy sinh của ông là ngày 28 - 11 - 1951 chứ không phải ngày 30 - 11 - 1951 và chiều hôm đó, đoàn khảo sát đến thôn Muõu Giáp nơi cha tôi bị bắn chết, nhân dân địa phương ra xem rất đông. Một phóng viên hỏi: “Năm Nam Cao mất là năm 1951 dương lịch, nhưng bà con có ai nhớ là vào ngày, tháng nào không? Một cụ già đứng trong đám đông bõ bã nói: “Chả biết ngày dương lịch là ngày chó nào, chỉ biết hôm đó là ngày 30 tháng 10 ta thôi. Anh phóng viên lại hỏi tiếp: “Làm sao mà cụ nhớ kỹ ngày đó vậy?” Cụ già trả lời: “Hôm ấy là ngày tôi bỏ trâu cho thằng con trai cả. Buổi sáng ùng oàng mãi, không sao đi được. Phải để đến buổi

chiều, thế mà nhà gái họ hành cho gần chết!”. Sau đó, khi về tới nhà, chúng tôi đem lịch vạn niên ra tra thì đúng vào năm 1951 ngày 28-11 trùng với ngày 30-10 âm lịch. Qua bốn thông tin nêu ở trên, gia đình xác định: cha tôi hy sinh ngày 30-11-1951 hoặc ngày 28-11-1951 còn ngày 30-2-1951 như nhà báo Nguyễn Uyển nói nhà văn Tô Hoài cung cấp, thì một trong hai người đã nhầm vì cho tới ngày 17-9-1951 cha tôi còn ghi nhật ký như sau:

- 17-9-1951 cả ngày ở chỗ bác Lý. Tối sang dò Hoành. Ngủ ở bến Bảo. Nhưng thấy ca nô lại ra đi... (bác Lý là anh ruột mẹ tôi, khi đó đang tản cư xa quê. Như vậy ngày 17-9-1951 cha tôi còn ghé lại nhà bác tôi và ở chơi cả ngày. Điều này cũng phù hợp với câu chuyện của người con dâu bác tôi. Sau khi cha tôi hy sinh chị đã kể lại với mẹ tôi về chuyến viếng thăm đó).

Và tới ngày 18-9-1951 cha tôi viết:

- Địa điểm Hội nghị. Đọc truyện ngắn:

1. Giữ làng (Phạm Lê Văn)

2. ...

Và tiếp theo cha tôi ghi ngày 18-9-1951 Người còn đọc thêm ba truyện ngắn: Ánh đuốc, Tình yêu, Chị Cu Rích đi dân công... và ghi đầy đủ nhận xét về từng chuyện.

Do những điều ghi trên mà trước ngày tìm thấy hài cốt cha tôi, gia đình tôi đều lấy ngày 30-11 hàng năm để cúng, giỗ cha tôi. Từ khi tìm thấy hài cốt của Người, gia đình lưu tâm cả đến ngày 28-11-1951 là ngày Bích Hằng nói rằng cha tôi hy sinh hôm đó và được cụ già ở thôn Mưỡu Giáp nơi cha tôi và đồng đội ngã xuống xác nhận. Bây giờ trong tháng mười một hàng năm, chúng tôi hương khói cho cha cả hai ngày 28 và 30. Nhưng trong thâm tâm của mỗi chị em chúng tôi, những người con của nhà văn Nam Cao, vẫn mong mỗi xác định được chính xác ngày ra đi vĩnh viễn của cha mình. Nhân bài viết này tôi rất mong muốn bạn đọc gần xa và tất cả những ai yêu mến nhà văn Nam Cao, xin báo giúp cho gia đình. Chúng tôi rất biết ơn...

Nam Định, ngày 1 - 6 - 2005

DỪ RẰNG CÒN PHẢI “SỐNG MÒN”

Mỗi khi đọc lại tiểu thuyết “*Sống mòn*” của cha tôi - nhà văn Nam Cao. Tôi vẫn như nhìn thấy bóng dáng cha mình, thấp thoáng trong hình ảnh của thầy giáo Thứ.

Ngày ấy, vừa tròn mười tám tuổi, từ một làng quê nghèo của tỉnh Hà Nam ở ngoài miền Bắc, cha tôi, một mình lặn lội vào Sài Gòn ở tận miền Nam nhằm kiếm việc làm, để tự nuôi thân và mong thực hiện những hoài bão lớn của tuổi trẻ. Gần ba năm bươn trải nơi đất khách quê người. Cuộc sống đang như con thuyền thuận buồm, xuôi gió thì một tai họa bất ngờ ập đến, ấy là trận ốm thập tử nhất sinh, lại đẩy ông trở về nơi chôn nhau, cắt rốn. Sau hơn một năm chữa chạy, bệnh tình mới tạm thuyên giảm, cha tôi lại vội vàng, đi kiếm việc làm. Được người ta thuê dạy học ở một trường tư thục, tại ngoại thành Hà Nội. Thế là cha tôi trở thành thầy giáo từ đó.

Ngày, đầu đến với nghề, chưa chắc phải vì lòng yêu trường; mến trẻ. Mà đơn giản là đang cần việc làm để có cơm ăn, áo mặc. Rồi ngày ngày lên lớp giảng dạy, tiếp xúc với học trò. Luôn luôn chạm với những ánh mắt thơ ngây, trong sáng. được nghe những giọng nói thỏ thẻ đáng yêu của các trò nhỏ, nên đã nảy nở tình yêu con trẻ và mái trường. Tình yêu đó cứ lớn dần theo năm tháng, và rồi cha tự thấy yêu nghề, yêu trẻ biết nhường nào. Điều đó đã được Người mô tả chân thực thế này: "... Y là một ông thầy rất tận tâm. Y soạn bài, giảng bài, chấm bài thật kỹ càng. Bao nhiêu tâm lực, bao nhiêu thì giờ, đều dùng cả cho nhà trường, cho lũ học trò... Và Thú hài lòng lắm lắm!...". Điều đó, còn được học sinh ghi nhận, khi thầy giáo đã rời bục giảng gần sáu chục năm, và học trò đã ở tuổi trên bảy mươi, qua mấy vần thơ sau:

*"Ngôi nhà nhỏ, bên bờ Hồ Tây,
Gác lộng gió, là lớp của thầy
Thầy Nam Cao - Người thầy hiền hậu
Chẳng phạt ai - ai cũng kính thầy.
Giảng dạy hết lòng vì trò nhỏ.
Com lê sờn, hai bộ đổi thay.
Học trò nghèo định xin nghỉ học.
Cảm thương - học phí trừ lương thầy.*

*Lúc bình thường, thầy thường ít nói.
Khi giảng bài, thầy rất hăng say.
Trường Công Thanh nơi thầy đứng bục
Trước Máy Da, đường Thụy Khê nay...”.*

Người học trò đó là ông Nguyễn Trọng Hoàn, hiện là cán bộ nghỉ hưu. Đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàn gửi bài thơ này, cùng với bức thư viết cho mẹ tôi, nhân ngày giỗ cha tôi vào năm 1996.

Dù tình yêu nghề, yêu học trò sâu sắc, nhưng phải sống và làm nghề trong chế độ cũ, quyền lợi và nhân cách của người thầy không được tôn trọng, công sức của thầy bỏ ra, không được đền đáp xứng đáng. Kiếp sống mỗi mòn đã đẩy tình cảm của thầy, đến bước đường cùng và vì vậy, đôi khi không thể làm chủ được bản thân. Thầy đã có những cử chỉ, trái với hình ảnh của người thầy giáo, để rồi khi bình tĩnh lại đã vô cùng ân hận, xót xa. Đó là một lần như sau: “... San quả quyết rằng, Oanh đếm từng bát cơm mỗi người ăn... Oanh đong thứ gạo xấu nhất, mua quá ít đồ ăn, hà tiện cả từ tí nước mắm trở đi là cố ý cho mọi người chỉ ăn được ít cơm... Một đôi khi, Thứ đã thấy cản trở miếng lại Oanh. Một lần, ăn mới xong một bát cơm đã thấy hết cả thức ăn, San cầm lấy cái đĩa đựng đậu kho, chỉ còn một tí nước và vài lá hành, đổ cơm vào trộn

đi, trộn lại sạch như lau. Trộn xong, y trút vào bát của y, thông thả và cẩn thận gặt từng hạt cơm dính trong lòng đĩa xuống. Rồi San đặt cái đĩa không ra hẳn ngoài mâm, thủng thẳng nói một mình:

- Để riêng nó ra đây - Sạch lắm rồi. Lát nữa không cần phải rửa, thằng Mô tha hồ thích nhé!...

Biết là San có ý xỏ Oanh, Thứ cố nhin cười. Y vội vã vớ lấy cái đĩa, cự San:

- Anh phí của vừa vừa chứ! Tôi còn đang ăn cơm nhạt đây. Làm xái nhất rồi, cũng phải để cho người khác nhờ cái xái nhì chứ lại! Thứ sẻ một ít cơm vào cái đĩa đã chẳng còn hơi một chút mắm, muối nào, vờ trộn lại. San khoái trí, vì cái trò hề cay độc ấy, đập đôi đũa xuống đùi, cười bắn cả cơm ra. Lũ trẻ cũng cười, chỉ có Oanh là buông mặt xuống chẳng nói năng gì. Y và vội vàng hết bát cơm rồi quăng bát đũa đứng lên. San và Thứ ăn nốt chỗ cơm dở rồi cũng đứng lên”.

Câu chuyện trên xảy ra vào năm 1940 của thế kỷ trước. Lúc ấy hai thầy giáo trẻ ở cùng một làng quê, ra ngoại thành Hà Nội, để dạy thuê cho một người có vốn mở trường dạy tư là cô giáo Oanh. Trường chỉ có năm lớp học và ba thầy cô giáo. Cha tôi vì có bằng Thành chung, nên phải đảm nhiệm chức hiệu trưởng và dạy hai lớp nhất, nhì. Lương được trả mỗi tháng hai mươi đồng. Thầy San dạy

hai lớp sau, lương được mười đồng một tháng. Cô Oanh dạy một lớp dưới nữa và là bà chủ nhà trường. Vì không đủ tiền thuê nhà nên hai thầy giáo ở trên gác xếp của nhà trường và gửi tiền ăn hàng tháng cho cô Oanh quản lý, chi tiêu luôn. Người nấu ăn cho tất cả là anh giúp việc của trường. Những thiếu thốn và bức xúc hàng ngày đã đẩy họ đối nghịch với nhau thường xuyên và đôi khi bùng nổ lên thành những trận chiến như vậy. Nhưng với cha tôi, ngay lúc lên giường nằm nghỉ trưa hôm ấy, cha tôi suy nghĩ lại và Người đã thấy ân hận về cử chỉ khiêm nhã của mình. Chiều hôm đó khi lên lớp, đứng trước học trò, Người rất ngượng ngùng. Cha tôi cảm thấy việc làm ấy của mình như còn để lại vết tích ở trên mặt. Những cặp mắt long lanh của học trò chăm chú nhìn thầy rất trù mến. Nhưng Người lại thấy như chúng có vẻ soi mói hoặc ngạc nhiên, chế nhạo mình. Người mất hẳn giọng nói chắc nịch của mọi ngày và tự hỏi: “Liệu mình có còn đáng mặt giảng giải những điều hay, nét tốt nữa không”. Rồi cha tôi tự trách mình: Những lời nói từ xưa đến nay được coi như là châm ngôn để thực hành, lại chỉ là những câu giáo dục suông thôi sao? Nếu vậy thì có khác nào, ta bảo học trò: “Chỉ nên làm những điều ta bảo, chớ đừng làm những việc ta làm”.

Trong cuộc đời cha tôi, thời gian Người dạy học không nhiều. Ở trường Công Thanh, khoảng ngót bốn năm. Sau đó giặc Nhật chiếm trường làm chuồng ngựa. Người về quê. Hè năm 1941 cha tôi sang tỉnh Thái Bình dạy ở trường tư thục Kỳ Giang thêm một thời gian ngắn nữa. Từ năm 1943, cha tôi nghỉ dạy để hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc và viết văn. Đến tổng khởi nghĩa, Người về quê hương tham gia cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, làm chủ tịch xã Nhân Hậu một thời gian. Sau đó cha tôi thoát ly đi công tác kháng chiến chống Pháp, cho tới ngày hy sinh vào cuối năm 1951. Với mấy năm làm nghề dạy học, tuy ngắn ngủi, nhưng, những gì cha tôi để lại về việc rèn luyện nhân cách người thầy giáo, luôn luôn là bài học quý giá, thiêng liêng trong suốt cuộc đời theo nghề “trồng người” của tôi sau này.

Năm hai mươi tuổi, tôi được Ty Giáo dục Hà Nam tuyển vào dạy ở một trường tiểu học. Rồi theo thời gian, tôi nỗ lực học hành thêm và chuyển đến thành phố Nam Định, làm việc trong một trường trung cấp kỹ thuật thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Trong chặng đường ngót bốn mươi năm gắn bó với nghề “trồng người” tôi lúc trực tiếp đứng trên bục giảng, khi làm công tác tuyển sinh hoặc quản lý học sinh.



*Lễ kỷ niệm 80 năm ngày sinh Nam Cao
ở Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Nam Định*

Khác với cha ngày xưa toàn phải “sống mòn” trong các nhà trường tư thực, con gái cha ngày nay được lao động trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, vì đất nước còn nghèo nên đời sống của thầy và trò đều rất khó khăn. Mà nhiều khi con lại luôn tác nghiệp trong những lĩnh vực khá nhạy cảm, như làm ở bộ phận tuyển sinh. Bản thân con gái cha không phải khi nào cũng vững vàng, mà thật ra nhiều lúc đã thấy chao đảo. Song, cứ mỗi lần trong đầu con xuất hiện một suy nghĩ tâm tối, thì bóng hình cha bỗng xuất hiện thấp thoáng bên

con. Lúc đó nét mặt cha hốc hác, buồn rầu và giọng cha thủ thỉ bên tai con: “Đừng để cho học sinh nghĩ rằng: “Chỉ làm những điều ta bảo, chớ đừng làm những việc ta làm con ạ. Và con đã kịp dừng lại khi còn chưa quá muộn”.

Con xin cảm ơn cha của con. Dù rằng khi con bước vào đời, cha đã chẳng còn được ở bên con để mà trực tiếp dạy bảo con điều hay lẽ phải. Nhưng nhờ vào những việc cha làm, và những điều cha từng ghi lại trong mấy năm, cha làm thầy giáo, mà cha giúp được con của cha, vượt qua mọi cám dỗ của cuộc sống. Để hôm nay ghi lại mấy dòng này. Con có quyền tự hào mà nói rằng: “Nên làm những điều ta bảo và có thể làm những việc ta làm”.

HAI CHÀNG RỂ CỦA HAI NHÀ VĂN HIỆN THỰC VIỆT NAM

Ngày 12-5-2004 một đoàn cán bộ của Viện Văn học Việt Nam gồm giáo sư Phong Lê, anh Đào Tuấn Anh, chị Thanh Vân và chị Lưu Khánh Thơ đến thăm gia đình tôi ở số nhà 16 phố Nguyễn Du - Thành phố Nam Định.

Câu chuyện diễn ra suốt buổi trưa hôm ấy, giữa vợ chồng tôi và đoàn cán bộ Viện Văn học. Chốc chốc tôi lại nghe các anh, các chị nhắc đến con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng với tình cảm thật trìu mến và hết lời khen ngợi anh, về tình cảm và việc làm của người con rể đối với cha vợ. Rồi một ngày đầu thu năm 2004 vợ chồng tôi đến Nhà xuất bản Kim Đồng gặp chị Thanh Nga. Trong câu chuyện, chị Nga cũng hết lời khen con rể nhà văn lớn Vũ Trọng Phụng.

Từ đó trong thâm tâm tôi có chút tò mò, lòng tôi thầm ước có một lần được gặp người mà ở đâu

cũng được người ta “tăng bốc” lên tận mây xanh đến vậy? Rồi theo thời gian, với những bận bịu trong cuộc sống, tôi gần như đã lãng quên chuyện về con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng. Thì lại một sự bất ngờ - xảy đến. Đó là vào khoảng chín giờ tối ngày 20 tháng 8 vừa qua, tự nhiên tôi nhận được cuộc điện thoại:

- A lô! Có phải nhà chị Hồng đây không ạ?

Tiếng đàn ông vang lên ở đầu dây bên kia

- Thưa vâng. Tôi trả lời

- Xin cho tôi gặp chị Hồng.

- Tôi đây ạ. Tôi nói.

Lập tức có tiếng đáp lại ngay:

- Tôi là con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng đây chị Hồng ạ. Tôi muốn được đến thăm chị và gia đình, chị cho phép chứ ạ!

Tôi trả lời:

- Vâng, xin mời anh, tôi rất mừng. Được nghe tiếng về anh đã lâu, nay lại được gặp mặt thì còn gì vui bằng ạ. Mời anh cứ đến, chúng tôi sẵn sàng đón tiếp anh ạ.

Sau cuộc điện đàm đó, anh còn gọi thêm một cuộc nữa vào chiều hôm sau, để hẹn giờ chính thức cho buổi gặp mặt, tại nhà chúng tôi trong ngày 28-8-2005.

Con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng tên là Nghiêm Xuân Sơn, năm nay đã ở tuổi bảy mươi. Ông Sơn cho biết: nhà văn chỉ có duy nhất một người con gái là bà Vũ Thị Hằng (vợ ông). Bà Hằng đã qua đời vì bệnh thận cách đây đã gần mười năm. Ông ở vậy thay bà nuôi dạy bốn con. Khi con trưởng thành gây dựng cho chúng và chăm lo mọi công việc của gia đình nhà văn quá cố Vũ Trọng Phụng. Lúc ông bà đến với nhau vào năm 1955, bà vừa tròn mười tám tuổi, gia cảnh của bà Hằng lúc đó như người ta mô tả về nhà văn Vũ Trọng Phụng thế này "... Có lẽ Vũ Trọng Phụng bị đẩy vào tình trạng đau uất hơn cả, số phận đã vùi dập tàn nhẫn những khát khao được khơi dậy ở người trẻ tuổi tài hoa và sắc sảo này... phải sớm bỏ học đi làm kiếm sống. Nhưng nơi này sa thải, nơi kia xua đuổi... cuối cùng đành phải sống thật với cái nghề mà một nhà văn hồi đó phải thốt kêu lên là "khổ như chó" là cái nghề làm văn, làm báo chuyên nghiệp. Lại bị dập xuống vì cái bệnh lao quái ác thuộc "tứ chứng nan y" ngày càng phát triển mà vẫn phải làm việc. Cái lưng không cúi trên trang giấy, một bàn tay gầy guộc úp lấy cổ để giữ những cơn ho, tay cứ viết, viết liên tục, viết đủ loại, viết cật lực để nuôi bà, nuôi mẹ, nuôi thân và sau này nuôi vợ, nuôi con...".



Ông Nghiêm Xuân Sơn (con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng) và ông Nguyễn Côn (con rể nhà văn Nam Cao)

Ở hoàn cảnh như vậy, khi nhà văn mất đi để lại người vợ trẻ với đứa con thơ vừa đầy năm, lại phải nuôi cả bà chồng, mẹ chồng thì làm sao đời sống khá giả được... Ông cho biết: khi ông bà cưới nhau xong, sống cùng ông trong căn nhà như cái lều chỉ có 12m² ở Hà Nội, hàng ngày là ba người phụ nữ gồm bà nội của vợ, mẹ vợ, và vợ, chỉ mình ông là nam giới. Ông bà đã phụng dưỡng các cụ chu đáo cho tới khi các cụ qua đời vào năm 1966 và 1976. Thế rồi năm 1996 bà Hằng cũng ra đi để lại cho ông bốn đứa con. Tôi đùa hỏi ông Sơn: “Sao anh không đi bước nữa cho có bầu, có bạn. Người ta

bảo: Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông kia mà”. Ông Sơn trầm hẳn: “Tôi thương nhà tôi lắm! Cả một đời lận đận, nay con cái lớn rồi, đời sống dễ thở hơn một chút thì bà không còn nữa. Tôi không thể nghĩ được đến ai ngoài bà ấy nữa”.

Năm ngoái, qua câu chuyện của các anh, các chị trong đoàn cán bộ Viện Văn học, tôi được biết ông Sơn từng lo liệu phần mộ của nhà văn chu đáo, xây “Nhà tưởng niệm Vũ Trọng Phụng” khang trang ngay tại Hà Nội. Ông còn lo sưu tầm, bảo tồn những kỷ vật và tác phẩm của nhà văn. Ông chăm lo phụng dưỡng bà và mẹ vợ cho tận đến lúc các cụ qua đời... Đến khi được gặp ông Sơn, nghe ông tâm sự tôi càng hiểu thêm về ông nên càng cảm phục ông hơn.

Chuyến thăm gia đình tôi hôm đó, ngoài ông ra còn có cả con trai ông, hai cán bộ của Viện Văn học, phóng viên tạp chí *Thế giới mới*, báo *Quân đội nhân dân*, một bạn đọc yêu thích văn chương nhà văn Vũ Trọng Phụng. Đặc biệt đi cùng đoàn có chị Vũ Thái Hà đại diện họ Vũ đồng thời là cán bộ của tổ chức UNESCO Việt Nam. Cả đoàn dừng lại gia đình tôi chơi một lúc, sau đó cùng vợ chồng tôi đi thăm mộ cha tôi, thăm “Nhà tưởng niệm Nam Cao”, thăm ngôi nhà của ông chánh Bính nguyên mẫu nhân vật “bá Kiến” trong truyện “*Chí Phèo*”

của cha tôi, làng Đại Hoàng, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Chúng tôi nán lại trong nhà “Bá Kiến” khá lâu. Các anh, các chị ngắm nghía ngôi nhà từ gian chính đến gian phụ, những cột gỗ lim to, những rui mè dọc ngang, những cánh cửa... và cả mái ngói rêu phong, các anh chị bảo: ngôi nhà này thật là vô giá và xin gia chủ hãy giữ lấy để ở đừng bán đi, phí lắm đấy! Trên đường từ nhà Bá Kiến quay lại “Nhà tưởng niệm Nam Cao”, chồng tôi chỉ cho các anh chị xem lại bờ sông có vườn chuối nơi “Chí Phèo” tình tự với “Thị Nở”. Anh Phan Xuân Nghiêm, cán bộ của Viện Văn học có hình dáng rất giống nhà sử học Dương Trung Quốc đã tức cảnh đọc mấy vần thơ:

Nhà văn như Thị Nở

*Bát cháo hành Thị Nở thức tỉnh Chí Phèo
trở lại làm người*

Chỉ bát cháo hành ấy thôi

Và Nam Cao để đời

Một nhân văn nghệ thuật

Ông đã mất

Nhưng ông không khuất

Bát cháo hành còn tỏa mãi trang văn

Trong sáu giờ đồng hồ, chúng tôi ở bên nhau, ông Sơn tâm sự khá nhiều chuyện. Ông bảo: “Sở dĩ

ông muốn tới thăm gia đình tôi, là để con, cháu hai nhà vẫn có dịp quen biết nhau. Vừa tạo nên tình cảm thân thiện, vừa tiến tới trao đổi kinh nghiệm cùng nhau, mong mỗi giữ gìn được truyền thống gia đình cho hai nhà vẫn quá cố”. Rồi ông nhỏ nhẹ tiếp lời rằng chúng ta đều đã ở tuổi xưa nay hiếm rồi “tôi muốn mình bàn bạc với nhau, chuẩn bị điều kiện để còn bàn giao lại cho thế hệ sau. Cầu mong chúng nó giữ được nghiệp nhà”.

Ông trần trở nói đến dự định của mình thành lập một câu lạc bộ các gia đình nhà văn. Gây một quỹ “tài năng văn học” nhằm giúp các cháu là con cháu trong câu lạc bộ có năng khiếu văn chương, để chúng không lo lắng quá về cơm áo mà yên tâm với việc rèn luyện, thực hiện ước mơ.

Nghe ông Sơn tâm sự những điều từ gan ruột, bằng trách nhiệm một người con rể đối với cha vợ, bằng tâm huyết với dòng tộc một nhà văn lớn, tôi chợt hiểu ra tại sao những cán bộ ở Viện Văn học lại khâm phục và yêu quý ông đến vậy.

Nhưng cũng sẽ thật không công bằng, nếu tôi chỉ ca ngợi con rể nhà văn Vũ Trọng Phụng mà quên đi một chàng rể khác, của một nhà văn khác, hàng ngày đang hiện hữu ngay bên cạnh mình, cùng mình chia sẻ trách nhiệm gia đình trong suốt hơn bốn chục năm qua. Người đó chính là con rể

nhà văn Nam Cao và là người bạn đời của tôi. Tên anh là Nguyễn Côn năm nay đã bảy mươi một tuổi.

Khác với hoàn cảnh gia đình nhà văn Vũ Trọng Phụng, cha mẹ tôi có năm người con: ba trai, hai gái. Nhưng tiếc rằng cô em gái của tôi đã sớm lìa bỏ chúng tôi khi mới gần hai tuổi đời. Chúng tôi còn lại bốn chị em và chỉ mình tôi là gái, nhưng là con cả. Cha tôi mất sớm đương nhiên trách nhiệm gia đình của tôi sẽ phải lớn hơn các em.

Khi anh đến với tôi, tôi đã dãi bầy hết với anh về hoàn cảnh đó. Anh rất thông cảm và nói rằng anh sẽ chia sẻ cùng tôi tất cả. Khi tôi nhận lời cùng anh đi đến hôn nhân, là lúc tôi và Mai Thiên (em giáp tôi) đi học xa nhà. Lúc đó anh đang dạy học ở một trường huyện. Anh xin chuyển về quê tôi dạy học và đến ở hẳn cùng mẹ và hai em tôi để có điều kiện giúp mẹ tôi chăm sóc sự học hành của các em tôi. Sau khi chúng tôi cưới nhau vào năm 1962, rồi sinh đứa con đầu lòng cuối năm 1963, anh tìm mọi cách đưa mẹ tôi và hai em đến ở cùng chúng tôi tại thành phố Nam Định, để bà cháu, mẹ con nương tựa vào nhau. Tất cả những thủ tục di chuyển đều do một tay anh lo liệu. Sau này các em tôi trưởng thành, xây dựng gia đình rồi chúng đều ra ở riêng, chỉ còn lại vợ chồng tôi và mẹ vẫn sống cùng nhau, cho tận đến ngày bà qua đời vào năm 2002. Trong

quá trình chung sống với nhau, mẹ tôi và anh nói chung là hòa hợp. Bản thân tôi phần vì con nhỏ, phần cũng không phải là dạng người tháo vát, do vậy phần lớn, những khi mẹ tôi đau ốm và sau này già yếu đều do anh và các em tôi chăm sóc nâng giắc, chứ tôi chẳng chăm sóc mẹ được là mấy. Và cũng thật là lạ, tuy không phải con ruột mà cá tính của anh và mẹ tôi lại giống nhau đến thế: hai người đều nhanh nhẹn, tháo vát hay làm, tính tình nóng nảy. Việc gì đã định là phải làm ngay, chậm trễ một chút là không sao chịu được. Đun bếp cũng muốn ngọn lửa phải cháy thật to... và luôn sôi nổi vui vẻ chứ không trầm trầm, lành lạnh như bố con tôi. Còn đối với cha tôi, anh không hề được biết mặt nhưng lòng kính yêu của anh với cha tôi thật là sâu sắc. Từ những ngày anh còn dạy học ở làng tôi, cứ đến chủ nhật được nghỉ, anh lại theo ông nội tôi đi khắp làng để nghe ông dẫn giải xuất xứ các câu chuyện cha tôi viết và ông chỉ cho những mảnh vườn, ngôi nhà, hàng cây, khúc sông có liên quan đến tác phẩm văn chương của cha tôi. Rồi hàng năm, anh đều đặn vào nghĩa trang cha tôi nằm ở Ninh Bình để hương khói cho ông, chỉ với chiếc xe đạp lọc cọc một mình vào với Người. Chẳng vậy mà cái lần đoàn khảo sát của chương trình “Tìm lại Nam Cao” đến nghĩa trang Gia Viễn để các nhà

ngoại cảm tiếp xúc với cha tôi chiều ngày 24-11-1996, ngôi bên ngôi mộ của cha tôi, chị Bích Hằng là một trong số nhà ngoại cảm đột ngột gọi tên anh và nói: Bác Nam Cao bảo: “Cha rất mừng vì các con đã thay cha chăm sóc mẹ chu đáo bấy lâu nay, và từ những ngày tìm cha còn như “mò kim đáy bể” nhưng con vẫn thường xuyên đến thăm cha...”. Và trong khi tìm mộ cha tôi, rất nhiều thông tin cần xác minh lại cho rõ, anh đã âm thầm tìm đến mọi địa chỉ của huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, các huyện của tỉnh Ninh Bình, Hà Nội có liên quan để tìm hiểu tường tận, phục vụ thuận lợi cho việc tìm kiếm chính xác hài cốt cha vợ mình. Khi mộ đã xây xong, nhà tưởng niệm vừa hoàn thành, anh lại lo lắng đến việc chuẩn bị để khai trương “Nhà tưởng niệm Nam Cao”. Như con kiến tha mồi, anh sưu tầm rất nhiều bài báo viết về cha vợ, anh cất giữ những bức thư của các nơi và mọi người gửi đến gia đình, những bức ảnh có liên quan, và cả những đầu sách của cha tôi đã in mà gia đình không còn giữ lại được. Hoặç những đầu sách viết về Người, anh đều quan tâm tìm kiếm. Chính vì vậy, khi khai trương “Nhà tưởng niệm Nam Cao”, gia đình tôi đã đóng góp được đáng kể phần hiện vật và tài liệu để trưng bày. Hôm ông Sơn đến chơi nhà tôi, chồng tôi mừng rỡ ra mặt. Trong suốt mấy tiếng

đồng hồ, hai người kè kè bên nhau, chuyện trò to nhỏ. Tôi trêu anh: “Mới quen nhau lần đầu mà thân thiết nhỉ! Chỉ được cái “thấy người sang bắt quàng làm họ”. Anh bảo: Anh thực sự quý mến và thông cảm với ông Sơn. Một người con rể tâm huyết như thế, không phải là dễ kiếm tìm đâu. Anh còn bảo: đó là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ, anh thấy hai người thực sự tìm được ở nhau một tiếng nói chung. Rồi anh tâm niệm: “Anh rất cảm phục tấm lòng của ông ấy”.

Tôi biết rằng, chồng tôi chưa phải là người toàn diện và trong cuộc sống vợ chồng của chúng tôi, cũng không phải mọi lúc đều suôn sẻ. Nhưng riêng với tư cách anh là một chàng rể thì tôi xin ghi nhận rằng anh đã hoàn thành xuất sắc trách nhiệm của mình. Các cụ ngày xưa vẫn bảo: “Dâu là con, rể là khách”. Nhưng với hai chàng rể, mà tôi vừa kể thì họ xứng đáng là con lắm chứ!

Nam Định, ngày 6 - 9 - 2005

KHI NHÀ VĂN NAM CAO ĐÃ “MẶN CHUYỆN”

Khi đọc sách báo hoặc qua gặp gỡ trực tiếp. Tôi được nghe nhiều nhà văn, nhà báo nhận xét về tính cách cha tôi. Hầu hết đều bảo, cha tôi ít nói và có vẻ ngoài lạnh lạnh. Cha tôi cũng tự nhận rằng mình có “cái mặt không chơi được”. Riêng nhà văn Tô Hoài và Chu Văn lại bảo: Đây là lúc bình thường, chứ khi đã mẶn chuyện rồi thì ít ai nói kịp với cha tôi.

Nhà văn Tô Hoài thì mô tả: “Những người mới gặp Nam Cao thường nói: anh ta lạnh lùng quá, kéo mép lên mới nở được một nụ cười khó nhọc...” và bác nói tiếp: “... Khi vui chuyện hoặc quá chén thì cái anh chàng gầy gò kéo khoẻo ấy đỏ mặt, đỏ tai lên, vừa rung đùi vừa nói và lăm băm bàn tay. Chửi bới rất hùng hổ, coi trời bằng vung... Nào Góc - ki viết cũng xoàng. Lỗ Tấn thì khá một tí. Mình sâu một tý nữa có thể kịp Tê-Sê-Khốp... Tao ấy à, tiểu thuyết của tao sẽ... và rung đùi, và hoa chân, múa tay. Nhưng khi cái “bốc” ấy qua rồi, thì

Nam Cao cả ngày ngồi lừ rừ suy nghĩ”. Còn nhà văn Chu Văn, tuy chỉ gặp cha tôi đúng một lần nhưng ông cũng nhận xét: Bình thường cha tôi rất ít nói. Song, lúc mạn chuyện rồi, Người nói thật nhiều. Ông Chu Văn bảo: “Nam Cao chân thành, khiêm tốn, không ồn ào, pha trò rất chín. Người khác cười phá lên, thì anh chỉ tủm tỉm... Nhưng có lúc anh lại nói rất nhiều điều”.

Nhà văn Chu Văn gặp cha tôi một lần vào cuối năm, năm 1951. Cha tôi từ Việt Bắc về căn cứ khu III tại hang Độc Tru, huyện Lệ Thủy để bắt liên lạc vào công tác ở vùng sau lưng địch. Người nghỉ lại ở cơ quan nhà văn Chu Văn một đêm. Vào buổi tối, các ông đốt một đống lửa to ngay giữa nhà. Mọi người quây quần xung quanh đống lửa vừa sưởi, vừa nướng sắn ăn, vừa trò chuyện. Lúc ấy cha tôi nói rất nhiều chuyện. Nào chuyện làng Đại Hoàng quê tôi, với những đặc sản chuối ngự, hồng đỏ. Mùi thơm lừng mà ăn thì mát cả buồng phổi. Nào chuyện người dân khéo tay hay làm thạo rất nhiều nghề: dệt vải, làm vườn, thợ mộc... Nào chuyện địch càn quét dân làng chống trả quyết liệt. Chuyện thôn Đức Bản có ba mươi hai cụ già liệt sĩ... Khi nhà văn Chu Văn hỏi cha tôi về các nhân vật trong tác phẩm thì cha tôi sôi nổi hẳn lên. Người bảo: “Bá Kiến, Lý Cường, Bình Chúc... là có thật cả

đấy!” Cha tôi lại nói: “Những người như thế làng xã nào chả có, nếu muốn tìm Trạch Văn Đoàn, Thiên Lôi thì cứ đến ngã ba Tam Tình, chỗ gặp nhau giữa sông Hồng và sông Luộc ấy!”. Và Người kể có một lần Người đi tàu thủy qua Ba Trại. Lúc ấy thấy đói bụng nên mua một cái bánh chưng, khi bóc bánh định ăn, thì trong ruột chúng toàn là đất sét. Người lại bảo, tàu đến ngã ba Tam Tình thì cứ liệu hồn. Ở đấy xảy ra cướp bóc như cơm bữa. Cướp cả ban ngày. Truy nã ở Thái Bình thì chúng chạy sang Hưng Yên. Đuổi ở Hưng Yên nó chạy đến Hà Nam. Rồi Người kết luận: ở đấy người thật còn dữ dội hơn cả nhân vật ấy chứ! Cứ thế, cha tôi nói hết chuyện này sang chuyện khác. Đến quá nửa đêm mà chuyện vẫn chưa tàn.

Tôi cũng từng được cha đưa đi chúc tết và được chứng kiến một câu chuyện tương tự. Hồi ấy, tôi mới khoảng năm, sáu tuổi. Vào dịp tết hôm đó, mẹ tôi bận em bé. Sáng ngủ dậy, hai cha con ăn uống qua loa xong, mẹ bảo: “Sáng nay, hai bố con đi chúc tết ông bà đôi bên và bác cả. Sau đó vào nhà các cậu, các dì nữa nhé! Tranh thủ để chiều còn đến hàng xóm, láng giềng”. lát sau, cha con ra đi. Chúc tết ông bà nội, ngoại xong, hãy còn sớm lắm. Cha đưa tôi đến nhà bác. Lúc ấy trong nhà có bác trai, anh Hoàng Cao và chị Toan. Không thấy bác

gái. Cha tôi vừa bước vào nhà, chị Toan đã reo lên: “A, năm mới chú đến chơi, cháu chúc chú năm mới mạnh khỏe, làm ăn phát tài bằng năm, bằng mười năm ngoái ạ!” Cha tôi vừa tủm tủm cười, vừa bước vào nhà. Rồi bốn người quây quanh bàn nước, và chuyện bắt đầu nở như ngô rang. Tôi lén xuống bếp, chơi với lũ mèo con nhà bác. Thỉnh thoảng tôi lại nghe tiếng cười như nắc nẻ của chị Toan và anh Hoàng Cao vọng xuống.

Tôi đang say sưa, đùa nghịch với lũ mèo con, thì giật nảy mình vì một tiếng quát:

- Cái Toan đâu rồi? Đến tận bây giờ vẫn chưa cơm, nước gì hả? Mà hình như nhà cửa cũng chưa dọn dẹp gì tất cả? Con với cái!

Chị Toan ló đầu ra khỏi cái màn màn tre che cửa.

- Ô! Sao mẹ về sớm thế? Mà mẹ làm âm ỉ cả lên! Câu chuyện của chú đang hay. Mẹ làm con mất cả hứng! Và “dông” cả năm rồi!

Lúc ấy, cha tôi cũng bước ra hè.

- Bác đã về! Chết chưa, thế mà trưa mất rồi nhỉ.

Rồi cha tôi khẽ khàng bảo:

- Con ơi! Thôi chào bác và các anh, chị đi rồi mình về con!

Bác gái nhìn thấy cha tôi, hiểu ngay nguyên nhân nào đã làm chị Toan quên hết cả việc nhà. Bác cười cười bảo:

- Thì ra là vậy, lại là ông Tri. Chả trách mà... Và bác chuyển “gam” luôn: “Năm mới chúc chú mạnh khỏe, kiếm được nhiều tiền để cô ấy trang trải hết mọi khoản nợ nần” rồi bác mở hầu bao lấy ra đồng hào: “Bác mừng tuổi cho cháu gái của bác này”.

Hai cha con về đến nhà đã xế trưa. Mâm cơm đã dọn sẵn, mẹ tôi đang chờ hai cha con về ăn. Lúc ngồi bên mâm, mẹ tôi hỏi: “Sáng nay hai bố con đi được hết mọi nhà chưa?” Tôi nhanh nhẩu: “Mới đến được nhà ông bà và bác thôi ạ!” Mẹ tôi lẩm bẩm:

- Cả buổi sáng mà đi được có vậy. Chắc bố, con còn ngủ ở nhà bác Bật chứ gì?

Lúc ấy cha tôi mới thủng thảng đáp:

- Năm nay bố con mình cứ gọi là “dông” cả năm mất thôi. Đến nhà bác thì bác gái đuổi. Về nhà mình, thì lại bị mẹ mắng. Chiều nay bố con mình ở nhà “đánh” một giấc, để cho mẹ đi, thì mới gặp may được.

Sau khi cha tôi hy sinh rồi, các em thường đi học vắng nhà và chúng còn quá nhỏ. Những lúc nhớ cha, mẹ tôi thường đem mọi chuyện về cha tôi

để kể với tôi. Nhiều lần mẹ bảo: “Ai cũng tưởng cha con nói ít lắm! Nhưng, khi đã vui miệng rồi thì đố ai nói kịp với ông ấy đâu”. Trong nhà tôi, có lẽ cậu Thành - con thứ ba của cha mẹ tôi, giống tính cha tôi ở điểm đó.

NHÀ VĂN NAM CAO CẮT RỒN CHO CON

Trong gia đình, họ hàng nhà tôi, tất cả mọi người đều chung nhận xét: Cha tôi là người hiền lành, mát tính hiếm có. Các bác là chị ruột mẹ tôi thường bảo: “Chú Tri chẳng thấy nói to bao giờ nhỉ”. Còn mẹ tôi vẫn tự hào khoe với bè bạn hoặc họ hàng: “Nhà tôi, chẳng bao giờ động đến cái lông chân của tôi!” Ấy là bà nghĩ đến sự được chồng yêu thương và tôn trọng đầy thôi. Điều này chẳng có gì khó hiểu, bởi ở thời của các cụ, trong gia đình, người chồng luôn là thống soái. Họ có quyền quyết định mọi vấn đề, sẵn sàng xưng hô với vợ là “tao”, gọi vợ là “mày”. Nếu vợ hơi trái ý thì chồng có thể “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” mà chẳng ai đứng ra bênh vực cả. Thậm chí người vợ cũng cho đó là sự tự nhiên, là lẽ thường.

Ở hoàn cảnh xung quanh như vậy thì tại gia đình tôi, mẹ tôi được bàn bạc với cha tôi mọi việc. Từ việc mua nhà để ra ở riêng, tách khỏi ông bà nội, đến việc sắm sửa, làm ăn, chăm lo con cái. Từ

khi tôi biết đến khi cha tôi qua đời, tôi đều nghe cha gọi mẹ là “mợ” như các con. Vậy và có một lần, cha tôi làm cả nhà sưng sốt, ngứa ngàng. Ấy là vào một ngày đầu năm 1946, gần tết năm Bính Tuất, mẹ tôi mới sinh em Trần Hữu Thành, con thứ ba của mẹ tôi được khoảng một tuần lễ. Trong lúc cha tôi đang ngủ trưa, mẹ tôi bế con lên và ngắm nghía khắp người thằng bé. Chợt bà phát hiện ra cái dây buộc núm rốn thằng bé lòng thòng dài quá! Sợ khi con dậy, đập nó vướng víu vào tã lót làm con bị đau. Thấy cha tôi vừa thức dậy, bà liền gọi ngay chồng lại, đưa cái kéo vào tay, nhờ cắt bớt đoạn dây buộc rốn của con đi. Cái kéo quá cùn, cha tôi loay hoay mãi mà không dứt. ~~Tôi~~ còn đang ngái ngủ, lại thêm tiếng mẹ tôi cứ rí rả: “Phải dở cái kéo đi chứ! Cậu cắt thế làm sao mà dứt được”. Mẹ tôi nhắc đi nhắc lại: “Dở kéo đi, dở kéo đi”. Bất ngờ, cha tôi vút kéo đến xoạch một cái xuống đất. Ông đứng phắt dậy, hét toáng lên: “Dở, dở là dở thế nào. Dở ngược đi nữa hay sao. Đồ ngu như con bò ấy!” Rồi cha tôi chạy đăm sầm ra sân. Cả khuôn mặt lẫn hai tai đỏ lựng lên đúng như quả gấc chín. Lúc ấy, tôi đang ngáp ghé ở đầu hè, dán mắt qua cái màn chắn tre che cửa, được chứng kiến tất cả. Khi thấy cha tôi từ trong nhà lao ra, tôi hốt hoảng chạy một mạch ra cầu ao là nơi bác tôi (chị

gái của mẹ) đang giặt tã lót cho em Thành. Bác cũng đang từ dưới cầu ao nhảy vọt lên bờ, vừa chạy vào nhà vừa hỏi: “Làm sao thế?” Thấy im ắng bác dừng lại rồi lẩm bẩm: “Lạ nhỉ! Chú ấy có bao giờ to tiếng đâu, mà hôm nay...” Tôi kéo bác lại gần, rồi mếu máo kể lại với bác đầu đuôi câu chuyện. Bác vẫn chưa hết ngạc nhiên cứ tiếp tục: “Lạ thật đấy!”.

Mẹ tôi hàng ngày tính tình rất nóng nảy nên cực hay cáu giận, nhưng hôm ấy không hiểu sao lại rất mềm tính, dù vừa sinh nở, câu chuyện xảy ra thật đơn giản mà cha tôi quát âm lên nhưng mẹ tôi chẳng giận dỗi gì, cũng không hé răng nói nửa lời. Bà chờ cho chồng đi khuất, nhặt cái kéo lên, kiên trì ngồi xoay đi, xoay lại cắt cái dây ở rốn của con. Buổi chiều hôm đó, cha tôi đến đứng cạnh giường hai mẹ con. Ông ngắm nhìn con trai đầy trù mến và liếc nhìn vợ, có ý ngượng ngùng. Lúc đó mẹ tôi mới vừa mỉm cười vừa bảo: “Đấy, tôi đã dỡ kéo đi và cắt được cái dây ở rốn của con rồi! Vậy có ngu như bò không hả cậu?”. Lúc ấy cha tôi chỉ nín thinh, rồi vừa lảng đi, vừa nở một nụ cười bẽn lẽn.

Vậy mà câu chuyện này của cha mẹ tôi cũng theo tôi từ lúc tôi gần tám tuổi cho đến mãi ngày hôm nay. Các cụ xưa từng bảo: “Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa...” thật là cấm có sai tí nào.

VÀI ĐÒNG ĐÍNH CHÍNH

Ngay khi còn nhỏ tuổi, tôi đã mơ ước theo nghề văn như cha. Nhưng vừa không có năng khiếu, lại chả được học hành đến nơi đến chốn, cho nên ước mơ của tôi không thành hiện thực. Song, vì yêu mến văn chương nên tôi hay tìm sách báo để đọc và cũng vì tôi may mắn sinh ra trong một gia đình nhà văn, nhà báo. Cha tôi là nhà văn, nhà báo Nam Cao. Ông được nhiều đồng nghiệp, bạn đọc yêu mến. Do vậy mà gia đình tôi cũng được nhắc đến nhiều, trong các bài viết của các nhà văn, nhà báo... Điều đó, khiến chúng tôi vô cùng cảm động và biết ơn. Cũng từ sự quan tâm ấy mà mọi người biết đến gia đình chúng tôi để chia sẻ, giúp đỡ. Chẳng hạn, khi chưa tìm được mộ cha tôi, thông qua báo chí mà tổ chức UNESCO được biết nguyện vọng của gia đình, rồi chương trình “Tìm lại Nam Cao” được ra đời. Cuối cùng, sự mong đợi của gia đình đã được toại nguyện. Và trong nhiều khó khăn khác của gia đình cũng qua báo chí mà gia đình được xã hội giúp đỡ. Bên cạnh những niềm vui,

gia đình cũng gặp phải những nỗi buồn và cả sự khó xử nữa. Tôi xin kể ra đây vài điều, mong được mọi người thông cảm, chia sẻ.

Khoảng năm 1993 nhà văn Ngọc Giao viết một bài, trong đó có chi tiết kể lại rằng: Dịp đó nhà văn Ngọc Giao cùng mấy người bạn đến thăm gia đình chúng tôi. Vì nhà nghèo, cha tôi đã bẫy trộm gà hàng xóm để đãi khách. Khi truyện được in ra, thì cha tôi không còn ở trên cõi đời này nữa. Nhưng, chúng tôi đọc được và mẹ tôi nghe thấy. Mẹ tôi bàng hoàng nghẹn ngào kể lại: Lần đó vào cuối năm 1942, vừa trải qua một trận bão lớn. Mái nhà tranh của chúng tôi bị tốc hết. Giàn trầu không, gần cả cơ nghiệp cũng bị đổ hết. Những cây cối khác trong vườn như chuối, mía... nhất loạt gục xuống nằm như ngã rạ. Tôi lại đang ốm: miệng nôn, trôn tháo. Mẹ tôi vừa chạy đôn, chạy đáo lo thuốc thang cho con, vừa chạy ngược, chạy xuôi thuê thợ lợp nhà, dựng trầu, thì cha tôi đột ngột trở về và báo tin có mấy người bạn đến thăm nhà. Mẹ tôi trong lòng dạ rối bời, nhưng vẫn chân nam đá chân xiêu đi mua: nào thịt bê thui, nào rượu ngon. Rồi còn nhờ mấy người đang dựng trầu đuổi gà trong vườn để bắt làm thịt, đãi khách. Mẹ bảo lúc đó đã gần trưa rồi, ai còn nhốt gà trong chuồng nữa. Gà thả ra vườn rồi, phải ne mãi mới bắt được một con để thịt. Rồi mẹ tôi uất ức kêu lên: “Đấy!

Chuyện lạ như vậy, mà sao bây giờ người ta lại có thể dựng đứng lên như thế được”. Lúc đó, mặt mẹ đỏ bừng lên như là sắp khóc đến nơi. Tôi vội an ủi mẹ: “Chắc là có sự nhầm lẫn gì đấy mẹ ạ! Chứ bác Ngọc Giao vốn là bạn của cha con, đời nào bác ấy lại dựng chuyện cho nhà mình làm gì?” Thực lòng, tôi vẫn đinh ninh rằng không đời nào nhà văn Ngọc Giao lại muốn bôi nhọ, để xúc phạm cha tôi. Có thể bác muốn kể lại sự nghèo túng của gia đình tôi. Bác muốn nói đến những khó khăn của người bạn văn nghèo của mình, xuất phát từ sự thương cảm. Song, do bất cẩn và nhầm lẫn mà vô tình đã làm cho bạn đọc hiểu sai về cha tôi và gia đình tôi, để mẹ tôi phải buồn lòng.

Còn về sự khó xử mà gia đình từng gặp, tôi xin đơn cử một chuyện xảy ra gần đây nhất. Đó là vào năm 2004, có hai nhà báo từ thành phố Hồ Chí Minh ra, cùng đi có một chị ở Đài Truyền hình Việt Nam, một chị ở Viện Văn học về thăm gia đình. Họ đề nghị gia đình đưa đi thăm mộ cha tôi, sau đó, đến thăm ngôi nhà cũ của nhân vật “Bá Kiến” trong truyện “*Chí Phèo*”. Chủ nhà - chị Châm, đón tiếp khá nhiệt tình. Các anh chụp ảnh ngôi nhà, chụp ảnh chị chủ nhà, hứa khi về sẽ gửi ảnh tặng chị qua gia đình tôi. Người nhà quê vốn thật thà, chị Châm rất háo hức vì được phóng viên chụp ảnh cho, cứ trông ngóng ảnh tặng. Nhưng càng trông chờ, càng chẳng thấy đâu, chị Châm quay ra trách chúng tôi mỗi khi gặp.

Thế là người thất hứa không phải gia đình nhà văn Nam Cao. Nhưng, sau này mỗi khi về quê, chúng tôi đều phải tránh mặt chị Châm.

Và cũng còn những sự nhầm lẫn khác, không đến nỗi nghiêm trọng, nhưng cũng khiến gia đình chưa hẳn thật vui:

- Năm 1995 một nhà báo viết bài "*Chuyện về cụ bà Nam Cao*" đăng ở báo "*Đại đoàn kết*". Bức ảnh mẹ tôi ngồi bế cháu Nguyễn Thị Bích Thủy, con gái thứ hai của tôi, nhưng lại được tác giả chú thích: ảnh bà Nam Cao và "bé Hồng"- nhân vật trong *Bài học quét nhà* cùng ngôi nhà ở quê. Thực ra bức ảnh đó mẹ tôi chụp cùng con gái tôi, khi đang sơ tán trong kháng chiến chống Mỹ và lúc đó bà đã ngót sáu chục tuổi. Còn nếu đó là tôi thì mẹ mới gần ba mươi tuổi thôi. Làm sao tác giả lại nhầm một thiếu phụ chưa tròn ba mươi tuổi với một cụ già ngót sáu mươi tuổi được nhỉ?

Một nhà báo khác đăng bức ảnh mẹ tôi chụp với cô con dâu thứ, lại chú thích "*Mẹ và con gái*"

Rồi một cộng tác viên cùng quê với gia đình, viết nhầm bài về cha tôi, viết nhiều bài về cha tôi, có một bài nói rằng: cha tôi từng đánh ten nít và chơi cầu lông. Điều này anh cũng nhầm lẫn, vì hai môn thể thao này, xưa kia không thể có trên một làng quê nghèo được. Và lại, cha tôi suốt ngày lo ăn, lo mặc cho vợ, cho con làm gì còn điều kiện vui chơi kiểu đó.

Tai hại hơn, có một anh viết hẳn một quyển sách nói về cha tôi, cũng nhầm lẫn đáng tiếc thế này.

Hồi năm 1995, tôi viết một bài ngắn nhan đề “*Cha tôi nhà văn Nam Cao*” in trên tờ đặc san *Văn nghệ số 25* bộ mới. Anh này đã in nguyên si bài đó vào sách và ghi chú là: theo lời kể của bà Trần Thị Hồng con gái nhà văn Nam Cao. Tôi thực ngỡ ngàng nhưng rồi, theo đồng chí Phạm Quang Nghị - Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin. (Khi ấy đồng chí còn là Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam) bảo: “Việc làm đó của anh ấy là có lỗi! Song dù sao anh ấy cũng là người tâm huyết với quê hương và có lòng kính mến với nhà văn Nam Cao”. Rồi đồng chí khuyên tôi bỏ qua cho anh. Tôi không thấy giận, mà chỉ thoáng buồn!

Thưa các bác, các anh, chị. Nói ra những điều này cũng chỉ là do tôi rất yêu quý nghề văn, dù tôi không theo được nghề. Vì yêu quý nghề văn, nên tôi càng quý mến những người viết văn, viết báo. Tôi chỉ muốn các bác, các anh chị cẩn trọng để đừng xảy ra những nhầm lẫn đáng tiếc mà thôi, có điều gì chưa đúng mong các bác, các anh chị thông cảm, lượng thứ.

Nam Định, ngày 4 tháng 4 năm 2005

MỤC LỤC

Trang

● Thay lời giới thiệu - Tôi đã viết về cha tôi như thế nào	7
● Những dòng kỷ niệm	11
● Chúng tôi đi tìm mộ cha.....	32
● Những người thân của nhà văn Nam Cao.....	77
● Cha tôi - nhà văn Nam Cao	125
● Những nhân vật trong tác phẩm của nhà văn Nam Cao ở ngoài đời	215
● Ba cái tết đáng nhớ của gia đình nhà văn Nam Cao	241
● Đồng nghiệp của cha tôi	249
● Nỗi bùi ngùi của giáo sư Phong Lê đã được giải tỏa	263
● Bàn thêm về ngày sinh, ngày mất của nhà văn Nam Cao	269
● Dù rằng còn phải “sống mòn”.....	278
● Hai chàng rể của hai nhà văn hiện thực Việt Nam	286
● Khi nhà văn Nam Cao đã “mặn chuyện”.....	297
● Nhà văn Nam Cao cất rốn cho con	303
● Vài dòng đính chính	306

Chuyện
chưa biết về

Nhà văn
**Nam
Cao**

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LÊ VĂN ĐỆ

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÙNG THIÊN TÂN

Biên tập: Trần Cao Kiều
Trình bày, bìa: Nguyễn Trọng Kiên
Sửa in: Dương Châu

In 1500 cuốn, khổ 13x19cm, tại Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình, Thanh Hóa. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 1/2095-QLXB. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2006.